



CHÁNH PHÁP

HOẪNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



Như từ trong đống bùn nhơ vất bỏ trên đường lớn, sinh ra hoa sen thanh khiết ngọt ngào, làm đẹp ý mọi người.

Cũng thế, chỉ từ nơi chốn phàm phu ngu muội mới sản sanh những vị đệ tử bậc Chánh giác, đem trí tuệ soi sáng thế gian.

(Kinh Pháp Cú, Câu 58-59)

As upon a heap of rubbish thrown on the highway,
a sweet-smelling lovely lotus may grow.

Even so amongst worthless beings, a disciple of the Fully Enlightened
One outshines the blind worldlings in wisdom.

(Dhammapada, Verse 58-59)



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐD. Thích Thánh Thanh**
Thư ký: **ĐD. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Hồ Bích Hợp**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

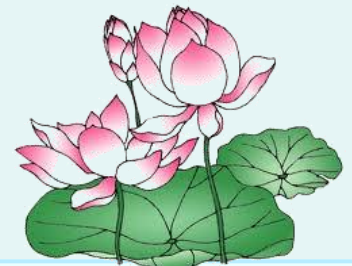
Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, rồi sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mọi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ THÔNG BÁO KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 6 (2016) (Ban Tổ Chức) trang 8
- ♦ ĐỒNG THỜI, ĐỒNG HIỆN VÀ SẴN ĐÙ (Nguyễn Thế Đăng), trang 9
- ♦ LÊN CHÙA, HÁI THUỐC TRÊN ĐÒI (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 12
- ♦ HƯƠNG VỊ GIẢI THOÁT (Thích Viên Thành), trang 13
- ♦ CÔI RIÊNG, VÔ THƯỜNG (thơ Nguyễn Tiến Quỳnh Dao), trang 15
- ♦ LỜI CHÀO MỪNG NGÀY HỌP MẶT HỘI NGỘ (Sa môn Thích Tín Nghĩa), trang 16
- ♦ KHÔI HƯƠNG, BƯỚC CHÂN... (thơ Vương Đức Lệ), trang 17
- ♦ TỪ ÁI VÀ BI MẪN TRONG HÀNH ĐỘNG (Tuệ Uyển dịch), trang 18
- ♦ VẤN ĐỀ KHÓ-VUI (TN. Trí Hải), trang 22
- ♦ THÀNH KÍNH PHÂN ƯU: NS. THÍCH NỮ LIÊN CHI & TT. THÍCH NHUAN CHÁU VIÊN TỊCH (GHPGVNTNHNK), trang 23
- ♦ KÊ CHUYỆN TRĂNG SAO (Thích Minh Chánh), trang 24
- ♦ KHIÊM CUNG (Giác Nguyên dịch), tr. 25
- ♦ GIÁM TUYẾT LÊN NON VIẾNG CỎ NHÂN (thơ Phi Vũ), trang 28
- ♦ NHỮNG NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU LÀM CHO THIÊN PHẢI TRÚC LÂM ĐỜI HẬU TRẦN SUY YẾU (Quảng Tánh), trang 29
- ♦ STORY OF BRAHMIN (Daw Mya Tin), trang 31
- ♦ MÔI TRƯỜNG SỐNG – Câu chuyện dưới cờ (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ TÂM XÁ – Phật Pháp thứ Năm (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ TÂM NHÂN – Lá Thư Đầu Tuần (Nhóm Áo Lam), trang 34
- ♦ HOÀI HƯƠNG (thơ Hoàng Thụy Dzung), trang 34
- ♦ TRUYỆN NGẮN TRĂM CHỮ (Steven N.), trang 35
- ♦ TUỆ TRUNG THƯỢNG SỸ tt. (Nguyễn Lang), trang 36
- ♦ ÁO TRẮNG PHỒ TRƯA, HOA TRẠNG NGUYÊN NỮ... (thơ Phù Du), trang 40
- ♦ PHIẾU GHI DANH (TĂNG NI) KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 6 (2016) (Ban Tổ Chức), tr. 41
- ♦ THƯ MỜI & PHIẾU GHI DANH DÀNH CHO PHẬT TỬ (ENGLISH & VIETNAMESE) KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 6 (2016) (Ban Tổ Chức), tr. 42 - 45
- ♦ CHÚNG TÔI MẮT NƯỚC NHƯNG CÒN TỰ ÁI (Nguyễn Văn Sâm), tr. 49
- ♦ PHẬT GIÁO VÀ TÔN GIÁO TỈ GIÁO (Thích Nguyên Hạnh dịch), trang 52
- ♦ GÁNH NẶNG MÙA XUÂN (thơ Thúy Ngân), trang 55
- ♦ THƯ CẢM ƠN (Ns. Thích Nữ Giới Châu), trang 56
- ♦ NẤU CHAY: CHẢ CÁ THÌ-LÀ (Chơn Nghiêm Chay Tịnh Quán), trang 57
- ♦ LỬ QUỲNH: MỘT CÔI THƠ LẠNG LẺ, TRONG VẬT (Nguyễn Giác), trang 58
- ♦ NÔNG NỔI TRÁ-VAY, ĐỜI ĐƠN GIẢN... (thơ Du Tâm Lăng Tử), tr. 60
- ♦ THẮNG TỰ, TÌM NGƯỜI MẮT XÁC (Huỳnh Kim Quang), trang 61
- ♦ HIẾU VÀ THƯƠNG TRẺ TỰ KỶ... (Thích Thánh Minh), trang 64
- ♦ KÊ CÙNG TỬ, GỖ CỬA MÙA XUÂN (thơ Lê Phương Châu), trang 65
- ♦ MƯA BÓNG MÂY (Hạnh Chi), trang 66
- ♦ CỬU VẬT VẬT TRÁ ƠN, CỬU NHÂN NHÂN TRÁ OÁN (Thế Thanh), tr. 68
- ♦ THOÁI HÓA ĐĨA ĐỆM (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 70
- ♦ TRUNG TÂM KHUYẾN HỌC TỈNH THỨC BODHI ACADEMY (Việt Báo), trang 71
- ♦ MẸ VÀ HOA MỘC LAN (thơ Bạch Xuân Phê), trang 73
- ♦ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 8 tt. (Vĩnh Hào), trang 74



Chi phiếu ủng hộ hoặc đặt báo, xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 53, tháng 04.2016, do Chùa Pháp Vũ (Florida) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ân phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

DỠI THEO DÒNG GIÓ BỤI

Những ngọn gió cuối mùa (hay đầu mùa?) đi ngang vườn cây vừa đơm lá mới.

Những cánh hoa rơi còn vương vãi nơi này nơi kia, dưới những gốc cây lớn, nhỏ.

Thỉnh thoảng, bụi và rác tung mù mịt theo gió. Gió qua rồi, rác nằm im, mà bụi hãy còn lơ lửng trong không.

Bầu trời cuộn cuộn mây xám như thể chuẩn bị cho một cơn mưa lớn. Nhưng không. Chỉ có những hạt nước, nhỏ như bụi, lất phất rơi xuống thêm rêu xanh.

Đừng nói sáo ngữ rằng ta là cát bụi sẽ trở về với cát bụi, khi chúng ta tiếp tục tham lam, theo đuổi không ngừng ý muốn chiếm hữu, tranh đoạt cho phần mình.

Đừng nghĩ suông rằng cuộc sống mong manh vô thường, khi chúng ta chưa thực sự mở lòng thương yêu, cảm thông, đón nhận quan điểm và lẽ sống của người khác.

Khi tham lam, thù hận, cuồng si, chúng ta quên mất sự hiện hữu của kẻ khác, mà cũng quên hẳn đi tính chất nhỏ nhoi và huyền mộng của cát bụi.

Khi chỉ biết có mình, chúng ta sẽ không bao giờ cảm nhận được nỗi đau khổ của kẻ khác—thường khi là hậu quả trực tiếp hay gián tiếp từ lòng tham, sân hận và sự cố chấp của chính chúng ta.

Lòng tham lam vị kỷ biến những hạt bụi thành những ván thạch, vãn thạch, hay thiên thạch, chuyển động, chày, va chạm nhau, hoặc xé toang bầu khí quyển, rơi thẳng xuống tạo những vết thương loang lổ trên bề mặt bình yên của các thiên thể, thậm chí còn hủy hoại môi sinh của cả một vùng rộng lớn. Thiên thạch nhỏ, va chạm nhỏ; thiên thạch lớn, va chạm lớn.

Một tình thương to lớn thì có thể làm mát rượi cả rừng xanh và bầu trời; trong khi một cái ngã to lớn thì chỉ có ngăn trở, đụng chạm, phá hoại.

Tại sao chúng ta cứ mãi gây khổ cho nhau chỉ vì ý muốn riêng của mình (hay ý muốn của một đảng phái, một cá nhân lãnh đạo, một đảng thiêng liêng vô hình nào đó)? Tại sao chúng ta cứ đẩy người khác vào khổ đau (và cái chết) chỉ vì họ không cùng niềm tin và lý tưởng với chúng ta? Có

chẳng một niềm tin chắc thật, tuyệt đối, mang lại hạnh phúc phổ cập cho tất cả mọi người? Ngay khi khởi lên ý niệm về một cái gì tuyệt đối, chúng ta đã bắt đầu đi vào thiên kiến, cực đoan, cắt đứt cơ hội cho việc truy tìm sự thực.

Chúng ta có là cát bụi không? Không. Chỉ có thân xác—hợp thành từ đất (cát bụi), nước, gió, lửa—sẽ trở về với lòng đất và hư không; nhưng tinh anh một đời (hay nhiều đời) của chúng ta thì còn ở lại, thay đổi, động chuyển và tái hiện nơi một môi trường thích ứng với tác hưởng của nó. Nếu không tin điều ấy thì hãy cứ tin, hoặc ví von đơn giản rằng, chúng ta là cát bụi, mong manh, nhỏ bé; và đừng quên chiêm nghiệm về tự thân cát bụi trước khi trở về với đất... Cát bụi chúng ta đã đến và đi như thế nào trong cõi đời mệnh mông và không gian vô hạn này? Hữu tình hay vô tình?

Trên thực tế, chúng ta không giống cát bụi, vì chúng ta không phải vô tình, vô cảm. Trong ta đã sẵn có tình thương yêu. Vì có sẵn, chúng ta đã biết yêu thương cha mẹ và những người thân từ lúc sơ sinh, ấu thời. Rồi càng trưởng thành, từ môi trường sống, từ gia đình và xã hội, mà hệ trọng nhất là từ nơi lòng vị kỷ của mỗi người, chúng ta đã vong thân, hóa thân thành những gì thật vô tình, vô cảm, như cát bụi. Và rồi chúng ta làm khổ mình, khổ người, hủy hoại niềm thương yêu mà đáng ra, chúng ta phải trân trọng, tha thiết trao tặng nhau không giới hạn trong cuộc tồn sinh này.

Lòng vị kỷ không mang lại hạnh phúc cho ai cả, ngay cả chính bản thân người vị kỷ. Niềm vui đến từ vị kỷ, không phải là hạnh phúc, mà chỉ là ảo giác nhất thời của sự thỏa mãn; là phóng ảnh của nỗ lực trong sự truy tìm hạnh phúc. Vị kỷ dẫn đến vô cảm; vô cảm dẫn đến cô đơn, ly cách.

Vì vậy, xin đừng nói nghĩ suông chúng ta là cát bụi, hay là những thiên thạch lạnh lùng rơi xuống đất này.

Ngoài kia, khi mặt trời lên, sương tan thành mây, bụi tung theo gió; và chúng ta, những người biết rung động trước cái đẹp, biết ưu tư về lẽ sống, có thể giao cảm hòa điệu với nhau trong tình thương yêu vô cùng.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

NHẬT BẢN: Lễ hội ném hạt đậu tại chùa Naritasan Shinshoji

Các ngôi sao đô vật Sumo và các diễn viên nổi tiếng đã tham gia một lễ hội ném hạt đậu để đón may mắn.

Lễ hội thường niên này được tổ chức tại chùa Naritasan Shinshoji, gần phi trường Narita (Tokyo) vào ngày 3-2-2016. Đây là sự kiện có truyền thống hàng trăm năm từ thời Edo.

Những người nổi tiếng tham dự bao gồm một diễn viên phim truyền hình dài một năm của đài NHK, và Hakuho – nhà đô vật vô địch tại Nhật.

Những người tham gia đã ném hạt đậu từ chánh điện của ngôi chùa, nơi có đông đảo người cầu may đổ xô đến để đón bắt sự may mắn.

Một phụ nữ khoảng 30 tuổi nói rằng cô hạnh phúc khi chụp được những hạt đậu, và cô cầu nguyện cho sức khỏe của con mình.

Sự kiện này thu hút hơn 50,000 người. Trong 3 đợt, khoảng 1,200 kg đậu nành và đậu phộng đã được ném ra tại chùa.

(NHK World – February 3, 2016)

Hình ảnh lễ hội ném hạt đậu tại các chùa của phái Shinto ở Nhật:



Đền Taiga-Taisha trong lễ ném hạt đậu



2013: Những người nổi tiếng của truyền hình Nhật tham gia lễ hội ném hạt đậu tại chùa Naritasan Shinshoji

Photos: Google

BANGLADESH: Khai quật 16 bảo tháp Phật giáo tại Nateshwar

Gần đây, 16 bảo tháp Phật giáo có niên đại khoảng 1,000 năm, với một nền phong phú về khảo cổ học, đã được khai quật tại Nateshwar ở huyện Munshiganj, cách thành phố Dhaka 29 km.

Các bảo tháp này rất độc đáo về mỹ học qua phong cách kiến trúc. Có 16 bảo tháp trong 4 sảnh đường liên kết nhau, mỗi tháp cao 16 mét và rộng 3.5 mét, có hình vuông và hàng rào.

Bằng chứng của nền văn minh cổ đại này được đưa ra ánh sáng trong một cuộc khai quật do Bangladesh và Trung quốc phối hợp thực hiện. Năm ngoái, một thành phố khoảng 1,300 năm tuổi đã được khai quật ở phía đông của di tích này. Ngoài những Phật tháp, nhiều cấu trúc khác bao gồm các con đường và các mương

nước đã được tìm thấy tại đó.

Giáo sư Sufi Nustufizur Rahman của trường Đại học Jahangirnagar, Bangladesh, giám đốc nghiên cứu Dự án Khai quật, và giám đốc Viện khảo cổ Hồ Nam của Trung quốc bày tỏ sự kỳ vọng của họ rằng Nateshwar sẽ là một phần của Di sản Thế giới.

(Asia News Network – February 1, 2016)



Di tích của các bảo tháp Phật giáo 1,000 năm tuổi tại Nateshwar, Bangladesh



Photos: ANN

ẤN ĐỘ: Đức Karmapa 17 sẽ thành lập trường đại học tu viện dành cho chư ni

Bồ đề Đạo tràng, Bihar – Ngày 4-2-2016, trước hơn 400 ni cô đến từ các ni viện trên khắp dãy Hi Mã Lạp Sơn, vị lãnh đạo tôn giáo Tây Tạng Karmapa Ogyen Trinley Dorje 17 đã công bố việc thành lập một trường đại học tu viện Bồ đề Đạo tràng để giảng dạy và trao quyền cho nữ Phật tử từ



Lễ hội ném hạt đậu để xua đuổi tà ma

vùng Hi Mã Lạp Sơn.

Trường đại học tu viện dự kiến sẽ cung cấp các cơ hội học hành cho nữ cư sĩ cũng như nữ tu sĩ Phật giáo.

Công bố được truyền đi vào ngày cuối cùng của sự kiện Pháp Hội Mùa đông Arya Kshema lần thứ 3.

Sự kiện diễn ra trong 3 tuần này bao gồm các bài giảng hàng ngày do chính Đức Karmapa đặc biệt dành cho chư ni, cùng với nghiên cứu chuyên sâu và các buổi thảo luận chính thức, cũng như các lễ nghi và các buổi thiền hành đặc biệt.

Đức Karmapa 17 giảng dạy cho hàng triệu Phật tử trên khắp thế giới. Ngài đã lập một đợt vận động tu viện sinh thái với hơn 50 tu viện trên khắp vùng Hi Mã Lạp Sơn với vai trò là các trung tâm hoạt động xanh.

(IANS - February 4, 2016)

MIẾN ĐIỆN: Tu viện Maha Gandayone: Một trung tâm dành cho tăng sĩ và du khách

Nổi tiếng tại Miến Điện về sự nghiêm ngặt của giới luật và giáo lý nhà Phật, Tu viện Maha Gandayone trong nhiều năm nay là một điểm thu hút du lịch thích hợp. Mỗi buổi sáng, có rất đông người tập trung xung quanh tu viện để chụp ảnh hàng trăm sa di và các nhà sư lớn tuổi hơn xếp hàng để nhận bữa ăn bên trong khu nhà yên tĩnh này.

Phương châm của tu viện là "giới luật nghiêm", và điều này mang tầm quan trọng cơ bản đối với khoảng 900 tăng sĩ đang nghiêm ngặt tu học văn học Phật giáo tại đây. Và đối với các hướng dẫn viên du lịch, Tu viện Maha Gandayone thật hoàn hảo cho việc giới thiệu với du khách về cuộc sống hàng ngày của tăng sĩ Miến Điện cũng như về các truyền thống Phật giáo hướng dẫn của họ.

(The Irrawaddy - February 5, 2016)



Tu viện Maha Gandayone ở Miến Điện thu hút nhiều du khách đến tìm hiểu cuộc sống thường nhật của chư tăng bản viện—Photo: Zaw Zaw

NEPAL: Các chuyên gia quốc tế nổi lại nghiên cứu về Tilaurakot, nơi Đức Phật từng sinh sống

Một đội khảo cổ học từ Cục Khảo cổ và Quý Phát triển Lâm Tì Ni đã nổi lại chương trình nghiên cứu của họ với các chuyên gia quốc tế từ trường Đại học Durham, Nepal, trong một sứ mệnh đến Tilaurakot, thành phố nơi Thái tử Tất Đạt Đa Cổ Đàm đã sống trong 29 năm. Dự án đang được thực hiện bởi UNESCO với quỹ từ chính phủ Nhật Bản.

Bước vào năm thứ 3 của dự án hiện tại, đội khảo cổ đang xem xét kỹ hơn những khám phá từ các đợt khảo cứu trước đây. Theo UNESCO, các chuyên gia sẽ xác định đã từng có hay không sự đa dạng về xã hội và kinh tế trên khắp thành phố cổ Tilaurakot.

Vào năm 2014 và 2015 khoa địa vật lý khảo cổ đã phát hiện một khu phức hợp rộng lớn có tường bao quanh tại trung tâm thành phố Tilaurakot. Trong đợt nghiên cứu thực địa năm nay, khu vực chưa khảo sát cuối cùng của thành phố sẽ được hoàn thành với khoa địa vật lý khảo cổ.

(tipitaka.net - February 6, 2016)

*Lâm Tì Ni, nơi Đức Phật Cổ Đàm đàn sinh
Photo: The Himalayan Times*

—>

ẤN ĐỘ: Nhóm 4 học giả ngoại quốc nghiên cứu chữ Phạn đến viếng di tích Phật giáo tại Phangiri

Vào ngày 10-2-2016, 4 học giả ngoại quốc nghiên cứu tiếng Phạn đến từ 4 nước Pháp, Đức, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ đã viếng di tích khảo cổ Phật giáo tại Phangiri ở quận Nalgonda, bang Andhra Pradesh.

Họ đã xin phép sở Khảo cổ học và Bảo tàng để đến viếng Nelakondapally, huyện Kammam và Phangiri.

Các học giả muốn thảo luận chi tiết về những chữ viết được ghi vào triều đại Ikshvaku trên khắp vùng Telangana như một phần của cuộc nghiên cứu. Họ đã dành trọn một ngày tại Phangiri, và các viên chức khảo cổ rất ngạc nhiên về kiến thức của nhóm. Thảo luận về 4 bản chữ viết và một số danh hiệu bằng tiếng Prakruthi được phát hiện tại Phangiri, các học giả đã đọc và hiểu rõ từng chữ một mà không cần sự giúp đỡ từ cơ quan khảo cổ địa phương. Thậm chí họ còn thảo luận về những truyện kể Phật giáo Jathaka.

(Buddhist Art News - February 12, 2016)



*Nhóm 4 học giả ngoại quốc viếng di tích khảo cổ Phật giáo tại Phangiri (Ấn Độ)
Photo: The Hindu*



HOA KỲ: Cuộc đi bộ 56 ngày vì hòa bình của các tu sĩ Phật giáo

Chư tăng tại Chùa Hòa bình vùng New England sẵn sàng cho “cuộc đi bộ vì mùa xuân mới” thường niên lần thứ 15 của họ, được tổ chức từ ngày 4-3 đến 27-4-2016.

Cuộc đi bộ lần này là một hành trình 56 ngày, từ chùa Hòa bình ở Leverett, MA., đến thủ đô Washington, với mục đích “chấm dứt chiến tranh, nghèo đói và phân biệt chủng tộc, và giải quyết cuộc khủng hoảng khí hậu”.

“Khi đi bộ, chúng ta mang theo sự phản ánh ảm đạm rằng hơn một triệu người từ Iraq, Afghanistan và Pakistan đã chết vì cuộc chiến chống khủng bố”, thông điệp của sự kiện được ghi trên truyền đơn. “Hàng triệu người khác đã trở thành những người tị nạn. Bình sĩ của chính chúng ta đã bị tổn thất và chết. Không thấy dấu hiệu của sự kết thúc”.

Các Phật tử, tín hữu Thiên Chúa giáo và những người đi bộ khác sẽ phân phát những bản sao của bài báo “An ninh Chia sẻ: Nhìn lại chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ”. Bài báo kêu gọi các chính sách đối ngoại “phản ánh việc hợp tác tìm các giải pháp để giúp bảo vệ hành tinh của chúng ta, làm giảm xung đột bạo lực, thúc đẩy công bằng xã hội và đáp ứng các nhu cầu toàn cầu”.

(Masslive.com – February 8, 2016)



Hình ảnh các tăng sĩ trong một cuộc đi bộ vì hòa bình
Photo: Masslive.com

TÂY TẠNG: Hai nhà sư bị giam giữ vì tổ chức lễ cầu nguyện cho sức khỏe của Đức Đạt lai Lạt ma

Hai vị cao tăng từ Tu viện Chongri ở hạt Drango, Kardzo, tỉnh Tứ Xuyên, đã bị giam giữ bởi chính quyền Trung Quốc sau một đại lễ của người Tây Tạng cầu nguyện cho sự hồi phục của Đức Đạt lai Lạt ma, vị lãnh đạo Tây Tạng lưu vong hiện đang điều trị tại Hoa Kỳ.

Nhóm nhân quyền có tên là Trung tâm Nhân quyền và Dân chủ Tây Tạng (TCHRD) nói rằng gần đây Sư trưởng Pagah của Tu viện Chongri và nhà sư Geshe Orgyen đã bị giam giữ sau một đại lễ cầu nguyện được cộng đồng tu sĩ và tín đồ tổ chức vào ngày 25-1-2016 tại thị trấn Tehor ở hạt Drango.



Hai vị cao tăng Pagah (ảnh trên) và Geshe Orgyen
Photos: TCHRD



Ngày chính xác của việc giam giữ có thể không xác định được, nhưng có khả năng nhất là 2 vị này đã bị giam giữ vào tuần lễ đầu tiên của tháng 2, TCHRD cho biết.

Cả hai vị cao tăng Pagah và Orgyen đã hoàn thành việc tu học từ Ấn Độ trước khi trở về Tây Tạng.

(Phayul – February 11, 2016)

ĐÀI LOAN: Lễ tưởng niệm nạn nhân động đất tại thành phố Đài Nam

Ngày 12-2-2016, Tổng thống Mã Anh Cửu và tổng thống đặc cử Thái Anh Văn cùng tham dự lễ tưởng niệm nạn nhân của trận động đất tại thành phố Đài Nam. Họ dâng hoa và thăm viếng thân nhân của các nạn nhân và các tu sĩ Phật giáo, nhưng không có phát biểu chính thức.

Tang quyến lay và thắp hương trước di ảnh được xếp thành hàng của các nạn nhân. Buổi lễ diễn ra vào ngày thứ 7 sau thảm họa, là một ngày tang lễ đặc biệt theo truyền thống Trung Hoa.

Bộ nội vụ Đài Loan đã công bố số người chết được cập nhật vào ngày 12-2, trong khi nhân viên cứu nạn tiếp tục lùng sục khắp các đồng đồ nát của khu chung cư Kim Long Weiguan. Nó là tòa nhà lớn duy nhất bị sụp đổ trong trận động đất 6.4 độ richter, mặc dù hàng chục tòa nhà khác bị phá hủy hoặc hư hại nặng nề.

(VoA – February 13, 2016)



Lễ tưởng niệm nạn nhân trận động đất tại Đài Loan
Photo: AP

BANGLADESH: Ngòi đền Phật giáo 900 năm tuổi được tìm thấy tại bắc Bangladesh

Một đền thờ Phật giáo có tường rào, được cho là xây vào thế kỷ thứ 12 vào thời Pala, đã được khai quật tại vùng Jaldhaka của Nilphamari ở bắc Bangladesh.

Một nhóm từ Cục Khảo cổ đã khai quật ngôi đền này trên một di tích khảo cổ tại Dharmapalagarh - khu vực được đặt theo tên của Dharma Pala đệ nhị, là người đã thành lập kinh đô của mình tại đó.

Mujibur Rahman, giám đốc Bảo tàng Mahasthangarh ở Bogra kiêm trưởng nhóm gồm 7 thành viên này, cho biết phần trên của ngôi đền đã bị phá hủy và một vài phần của tầng hầm vẫn còn bị chôn vùi.

Chiều dài của tường là 25 mét và bề dày là 0.85 mét. Ngoài ra, cấu trúc chính của ngôi đền được bao quanh bởi một lối đi rộng 1.2 mét, theo đó các tín đồ đi bộ như một phần của các nghi lễ, ông Mujibur nói.

Ông nói nhóm của ông cùng với 20 công nhân đã đến Dharmapalagarh vào tháng 1-2016 như một phần của một chương trình khai quật hàng năm của chính phủ.

(Asia News Network - February 13, 2016)



*Khai quật di tích ngôi đền Phật giáo tại Jaldhaka của Nilphamari, bắc Bangladesh.
Photo: Star*

BANGLADESH: Áp dụng lệnh cấm khi viếng Chùa Vàng ở Bandarban

Ngày 14-02-2016, các viên chức của Chùa Vàng ở huyện Bandarban đã ban một lệnh cấm khi đến viếng ngôi chùa này, nơi được xem là

điểm thu hút chính đối với khách du lịch và là một thánh địa đối với Phật tử.

Quyết định nói trên sẽ có hiệu lực vào ngày 20-2-2016 trong khi các tín đồ vẫn sẽ được phép vào chùa,

Các viên chức của chùa đã đưa ra quyết định này là vì du khách đến đây thường làm hỏng môi trường của thánh địa qua việc ném xả các loại đồ vật khác nhau khắp chùa.

Shib Nath, một thành viên của ủy ban bảo trì Chùa Vàng, nói rằng du khách từng đến viếng chùa này thường chạm vào tác phẩm điêu khắc của Phật giáo và mang cả giày khi đi vào trong chùa. Điều đáng nói là vào ngày 14-2, có cả một nhóm du khách cố mang giày vào chùa nên đã tạo ra một tình huống không mong muốn.

Sau đó các viên chức của chùa đã đưa ra quyết định nói trên.

Được xây vào năm 2000, Chùa Vàng thuộc tông phái Phật giáo Nguyên thủy vốn được người dân Marma bản địa thực hành.

(Dhaka Tribune - February 15, 2016)



*Chùa Vàng ở huyện Bandarban, Bangladesh
Photo: Dhaka Tribune*

ẤN ĐỘ: Chính quyền bang Maharashtra chấp thuận sáng kiến dịch Tam Tạng Kinh sang tiếng Marathi

Chính quyền bang Maharashtra của Ấn Độ đã đồng ý thành lập một ủy ban để dịch Kinh Tam Tạng từ tiếng Phạn sang tiếng Marathi để kỷ niệm 125 năm ngày sinh của Tiến sĩ Bhimrao Ramji

Ambedkar - học giả, nhà hoạt động xã hội và là nhà cải cách Ấn Độ. Viện Nghiên cứu và Đào tạo Babasaheb Ambedkar (BARTI) đã đề xuất dự án này với chính quyền vào tháng 8 năm ngoái.

Marathi là một ngôn ngữ Ấn-Aryan chịu ảnh hưởng mạnh bởi tiếng Phạn. Là một trong 23 ngôn ngữ chính thức của Ấn Độ, Marathi là ngôn ngữ chính thức của bang Maharashtra và là ngôn ngữ bản chính thức của bang Goa. Theo số liệu điều tra dân số, có 73 triệu người nói tiếng Marathi ở Ấn Độ vào năm 2001.

Dự án tại bang Maharashtra này phản ánh sự cam kết đầy tham vọng của sáng kiến phi lợi nhuận toàn cầu 84000, vốn vào năm 2010 đã bắt đầu dịch các ngôn từ và những lời Phật dạy sang các ngôn ngữ hiện đại với mục đích bảo tồn và truyền bá giáo lý đến với mọi người.

(Buddhistdoor Global - February 15, 2016)

MÃ LAI: Chùa Than Hsiang cùng 34 tổ chức Phật giáo mừng Tết Nguyên Đán

Penang, Mã Lai - Trong tinh thần Tết Nguyên Đán, Chùa Than Hsiang cùng với 34 tổ chức Phật giáo đã tổ chức một đại lễ tại trường Phật giáo SMJK Phor Tay ở Jalan Sungai Dua, Penang.

Các nhà sư Chùa Than Hsiang cử hành lễ cầu phúc và Thượng tọa Wei Wu trụ trì chùa đã thuyết pháp trước 1,000 người tham dự. Ông cũng chia sẻ một số trải nghiệm cuộc sống cá nhân với họ. Ông nói, "Giáo dục không chỉ quan trọng đối với sự thành công mà còn đối với tôn giáo nữa. Nó còn hơn cả việc chỉ đạt được kiến thức. Mục tiêu của chúng ta là cùng cố các giá trị đạo đức và tôn giáo trong thế hệ mới".

Ông cho biết Chùa Than Hsiang nhận được khoảng 2 triệu RM một năm thông qua việc cúng dường chủ yếu từ công chúng. Tiền này được dùng để giúp điều hành 4 trường Phor Tay, tổ chức các

hoạt động tôn giáo và hỗ trợ các tổ chức từ thiện.

(The Star – February 17, 2016)



*Thượng tọa Wei Wu và Phật tử trong đại lễ Tết Nguyên Đán tại chùa Than Hsiang (Mã Lai)
Photo: The Star*

MIỄN ĐIỆN: Ngắm hàng nghìn đền chùa tại Bagar từ khinh khí cầu

Theo bài báo của tác giả Molly Sinclair McCartney mô tả, cuộc hành trình ngắm chùa chiền ở miền trung Miến Điện bằng khinh khí cầu thật thú vị:

“...Đây là Khu Khảo cổ Bagar ở miền trung Miến Điện. Tại đây, trong một diện tích khoảng 16 dặm vuông, hơn 4,450 đền chùa chủ yếu là của Phật giáo đã được xây dựng trong sự sùng tín cao độ, vốn kéo dài từ thế kỷ 11 đến 13. Khoảng 2,200 đền chùa vẫn tồn tại, mặc dù nhiều chùa đã bị hư hại bởi các trận động đất, lũ lụt và sự xâm lược.

Và cách tốt nhất để ngắm chúng là bằng khinh khí cầu. Khi phi công đưa chúng tôi lên không trung, 15 khách đồng hành và tôi đã được xem một cuộc trưng bày đầy ấn tượng và gây sửng sờ trên mặt đất bên dưới. Một số chùa không lớn hơn các nhà kho chứa vật dụng, trong khi những chùa khác thì cao nhiều tầng với các ngọn tháp gợi nhớ các tháp chuông nhà thờ ở quê nhà... Một số chùa nằm thành nhóm. Hầu hết là màu đỏ, là màu của gạch bằng đất, nhưng tôi còn thấy một số chùa vàng và một số chùa màu trắng. Điều thấy rõ ở đây là nỗ lực của các nhà cầm quyền đầy quyền uy và các gia đình giàu có trong việc xây thật nhiều đến mức có thể

các đền chùa và kiến trúc tôn giáo trong những năm cường thịnh nhất của Bagar...”

(newsnow.com – February 19, 2016)



Ngắm chùa chiền tại Bagar (Miến Điện) bằng khinh khí cầu—Photos: Molly Sinclair McCartney

HOA KỲ: Truyện tranh ‘Tiểu Tắt (Đạt Đa) – Little Sid’

New York, Hoa Kỳ - Nhà xuất bản truyện tranh First Second Books nhân kỷ niệm 10 năm thành lập đã công bố một tựa truyện sắp tới cho Mùa đông 2018: Tiểu Tắt (Đạt Đa) – Little Sid.

Truyện được viết bởi Ian Lendler và minh họa bởi Xanthe Bouma. Tác giả Ian Lendler đã từng viết nhiều truyện tranh khác, còn Xanthe Bouma là một họa sĩ minh họa tự do vừa tốt nghiệp Học viện Cao đẳng Nghệ thuật Maryland.

Truyện kể về Tắt Đạt Đa trước khi thành Phật. Là thái tử, được hưởng mọi thứ mình muốn, tuy vậy ngài không hài lòng. Truyện pha trộn những truyện ngụ ngôn nổi tiếng của Phật giáo với một câu chuyện phiêu lưu để dạy cho trẻ em một số khái niệm của Phật giáo.

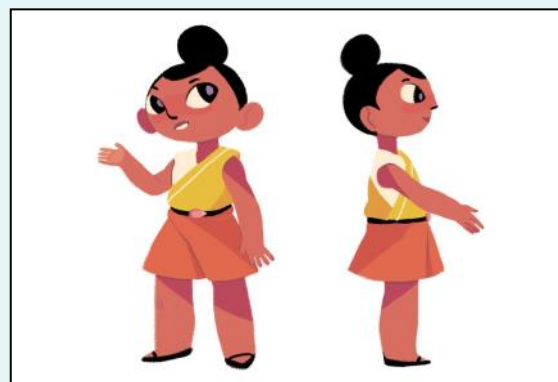
Trước khi thành Phật, Tắt Đạt Đa là một người đàn ông bình thường. Và trước khi Tắt Đạt Đa trưởng thành, ngài là Tiểu Tắt – một cậu bé bình thường. Giống như chúng ta nếu chúng ta là một thái tử có được mọi thứ ta mong ước. Nhưng lối sống vương giả này khiến Tiểu Tắt cảm thấy không hài lòng, vì vậy cậu bé mạo hiểm rời lâu đài để tìm một cuộc sống có

ý nghĩa hơn. Pha trộn những cuộc phiêu lưu của một cậu bé trên đường với một số truyện ngụ ngôn nổi tiếng nhất của Phật giáo, ‘Tiểu Tắt’ không chỉ có mục đích dạy cho trẻ em những tư tưởng quan trọng nhất của Phật giáo là còn dạy chúng trở thành người tốt.

(Tipitaka Network – February 21, 2016)



Tranh minh họa của truyện ‘Tiểu Tắt’



Photos:geekdad.com



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT HOA KỲ - CANADA
KHOÁ TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ - LẦN VI



THÔNG BÁO **KHOÁ TU HỌC BẮC MỸ LẦN THỨ SÁU (VI)**

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính Gởi Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử và Đoàn Sinh Gia Đình Phật Tử,
Kính thưa quý vị,

Được sự chỉ dạy của Chư Tôn Đức trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada, Ni Chúng chúng tôi nhận lãnh trách nhiệm tổ chức Khóa Tu Học Bắc Mỹ lần thứ Sáu. Chúng tôi vừa lo lắng, vừa hoan hỷ vì được sự khuyến khích, thăm hỏi, và ủng hộ từ Chư Tôn Đức Tăng Ni và Quý Thiện Nam Tín Nữ trong mấy tháng qua. Với sự đồng tâm hiệp lực của Tăng Ni và Phật tử, chúng tôi tin rằng khóa tu học Phật Pháp này rất cần thiết cho Phật tử tại gia và xuất gia. Sự tu học nói lên sức mạnh của cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ và hải ngoại, đồng thời là điều kiện nhân duyên tốt nhằm phát huy ánh sáng trí tuệ do pháp học và pháp hành song song. Trong niềm vui của giáo pháp, Ban Tổ Chức chúng tôi kính mời Quý Thiện Nam Tín Nữ, và các em đoàn sinh gia đình Phật tử để dành thì giờ về tham dự khóa tu học:

Địa điểm: HILTON ORANGE COUNTY / COSTA MESA
3050 S. BRISTOL STREET, SANTA ANA, CALIFORNIA 92626

Thời gian: Từ Thứ Năm, ngày 21 tháng 7 đến Chủ Nhật, ngày 24 tháng 7, 2016

Nhận đơn ghi danh: từ ngày 12 tháng 12, 2015 tới ngày 12 tháng 6, 2016.

Để trang trải chi phí phòng ở khách sạn và các thứ cần thiết cho khóa tu học, mỗi học viên hoan hỷ đóng **\$300.00**. Trong gia đình đi hai người trở lên, người thứ nhất \$300.00, mỗi người sau **\$200.00**. Trẻ em dưới 12 tuổi, xin đóng **\$150.00**.

Vui lòng gởi đơn ghi danh và học phí (check pay to: Khóa Tu Học Bắc Mỹ) tới:

- ♦ **Chùa An Lạc** 5249 E. 30th St., Indianapolis, IN 46218 - **(317) 545-1234**
- ♦ **Chùa Huyền Không** 14335 Story Road, San Jose, CA 95127 - **(408) 824-5696**
- ♦ **Chùa Lam Viên** 1606 Roy Road, Pearland, TX 77581 - **(832) 328-7825**

Để tiến tu và được nhiều lợi lạc trong Chánh Pháp, chúng tôi thành tâm tán dương nhiệt tâm cần cầu học đạo của quý vị, đồng thời xin quý vị khuyến khích con em và giới thiệu đến bà con, thân hữu của mình để mọi người đều được thiện duyên tu học mỗi năm một lần trong những khóa tu hiếm hoi như vậy.

Thành kính cầu chúc Quý Thiện nam Tín nữ Phật tử thân tâm an lạc, bồ đề tâm kiên cố.

T.M. Ban Tổ chức,

Thích Nữ Giới Châu và Thích Nữ Nguyên Thiện

(Xin xem Thư Mời và Phiếu Ghi Danh tiếng Anh & Việt từ các trang 41 — 45)

ĐỒNG THỜI, ĐỒNG HIỆN, và SẴN ĐỦ

Nguyễn Thế Đăng

Những ý niệm như vô ngại, đồng thời, đồng hiện, sẵn đủ, viên mãn... không chỉ có trong kinh Hoa Nghiêm mà có trong tất cả kinh điển, nhất là Đại thừa. Nhưng ở trong kinh Hoa Nghiêm, những ý niệm đó được nhìn thấy ở mức độ cao rộng nhất, vi tế nhất. Thế nên, kinh Hoa Nghiêm được cho là kinh cao nhất của các thừa và được Đức Phật thuyết ngay sau khi ngài giác ngộ.

Sự vô ngại của Tánh không, quang minh, như huyễn, của thân Phật ở mức độ rộng lớn nhất, vi tế nhất đưa đến những đặc tính sau đây:

Đồng thời

Kinh thường nói: *"Ba đời chỉ là một niệm," "Trong một niệm chứa cả ba đời,"...* nghĩa là một niệm, một khoảnh khắc, là đồng thời với cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Sự đồng nhất, đứng về mặt thời gian, là đồng thời.

Phẩm Thập Hồi Hưởng nói: *"Trí vi tế đem bất khả thuyết kiếp làm một niệm; trí vi tế đem một niệm làm bất khả thuyết kiếp; trí vi tế thấy tất cả kiếp quá khứ, hiện tại, vị lai trong một niệm."* Thấy được như vậy, làm được như vậy vì một niệm và tất cả kiếp của ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai là đồng thời.

Kinh Hoa Nghiêm vẫn dựa trên nguyên lý duyên sanh, duyên khởi chung cho Phật giáo. Nhưng duyên khởi của kinh Hoa Nghiêm không phải duyên khởi theo thời gian tuyến tính, mà duyên khởi trong đồng thời. Một duyên khởi thì tất cả duyên khởi. Một và tất cả đồng thời duyên khởi.

Chính trong sự đồng thời như vậy mà thời gian không có nữa. Nhân thì duyên khởi đồng thời với quả, nhân quả đồng thời. Nhân chính là quả. Đây cũng là một lý do để nói kinh Hoa Nghiêm thuộc về Quả thừa, thay vì là Nhân thừa. Hay nói theo Phật giáo Trung Hoa, là Viên giáo.



Tại sao duyên khởi hay duyên sanh là đồng thời? Vì duyên sanh đặt nền tảng trên tánh Không. Thế nên duyên sanh là vô sanh. Vô sanh là không có thời gian, và không có thời gian nên đồng thời. Duyên sanh đặt nền tảng vô sanh, nên duyên sanh là đồng thời.

Trang đầu tiên của kinh, khi diễn tả đức Phật, đã nói về tính đồng thời của Phật:

"Lúc đó, Đức Thế Tôn ngự trên tòa sư tử thành vô thượng chánh giác: trí Phật chứng nhập tất cả thời gian ba đời đều bình đẳng, thân Phật khắp đầy tất cả thế gian, tiếng Phật thuận khắp cõi nước mười phương."

Về mặt thực hành tính đồng thời, chúng ta trích một đoạn để thấy sự thực hành đồng thời với tất cả chúng sanh là thế nào:

"Bồ-tát ở nhà nên nguyện tất cả chúng sanh biết nhà tánh Không, khỏi sự bức bách. Lên lầu gác nên nguyện tất cả chúng sanh lên lầu chánh pháp, thấy suốt tất cả. Nếu có bố thí nên nguyện tất cả chúng sanh xả bỏ được sở hữu, lòng không bám luyến."

"Tự quy y Phật nên nguyện tất cả chúng sanh nổi thịnh giống Phật, phát tâm vô thượng. Tự quy y Pháp nên nguyện tất cả chúng sanh sâu vào kinh tạng trí huệ như biển. Tự quy y Tăng nên nguyện tất cả chúng sanh thông lý đại chúng, tất cả vô ngại" (Phẩm Tịnh hạnh, thứ 12).

Thực hành đồng thời với tất cả chúng sanh như vậy, tâm chúng ta sẽ dần dần rộng mở để tương ứng với pháp giới, một pháp giới mà tất cả là đồng thời.

Đồng hiện

*Như Lai trang nghiêm cõi rộng lớn
Đồng với tất cả số vi trần
Phật tử thanh tịnh đều khắp đầy
Mưa bất tư nghì Pháp vi diệu.
Như trong hội này thấy Phật ngồi
Tất cả vi trần đều như vậy*

*Thân Phật không đến cũng không đi
Bao nhiêu quốc độ đều hiện rõ.*

(Thế chủ Diệu Nghiêm, thứ 1).

Trong kinh nói đến sự đồng hiện này bằng những từ: hiện khắp, cùng khắp, đầy khắp, khắp đến, thấy khắp...

Nếu đồng thời không có thời gian thì đồng hiện nghĩa là không có không gian, không có sự ngăn ngại, chia cắt trong không gian.

Lưới trời Đế-thích làm bằng vô số hạt ngọc trong suốt. Có một cái gì hiện ra trong một hạt ngọc thì tất cả các hạt ngọc khác đều có hiện ra. Đó là đồng hiện. Đồng hiện là không có sự ngăn ngại, che chướng giữa các sự vật. Các sự vật là tánh Không, trong suốt và vô ngại. Thế nên các sự vật trùng trùng phân chiếu lẫn nhau, trùng trùng đồng hiện một cách vô ngại.

Nếu đồng thời là sự giải thoát và giác ngộ về mặt thời gian, thì đồng hiện là sự giải thoát và giác ngộ về mặt không gian. Không có sự cách hờ ngăn ngại, không có các tướng che chướng.

Đồng hiện cũng phá tan ảo tưởng về duyên sanh duyên khởi theo lối tuyến tính: cái này có thì cái kia có, cái này sanh ra cái kia, cái này sanh trước cái kia sanh sau, cái này thanh tịnh trước cái kia thanh tịnh sau... Đồng hiện là không có đến không có đi, không có một không có khác; nghĩa là duyên sanh được hiểu ở nghĩa vi tế nhất, là vô sanh, tịch diệt.

Thân Phật thường hiển hiện

Đầy đủ khắp pháp giới

Như Lai khắp hiện thân

Thế gian đều vào khắp.

Phật tùy tâm chúng sanh

Hiện khắp ở trước họ

Quang minh chiếu vô biên

Thuyết pháp cũng vô lượng

Phật tử tùy trí mình

Vào được, quan sát được.

Thân Phật vốn vô sanh

Mà thị hiện xuất sanh

Pháp tánh như hư không

Chư Phật trụ trong đó.

Không trụ cũng không đi

Mọi nơi đều thấy Phật

Quang minh chiếu cùng khắp

Danh tiếng nghe khắp cõi

Vô thể, không chỗ trụ

Cũng không có chỗ sanh

Không tướng cũng không hình

Chỗ hiện đều như bóng.

Tất cả thân chư Phật

Đều có tướng vô tận

Dầu thị hiện vô số

Sắc tướng không cùng tận.

(Như Lai hiện tướng, thứ 2)

Sự đồng hiện, sự vô ngại giữa tất cả các pháp được nói rất nhiều trong kinh, chẳng hạn, phẩm *Quang Minh giác* nói:

"Như nơi đây đang thấy Đức Thế Tôn ngồi tòa sư tử Liên Hoa tạng, có mười Phật sát vi trần số Bồ-tát vây quanh, trong trăm ức Diêm-phù-đề khác cũng đều có Như Lai an tọa như thế cả".

Trong pháp giới Hoa Nghiêm, mọi sự là đồng hiện, như Bồ-tát Văn-thù:

"Và trong mỗi cõi, do thần lực Phật, mười phương đều có những Đại Bồ-tát cùng mười Phật sát vi trần số Bồ-tát đồng đến chỗ Phật, những vị ấy là Bồ-tát Văn-thù... Bấy giờ, ở tất cả những chỗ ấy, trước mỗi Đức Phật, Văn-thù-sư-lợi đồng thời nói lên kệ rằng".

Sự đồng thời và đồng hiện này cho thấy một điều nữa, là pháp giới Hoa Nghiêm không có trung tâm. Trung tâm của kinh Hoa Nghiêm là Phật Tỳ-lô-giá-na, mà Phật Tỳ-lô-giá-na thì ở khắp tất cả chỗ, trong mọi vi trần cũng như trong mỗi sát-na, mỗi niệm, cho nên

"không có trung tâm hay trung tâm ở khắp tất cả" là một đặc trưng của kinh Hoa Nghiêm.

Lòng sùng mộ của người thực hành kinh Hoa Nghiêm hướng về một Phật Tỳ-lô-giá-na, nhưng đồng thời hướng về tất cả Phật Tỳ-lô-giá-na ở khắp pháp giới. Hướng về một đồng thời hướng về tất cả, vì một đồng thời đồng hiện thành tất cả.

Sự không có trung tâm này được bồ-tát ứng dụng để tu. Tu tất cả, tu khắp cả mà vẫn trụ trong pháp tánh không động lay. Việc này được diễn tả, chẳng hạn như trong phẩm *Quang minh giác*:

Tối sơ cúng Phật ý nhu nhãn

Nhập thiền định sâu quán pháp tánh

Khiến mọi chúng sanh hưởng giác ngộ

Do đây mau thành quả vô thượng.

Mười phương cầu chân lòng không tán

Vì tu công đức cho tròn đủ

Hai tướng có không đều dứt trừ

Người này chân thật thấy được Phật.

Qua khắp các cõi nước mười phương

Nói rộng diệu pháp hưng lợi ích

Trụ nơi thật tế chẳng động lay

Công đức người này đồng với Phật.

Như trong hư không vô lượng cõi

Không đến, không đi khắp mười phương

Sanh thành diệt hoại không chỗ y

Phật khắp hư không cũng như vậy.

Sẵn đủ

Sẵn đủ nghĩa là vốn có sẵn, vốn hoàn hảo, vốn toàn thiện, vốn viên mãn.

Mọi chúng sanh đều sẵn đủ Phật:

Như tâm, Phật cũng vậy



*Như Phật, chúng sanh đồng
Tâm, Phật và chúng sanh
Cả ba không sai khác.*

(Đa-ma cung kệ tán, thứ 20)

Phật ở đây là Phật Tỳ-lô-giá-na, Phật đã thành, nghĩa là trí huệ sẵn đủ, công đức trang nghiêm sẵn đủ... khắp cả pháp giới, cho nên gọi là biển Quả

*Phật Tỳ-lô-giá-na
Hay chuyển chánh pháp luân
Pháp giới các cõi nước
Như mây đều cùng khắp.
Tất cả biển thế giới
Trong tất cả mười phương
Nguyện và thần lực Phật
Chuyển pháp luân khắp chỗ.
Như Lai oai lực lớn
Phổ Hiền nguyện tạo thành
Trong tất cả cõi nước
Diệu âm đều khắp đến.
Thân Phật vô sai biệt
Đầy khắp cả pháp giới
Đều khiến thấy sắc thân
Tùy cơ khéo điều phục.*

(Như Lai hiện tướng, thứ 2)

Phật ở đây là sự viên mãn trí huệ và công đức, viên mãn Chân Không và Diệu Hữu. Nói cách khác, Chân Không đồng thời đồng hiện với Diệu Hữu, bởi vì Chân Không và Diệu Hữu vốn sẵn đủ.

Sự hoàn hảo, toàn thiện, viên mãn này, biển Quả này sẵn đủ trong mỗi vi trần, trong mỗi niệm:

*Thân Như Lai vi diệu
Sắc tướng chẳng nghĩ bàn
Người thấy lòng vui mừng
Cung kính tin Phật pháp.
Tất cả tướng thân Phật
Đều hiện vô số Phật
Vào khắp mười phương cõi
Trong mỗi mỗi vi trần.
Vô lượng vô biên Phật
Của mọi biển quốc độ
Đều ở trong mỗi niệm
Mỗi đều hiện thân thông.*

(Như Lai hiện tướng, thứ 2)

Trong mỗi vi trần, trong mỗi niệm và trong mỗi tâm niệm đều đầy đủ tất cả Phật. Đây gọi là sự toàn thiện, viên mãn, vốn sẵn đủ của tất cả các pháp, từ cái nhỏ nhất đến cái lớn nhất. "Toàn cả ba cõi chỉ là nhất Tâm" (*phẩm Thập địa*) cho nên toàn cả ba cõi chỉ là Phật, sẵn đủ Phật, đầy đặc Phật.

Khi nói rằng tâm sẵn đủ Phật, đầy đặc Phật thì bất cứ hoạt động nào của tâm, bất cứ động dụng nào của tâm cũng đều là Phật. Như vậy, bất cứ khởi niệm nào cũng đều là Phật. Đó là điều mà hành giả Hoa Nghiêm cần phải khám phá. Như khi nguyên liệu là vàng thì sản xuất ra món gì, dầu khác biệt nhau thế nào cũng đều là vàng. Như sóng khởi lên từ đại dương, dù sóng to hay nhỏ, trắng hay vàng... sóng ấy đều là đại dương.



Toàn cả pháp giới đều bằng vàng. Nhưng không thể tưởng tượng, không thể hình dung hơn, là trong mỗi vi trần, trong mỗi niệm đều chứa tất cả số vàng tạo ra vũ trụ bằng vàng này. Pháp giới lý sự vô ngại là như vậy.

Và tới mức không thể nghĩ bàn, là một vi trần chứa tất cả mọi vi trần khác, nghĩa là chứa vô lượng vũ trụ bằng vàng khác. Một nhân với tất cả, và tất cả nhân với tất cả.

Nếu dùng thuật ngữ duyên khởi, thì đây là sự duyên khởi trùng trùng vô tận. trùng trùng vô tận vì đồng thời, đồng hiện, không trung tâm và vốn sẵn đủ.

Với các đặc tính này, chúng ta thấy rõ hơn khía cạnh Diệu Hữu trong Chân Không Diệu Hữu của Đại thừa. Chúng ngộ được Diệu Hữu này là giải thoát và giác ngộ theo Viên giáo của kinh Hoa Nghiêm.

Chúng ngộ được đồng thời, hay đồng hiện, hay không trung tâm, hay toàn thiện sẵn đủ là chúng ngộ được Phật bốn nguyên Tỳ-lô-giá-na. Trí và Bi đồng thời, đồng hiện, vì trí và bi sẵn đủ trong Phật pháp thân Tỳ-lô-giá-na. Nguyện hạnh và công đức đồng thời, đồng hiện vì chúng sẵn đủ trong Phật pháp thân Tỳ-lô-giá-na. Chân Không và Diệu Hữu đồng thời, đồng hiện vì chúng sẵn đủ trong biển Quả Tỳ-lô-giá-na.

Khi ấy một cử chỉ đồng thời, đồng hiện với tất cả pháp giới là một cử chỉ Phật. Một tư tưởng đồng thời, đồng hiện với tất cả pháp giới là một tư tưởng Phật. Một hoạt động không trung tâm như pháp giới không trung tâm là một hoạt động Phật. Một vi trần hay một niệm viên mãn sẵn đủ là một vi trần Phật hoặc một niệm Phật.

Nếu trong thời kỳ thuyết pháp thứ hai nói về tánh Không và giải thoát giác ngộ là nhờ tánh Không, thì thời kỳ thuyết pháp thứ ba nói về Như Lai tạng, Phật tánh, tức Chân Không Diệu Hữu. Sự giải thoát giác ngộ theo thời kỳ thứ ba này thì không những chứng ngộ tánh Không mà còn cả diệu hữu. Chúng ngộ sự vô ngại của diệu hữu là giải thoát.

Sở dĩ có đồng thời, đồng hiện, không trung

tâm và viên mãn sẵn đủ vì kinh Hoa Nghiêm dạy về tánh khởi, hay Chân Như duyên khởi, Như Lai tạng duyên khởi... ở mức độ cao nhất. Khi nói tánh khởi, như trong phẩm của Bồ-tát Như Lai Tánh Khởi Diệu Đức, nghĩa là tất cả mọi sự, trong đó có tất cả mọi phương tiện tu hành, đều lưu xuất từ tánh hay Chân Như. Thế nên mỗi pháp môn tu hành đều có tánh hay Chân Như, nơi mỗi pháp môn phương tiện đều có cứu cánh là Phật Tỳ-lô-giá-na. Phương tiện và cứu cánh đồng thời, đồng hiện, sẵn đủ; nhân và quả đồng thời, đồng hiện, sẵn đủ. Đó là sự tu hành của kinh Hoa Nghiêm, và được gọi là viên tu.

Mọi phương tiện pháp môn đều dựa vào mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp..., nơi tất cả những cái ấy đều có Phật Tỳ-lô-giá-na. Trong tất cả thân tâm và những hoạt động của thân tâm này đều có Phật Tỳ-lô-giá-na. Nói theo quan kiến tánh khởi, thì sáu căn, sáu trần, sáu thức đều là sự biểu lộ của Phật Tỳ-lô-giá-na. Vấn đề của hành giả là áp dụng tất cả mọi pháp môn (tất cả đều là Bồ-đề phần) một cách đồng bộ để tương ứng được với Nền tảng của mọi pháp môn là Phật Tỳ-lô-giá-na. Đó gọi là ngộ pháp tánh, tức là tánh của tất cả các pháp. Tánh của tất cả các pháp thì phải có nơi mỗi một pháp.

*Pháp luân vi diệu của Phật dạy
Tất cả đều là Bồ-đề phần
Nếu được nghe rồi ngộ pháp tánh
Những người như thế thường thấy Phật.*

(Quang minh giác, thứ 9)

Bốn đặc tính của kinh Hoa Nghiêm, đồng thời, đồng hiện, không trung tâm, sẵn đủ đưa đến một đặc tính nữa là luôn luôn hiện tiền. Những vị chứng ngộ có được sự xác quyết là pháp giới Hoa Nghiêm luôn luôn hiện tiền trước mắt mỗi chúng ta:

*Bồ-tát Nhất Thiết Huệ nói kệ:
Tất cả pháp vô sanh
Tất cả pháp vô diệt
Nếu thấu hiểu như vậy
Chư Phật thường hiện tiền.
Tôi quán tất cả pháp
Thầy đều thấu hiểu rõ
Nay thấy được Như Lai
Quyết định thoát nghi ngờ...
Bồ-tát Tinh Tấn Huệ nói kệ:
Pháp tánh vốn thanh tịnh
Vô tướng như hư không
Không sao có thể nói
Người trí quán như vậy.
Xa lìa ý tưởng pháp
Chẳng chấp một pháp nào
Đây cũng không chỗ tu
Thấy được Đại Mâu-ni
Như ngài Đức Huệ nói
Đây gọi là thấy Phật
Chỗ tất cả các hạnh
Thể tánh đều tịch diệt.*

(Tu-di đánh kệ tán, thứ 14)

(Nguồn: Thư Viện Hoa Sen)



thơ

LÊN CHÙA

*Tinh sương bỏ bước lên chùa
Thấy con sông chảy giữa mùa xuân xanh
Chừng như hương bưởi hương chanh
Và hương thượng Phật trong manh áo vàng
Cỏ nằm đợi nắng sương tan
Tôi còn đợi tiếng chuông vang lên trời.*

HÁI THUỐC TRÊN ĐỒI

*Người đi hái thuốc trên đồi
Thấy trong đất đá đâm chồi Mùa Xuân
Mây giăng trắng đỉnh non thần
Tiếng Kinh vang dội tầng tầng núi xanh
Đêm về ngủ dưới mái tranh
Bên pho tượng đá tâm linh ngút ngàn.*

*Thuyền trôi vô tận niết bàn
Dầm con cá lội dưới làn nước trong
Lên bờ mở cánh cửa không
Chợt nghe từng trận kinh phong quay cuồng
Thôi đành ngậm mối bi thương
Mang pho tượng Phật lên đường viễn ly.*

LÝ THỪA NGHIỆP

HƯƠNG VỊ GIẢI THOÁT

Thích Viên Thành (Hạnh Trung)



"Này các Tỷ-kheo, nước của đại dương chỉ có một vị mặn, cũng vậy, pháp và luật của ta nói ra cũng chỉ có một vị, đó là vị giải thoát." (Udana, Tự Thuyết Kinh)

Mỗi người khi sinh ra cũng chỉ với hai bàn tay trắng, rồi tùy theo phước báo và nghiệp lực gieo tạo, mà được trưởng thành trong ấm êm, đầy đủ, vinh danh, hay kiêu mạn, mặc sức thụ hưởng, hoang phí, làm việc thất đức để phải chịu cảnh bần cùng, đọa đày, khổ cực. "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh" kia mà? Ai ràng buộc chúng ta mà phải cần giải thoát? Tất cả cũng đều do ta gieo tạo, rồi tự thọ nhận lấy quả báo mà thôi!

Đời là khổ và con người vì "chấp ngã" tự ràng buộc mình, nên Đức Phật mới chỉ ra con đường giải thoát. Nhưng với sự hưởng ngoại tìm cầu, chạy theo ngũ dục, thỏa mãn tình chấp, làm mục tiêu phấn đấu và cho đó là hạnh phúc là thành đạt, nên suốt cuộc đời phải lận đận điều linh thống khổ.

Tâm của chúng ta vẫn bình thường như tự thuở nào, nếu ta luôn quán chiếu, để thấy được từng tâm niệm dậy khởi mà tuệ tri rõ ràng, không chạy theo nó, không phân biệt, dính mắc, sống thuận với tự nhiên thì vẫn ung dung tự tại, thông dong trên lộ trình tìm về bản giác. Nhưng do hưởng ra ngoài, chạy theo tài, sắc, danh, ăn, ngủ nghỉ không bao giờ thỏa mãn, đang ở dưới mặt đất bình yên không muốn, lại muốn trèo lên cây cao cho chói với, đến khi mệt mỏi, muốn tụt xuống thì khó khăn, có khi sẩy tay rớt tan xác, để khổ đau chổng chất khổ đau.



Cũng như Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói:
"Con người hy sinh sức khỏe để kiếm tiền."

**Rồi lại bỏ tiền ra để tìm lại sức khỏe.
Họ quá sốt ruột với tương lai
Nên chẳng còn thời gian để tận hưởng hiện tại.**

Kết quả là họ chẳng sống ở hiện tại hay tương lai.

Họ sống như thể họ không bao giờ chết.

Rồi lại chết như chưa từng được sống."
Nhưng trong thực tế cuộc sống thì phải tuệ tri cho rõ

**"Hoa nở hoa tàn cảnh thế gian
Người tu tự tại cảnh thanh nhàn
Việc gì cần đến thì ta đến
Như vậy trần gian tức Niết bàn."**

Hoa mỗi buổi sáng đều nở ra để đón chào ánh nắng ban mai, tỏa ra mùi hương thơm ngát với nhiều sắc màu, để tô điểm thêm nét đẹp và hương vị cuộc đời, rồi chiều xuống cũng rơi rụng dần theo giờ phút, ngày mai, ngày một rồi cũng đều đặn như vậy. Hoa đâu có bắt ta phải vui khi hoa nở và buồn khi hoa tàn, nhưng do ta phân biệt, dính mắc, nên rồi hoan hỷ chiếm giữ, khi vừa lòng, ưa thích và sân hận náo nhien khi khó chịu, không hài lòng, bị đánh mất và bị người khác chiếm hữu, để rồi vui, buồn, sinh, diệt, khổ, đau không ngừng.

Trời vẫn xanh, hoa vẫn đẹp, lòng người vẫn tốt, tại sao ta không bình tâm tận hưởng những gì sẵn có trong thiên nhiên đã trao tặng, mà phải vọng tưởng tìm cầu ở đâu đâu? Ta tự làm khổ ta, tự ràng buộc ta, chứ có ai bắt ta phải khổ, phải bó buộc đâu nào?

Việc gì ai cần đến ta sẵn sàng hoan hỷ giúp đỡ, không ai cần thì ta ẩn dật vui thú điền viên, hằng ngày kệ kinh, sám hối và trang trải, sẻ chia nỗi lòng qua các trang mạng, trang báo và facebook, miễn sao giúp cho được nhiều người trải nghiệm và tìm được an lạc qua thực hành Phật Pháp là đã lợi ích và tạm giữ được tâm thanh tịnh rồi. Phật dạy: "Tâm tịnh là quốc độ tịnh" kia mà, đâu cần phải tìm cầu ở đâu cho xa.

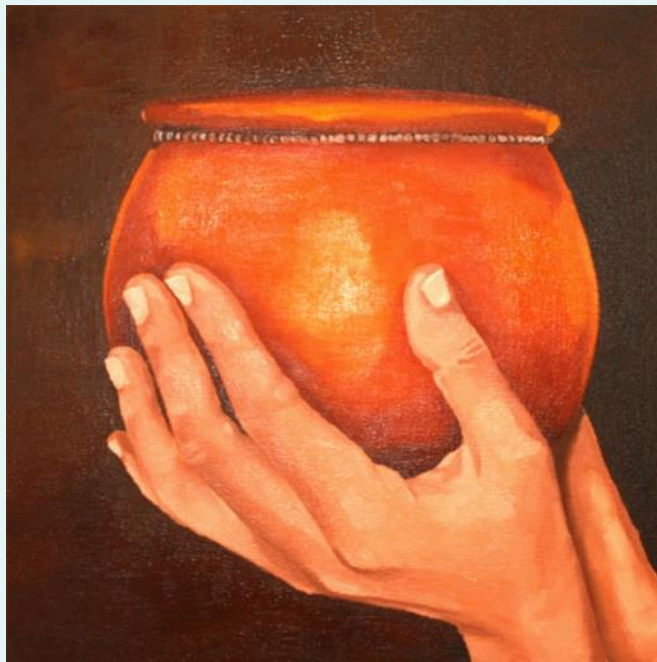
Có một câu chuyện "Doanh nhân và người câu cá": **Người câu cá nằm trên chiếc xuống con với cây cần câu ít khi dính được cá. Trong khi đó, một doanh nhân với nhiều cần câu, luôn bận rộn, tranh thủ chút rảnh, bèn hỏi người câu**

cá rằng, "Tại sao ông chỉ có một cây cần câu vậy?" Người câu cá hỏi lại, "Chứ nhiều cần câu thì tôi được điều gì?" Doanh nhân: "Nếu có nhiều cần câu thì câu được nhiều cá, sẽ có được nhiều tiền, rồi sắm được nhiều tàu, xây được nhiều nhà, mua được nhiều tiện nghi vật chất..." Người câu cá bèn hỏi, "Có nhiều như vậy thì tôi được điều gì nào?" Doanh nhân nói, "Đến khi giàu có và đầy đủ tiện nghi vật chất rồi, thì lúc đó ông nằm thoải mái để nhìn trời xanh mây trắng bay, khỏi làm gì nữa và không còn lo nghĩ." Người câu cá bèn vui vẻ trả lời, "Ông bận cực khổ làm chi cho hao sức, mất thời gian, tôi hiện tại không cần phải lao nhọc như ông bạn, mà vẫn nằm thoải mái để nhìn trời trắng mây nước một cách thong dong tự tại đây hay sao?" Doanh nhân trầm tư!

Cuộc đời khổ đau là như vậy đấy! phải chịu nhiều vất vả, gian truân, bận rộn, nguy hiểm... để bôn ba tìm cầu một chút hư danh, vinh hạnh, bình yên, ổn định, nhưng nào có như ý được đâu, "lòng tham không đáy" được một muôn mớ, được xe hơi muốn thêm nhà lầu, "được voi đòi tiên" và cứ như vậy cuốn hút ta mãi lao vào con đường vô định, có được một phút nào thư thả, an ổn đâu nhì!

Trong khi đó nếu ta ý thức được rằng mọi vật, mọi hiện tượng trên thế gian này, đều do duyên hợp giả có, không có gì bền chắc và vĩnh viễn cả, nếu chưa đủ duyên thì có mong cầu hay chiếm đoạt rồi cũng không được và vượt khỏi tầm tay. Ta cứ bình thản tự nhiên không gì phải nôn nóng, bon chen; việc gì đến rồi cũng đến, có bình thản và tự nhiên ta mới có đủ tinh táo để làm việc, cũng như giải quyết mọi vấn đề một cách sáng suốt, có hiệu quả tốt nhất và có được như vậy ta mới có thời gian thong thả, chánh niệm nhìn trời xanh mây trắng lượn và những cảnh đẹp ở chung quanh, mặc sức thưởng thức nét đẹp huyền diệu của thiên nhiên; đâu cần phải bôn ba tìm kiếm đâu xa, niềm an lạc ở trong giờ phút hiện tại và ngay bây giờ khi ta có được tâm an tịnh.

Đối với đạo, ngày xưa Thái Tử Tất Đạt Đa thấy cung vàng, điện ngọc, vợ đẹp, con xinh là ngục tù, ràng buộc, nên đã quyết chí vượt thành xuất gia tầm đạo, rồi suốt sáu năm khổ hạnh rừng già nơi tuyết sơn, cuối cùng về Bồ Đề Đạo Tràng, tọa thiền dưới gốc Tất Bát La, 49 ngày ngộ được đạo và 49 năm khổ thực hóa duyên khắp miền Ấn Độ, rồi cũng từ giả tất cả để vào "vô dư niết bàn." Không dính mắc và có từ bỏ được tất cả như vậy, Thái Tử Tất Đạt Đa mới thành Phật, cứu độ muôn loài và lợi ích nhân sinh. Bây giờ muốn cứu độ chúng sanh, mà đi ngược lại con đường Đức Phật đã đi: từ không tạo thành có; từ nhỏ xây nên lớn; từ đơn giản, thoải mái biến thành nhiều khô, phức tạp; từ tự do, giải thoát trở thành nô lệ, dính mắc; lấy thành tựu về vật chất và hình tướng bên ngoài làm sự nghiệp cho đời tu, để rồi phải mãi chấp trước, não phiền, động loạn, khổ đau!



Do đâu mà có ra những hiện tượng này? Có phải chẳng do người đời quá chú trọng vào vật chất và hình tướng, nên suốt ngày bận rộn, lo toan, tính toán, tranh giành, chiếm đoạt, muốn lớn và thể hiện "bản ngã" khiến phải gây nhiều khổ lụy cho nhau. Với tâm cảnh này, cuối tuần xả stress bèn cách vào chùa gặp Thầy, Cô hầu tìm chút yên tĩnh tâm hồn, nhưng từ đó mang tâm thị phi, danh lợi này theo vào chùa, tạo nên nhiều vấn nạn. Thường xuyên lui tới quen thân, có công quả và cúng dường nhiều với mong muốn Thầy, Cô phải chịu theo ý của mình, nếu Thầy, Cô có nhu cầu cao, thích "vuốt ve bản ngã" bằng những lời "ninh hót," để rồi "lớn cái ta," đánh mất mình, thì phải chịu theo ý của Phật Tử và bị control mọi việc. Đã không dạy cho Phật Tử tu đúng mà còn đối xử mất bình đẳng, thể hiện tâm thế gian "khi thương trái ấu cũng tròn, khi ghét trái bồ hòn cũng méo" nên "bất mãn," bất hòa từ đây thể hiện, bao nhiêu khô, oán trái chất chồng, như vậy bị phan duyên rồi, đâu có thời gian tu để tạo được đạo lực, sự an lạc và năng lượng hầu giáo hóa chúng sanh cùng về bờ giác!

Con người có hai phần, thể xác (sinh diệt) và tinh thần (còn mãi), nhưng hầu hết vì lo cho "bản ngã" nên khi sống, bao nhiêu thời gian, sức lực đổ ra, đều lo ọ bề cho phần thể xác, danh lợi hão huyền, để rồi khổ, cuối đời cũng trả về cho cát bụi, có khi chấp thân là "ta" nên rồi không siêu thoát được, phải ở lại làm quý giữ xác, giữ mồ. Còn lại phần tâm linh, tinh thần thì quên lãng, để hết đời phải mang theo những nghiệp báo đã gieo.

Tu và đến chùa là mong cầu được an lạc, giải thoát, giác ngộ để cứu giúp muôn loài cùng an lạc, giải thoát theo, nhưng vì quá nhiều tham vọng và chạy theo vật chất, quên mất đường về, không lo "quán chiếu tự tâm, triệt



tiêu bản ngã, chuyển hóa nghiệp lực," tu tập chân thành để nhận được sự nhiệm mầu và gia trì của Phật Pháp, mà hướng ngoại tìm cầu, nên phải nhiều lo toan tính toán, nhiều loạn, đánh mất đi sự tĩnh lặng, mình mãi luôn sẵn có trong lòng của mỗi chúng ta.

"Khoảng cách giữa ta với giải thoát, có thể được tượng trưng bằng con số của các HAM MUỐN mà ta cố ở trong lòng," "tham vọng" nhiều sẽ khiến ta đánh mất chính mình, nhiều lệ thuộc, mất tự do.

Phật Pháp luôn nhiệm mầu, luật nhân quả rất công minh. "Tâm bình thể giới bình." Nếu tâm ta trong sáng sẽ cảm chiêu nhiều điều tốt đẹp, cho nên sống "vô sự" đơn giản, "ít muốn, biết đủ, tùy duyên," bằng lòng với những gì hiện có, không mê ngũ dục, không đắm nhiễm lục trần, biết hướng thượng, hành trì, buông xả, giữ tâm ý thanh tịnh, có năng lượng thường nghĩ đến việc sẻ chia, tạo niềm vui và lợi ích cho mọi người làm niềm vui cho mình và phải hiểu rằng "giải thoát chỉ có thể đạt được qua tu tập chứ không phải qua bàn luận." Để nỗ lực hành trì, thì chúng ta đã hành pháp, tận hưởng được "hương vị giải thoát" và từng bước an nhiên đi trên con đường giác ngộ rồi! "Đa sự sanh phiền não", "lớn thuyền lớn sóng" Đức Thế Tôn cũng đã di giáo: "Muốn cầu tịch tĩnh, vô vi, an lạc, nên lìa chỗ tụ họp huyền ảo, một mình ở nơi thanh vắng... Ví như cây lớn, có nhiều chim chóc tụ họp, tất không khỏi mỗi họa cành nhánh khô gãy." "Tâm bình thường là đạo" nên đâu cần phải phô trương và làm điều gì cho vĩ đại!

Có hai câu đối nghe rất tâm đắc và thanh thoát:

**"Cư trần bất nhiễm luôn tự tạ
Lân tục đừng mê chứng hiện tiên"**

Được như vậy, mới chính thật là "tu giải thoát" đúng với hạnh nguyện của người tu, hợp với bản hoài và pháp vị của chư Phật vậy!

*An Lạc thất, Adelaide Nam Úc
những ngày tịnh dưỡng*

Thích Viên Thành (Hạnh Trung)

CÔI RIÊNG

*Trà khuya bên chái hiên nhà
Gió hiu hắt thổi trắng tà mái tây,
Kể từ vào giữa chốn này
Phong ba mây độ buồn lây lất lòng
Thăng trầm bao nỗi long đong
Mây trôi bèo dạt theo vòng tứ sinh
Góc riêng ta chỉ một mình
Ngâm câu lục bát nhớ hình bóng xưa
Trăng tàn tiếng vạc xa đưa,
Thoảng nghe gió lạnh đêm mưa gợi buồn.*

VÔ THƯỜNG

*Xuân đi xuân lại đến
Người đi chẳng quay về
Đời như thuyền không bến
Suốt canh dài lê thê.*

*Tình đi tình chẳng đến
Thời gian chẳng quay về
Một lân thôi lỡ hẹn
Theo dòng đời lê thê.*

*Ngày đi ngày lại đến
Cho ta thêm tuổi đời
Chút tình xưa thương mến
Nay bóng thành xa xôi.*

*Từ làm thân viễn xứ
Ta mơ về quê nhà
Từng đêm trong giấc mộng
Vơi nỗi buồn xót xa.*

*Khi giạt mình tình giấc
Có hương ngàn dặm xa
Đường trần không lối hẹn
Biết đâu là quê nhà.*

thơ

NGUYỄN TIẾN QUỲNH GIAO

LỜI CHÀO MỪNG NGÀY HỌP MẶT HỘI NGỘ

Sa môn Thích Tín Nghĩa

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trước và trên hết, kính cung đón vào chào mừng cũng như gói ghém lời giới thiệu đến với Ngày Hội Ngộ hôm nay : Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Đạt, Viện chủ chùa Quang Nghiêm, về từ Stockton, - Trưởng lão Hòa thượng Thích Nguyên Trí, Viện chủ chùa Bát Nhã về từ Santa Ana, - Hòa thượng Thích Nguyên Siêu, Viện chủ chùa Phật Đà và Tu viện Pháp Vương, về từ San Diego, và, Hòa thượng Thích Nhật Huệ, Viện chủ chùa Duyên Giác, về từ San Jose.

Kể đến, chúng tôi xin vui mừng chào đón và giới thiệu Quý Anh Chị Huỳnh trưởng Lão thành từ khắp các tiểu bang của Hoa Kỳ, cùng tất cả Quý anh chị em Huỳnh trưởng các cấp hiện đang gánh vác trọng trách đối với Tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam hiện đang hành hoạt tại Hoa Kỳ.

Kính bạch quý ngài,

Kính thưa các Anh Chị Huỳnh trưởng các cấp,

Sau làn sóng của người con dân nước Việt ly hương để tìm cuộc sống tự do, trong đó có hàng con của Phật, mà một bộ phận khá lớn và quan trọng là Tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Ban đầu, vì môi trường đang lo ổn định cuộc sống của gia đình, rồi từ từ cùng với chư Tôn đức được thân cận, các anh chị Huỳnh trưởng lớn mà nay đã lão thành đã ý thức được trách nhiệm của chính mình đối với mầm non của đạo, của Phật Giáo Việt Nam tại xứ người ; bằng hình thức này hay hình thức khác và tùy duyên liên lạc, hội tụ để hình thành cho được những đơn vị sinh hoạt lúc ban đầu rồi dần dần đi vào nền nếp như ngày hôm nay. Thời gian cũng trên 30 năm và cũng đã đem lại những thành quả thật khả quan mà chư Tôn đức cùng quý Anh Chị Em không thể phủ nhận được.

Tuy nhiên, trong suốt thời gian dài ấy, Tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ vẫn chưa giữ được tinh thần bất khả phân của Màu lam, chắc các anh chị em cũng đã nhận thấy điều này rất rõ ràng ?

Với vùng đất rộng rãi bao la mà chúng ta đang tạm dung và nhận là quê hương thứ hai, thì sự có mặt của Phật giáo nói chung và Tổ chức Gia Đình Phật Tử nói riêng thật quá khiêm nhường, mà không muốn nói là quá ít ỏi. Đã thế, lại có quá nhiều Ban Hướng Dẫn từ Trung ương cho đến cấp Miền, thậm chí có những đơn vị Gia Đình Phật Tử lại tự sinh hoạt co cụm trong một ngôi chùa dù có vị Tăng hướng dẫn



hay không vẫn lấy làm tự mãn. Rồi những biến chuyển đau thương cho Phật Giáo, kéo theo luôn Tổ chức Gia Đình Phật Tử ; từ đó chia năm xẻ bảy.

Trước tình trạng đau thương ấy, chư Tôn Đức hiện diện hôm nay với tâm nguyện là làm thế nào cho Tổ chức Gia Đình Phật Tử được Thống Hợp, thì đó là báo Phật ân đức cao quý lắm rồi. Chư Tôn Đức hiện diện hôm nay không mong cầu bất cứ một cái gì cả. Chúng tôi thuộc lứa tuổi cổ lai hy, không còn bao lâu nữa sẽ về với Phật, nên đã đồng mãnh giọng lên tiếng chuông hôm nay học theo hạnh của đức Đệ Tam Tăng Thống là : Tương kính, Tương thuận và Tương sám ; do đó, ngày Hội Ngộ hôm nay các anh chị tự đương hướng dẫn cho có kết quả mỹ mãn, Chư Tôn Đức chỉ chứng minh hộ niệm. Chúng tôi chỉ yêu cầu :

1.- Không tranh cãi quá đáng,
2.- Không chỉ trích nhau mà lắng nghe, tương thuận và đồng bồ khuyết,

3.- Tìm cho nhau một đường hướng, thời gian hợp với Đạo lý và hợp với Tổ chức của Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ,

4.- Hai Ban Hướng Dẫn lớn, có tâm vóc nên thực hiện sự Thống Hợp càng sớm càng tốt, ...

5.- Làm gương cho đàn em của mình noi theo đó mà gìn giữ, duy trì tổ chức ngày một quang vinh, khi các anh chị tuổi già xế bóng.

6.- Đồng lòng, quyết tâm hi sinh mọi tiểu tiết, tình cảm nhỏ nhặt để xây dựng tinh thần thương yêu, hiểu biết Hòa - Tin - Vui, để cuộc họp gặt hái nhiều thành quả tốt đẹp ; ấy là sự khích lệ lớn lao cho tất cả quý thầy trò chúng ta hôm nay.

Kính bạch quý Ngài,

Kính thưa quý anh chị em,

Cuộc họp hôm nay không ngoài mục đích là giữ gìn bảo tồn tài sản tinh thần của cha ông để lại, các bậc tiền bối hữu công đã vì tổ chức mà dâng trọn đời mình, hầu mong Gia Đình Phật Tử luôn vững mạnh và hiện hữu trong dòng lịch sử Phật Giáo Việt Nam từ quốc nội đến hải ngoại.

Trước khi dứt lời, chúng tôi xin được nhắc lại lời Phật dạy: **"Hội họp trong tinh thần đoàn kết ; thảo luận trong tinh thần đoàn kết ; giải tán trong tinh thần đoàn kết."** Đây là những điều cần thiết trong cuộc họp mà Đức Thế Tôn đã ân cần khuyên dạy. Kính xin quý anh chị quan tâm, lưu ý cho.

Thành tâm kính chúc cuộc họp thành tựu tốt đẹp.

Kính chúc Chư Tôn Đức Tăng Già phước trí nhị nghiêm, Phật sự viên thành.

Thân chúc quý Anh Chị Em Huỳnh Trưởng các cấp mãi mãi kết chặt giây thân ái đầy lý tưởng Phật chất vẹn toàn.

Nam Mô Thường Hoan Hỷ Bồ Tát Ma Ha Tát.

Sa môn Thích Tín Nghĩa



Khói Hương

*Mai sau còn dấu chân người
Về thăm ta giữa đất trời cỏ sơ?
Nông nân bụi phấn hương xưa
Ta quên chúng giám em vừa thấp nhang!*

Bước Chân

*Mỗi bước chân đi, huyết tới gần
Người trăm năm níu mộng trăm năm
Mới ngày mẹ dắt tay lần cửa
Cửa hẹp trần gian khép lại dần!*

Thời Điểm Qua Năm

*Nằm nghe chuông, trông đỏ hồi
Xòe tay tính đốt, ngậm ngùi tuổi hoa
Mai này ai ghé thăm ta
Có chăng người đáp xe ma qua đường.*

Lang Thang Chiều Nghĩa Trang

*Chiều không cả bóng hoàng hôn
Lấy đâu chôn để cơn buồn dung thân?
Có khâu máy năm xa gần
Chân dừng, ngó sừng mây phủ mộ bia.*

Di Ngôn

*Cánh cửa trần gian khép lại rồi
Sầu tôi sẽ lấp, hãy chia vui.
Điều tang chớ đọc - lời gian dối
Dưới huyết sâu tôi sẽ bật cười!*

thơ

VƯƠNG ĐỨC LỆ

TỪ ÁI VÀ BI MÃN TRONG HÀNH ĐỘNG

Nguyên tác: **ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA**

Tuệ Uyển dịch



Phước Đức Và Tuệ Trí

Sau khi phát sinh tinh thần Giác Ngộ - tâm bồ đề, quý vị tiếp theo thọ nhận những sự thực hành Bồ tát thật sự. Chư Bồ tát ngưỡng mộ đạt đến thể trạng toàn giác. Như chúng ta đã thảo luận, đây là điều gì đẩy sinh khởi từ những nguyên nhân và điều kiện (1). Nhưng chúng ta cần một tập hợp hoàn hảo và đúng đắn của những nguyên nhân và điều kiện, một tập hợp bao gồm nhiều sự thực tập. Long Thọ tóm tắt chúng trong một kệ hồi hướng trong 60 Kệ Tụng Lý Trí: "Nguyên, qua đức hạnh này, tất cả chúng sanh tập hợp hai tích tập và trên căn bản ấy đạt được hai hiện thân của Quả Phật" (2). Ngài diễn tả những tích tập của phước đức và tuệ trí như những nguyên nhân của Quả Phật; khi chúng ta chi tiết những gì điều này liên hệ, thì chúng ta có giáo huấn về 6 ba la mật. Cũng thế, nếu chúng ta chi tiết ba la mật thứ sáu, tuệ trí ba la mật, thế thì chúng ta có thêm 4 ba la mật, làm thành tất cả 10 ba la mật.

Giải thích sự thực tập 6 ba la mật, Tông Khách Ba (2:85) dạy rằng chúng ta phải rèn luyện trong 6 ba la mật sau khi phát triển tinh thần Giác Ngộ. Chúng ta không trở thành những vị Phật qua hoặc là phương pháp (5 ba la

mật đầu) hay tuệ trí mà thôi. Chúng ta cần cả hai khía cạnh của con đường tu tập; chỉ qua việc kết hợp hai khía cạnh này mà có thể tích tập những nguyên nhân và điều kiện cần thiết cho việc đạt đến Quả Phật toàn giác.

Trong 6 ba la mật, đối với những ai chính yếu gắn liền với phía phương pháp của con đường tu tập - bồ thí, tri giới, v.v... - cốt lõi là sự phát triển và đào sâu một cách thực tiễn mong ước, nguyện vọng, của chúng ta để giúp đỡ người khác. Trong trường hợp của bồ thí, ví dụ thế, hành động thực tế của việc ban cho là quan trọng, nhưng những gì thiết yếu là việc làm cho kiên cố động cơ, mục tiêu, và xu hướng của hành giả để ban cho. Năng lực chính mà quý vị đang sử dụng và vì thế việc củng cố là một loại *nguyện vọng*. Đồng thời, để những khía cạnh phương pháp này của con đường tu tập hiệu quả, thì quý vị cũng cần năng lực của tuệ trí bởi vì nó đem vào sự thực tập của quý vị một cảm nhận tự tin hay một cách chắc chắn nó làm nổi bật rất tuyệt sự thực tập của quý vị về bồ thí, v.v...

Giống như thế, khía cạnh tuệ trí của con đường tu tập phải được bổ sung bởi khía cạnh tuệ trí của con đường. Thí dụ, nhằm đề biết tánh không, chúng ta phải làm tâm thức và trái tim chúng ta để lãnh hội sự thực chứng như vậy. Để làm điều này, quý vị phải dẫn thân trong những thực tập làm tịnh hóa tâm thức quý vị và làm mạnh đức hạnh của quý vị. Trong những cách này, hai khía cạnh của con đường - phương pháp và tuệ trí - thật sự bổ sung cho nhau. Mỗi thứ củng cố và làm nổi bật sự phát triển cho thứ kia. Phía phương pháp giúp hành giả chuẩn bị tư tưởng để thực chứng tánh không và rồi thì làm nổi bật sự thực chứng ấy sau khi nó sinh khởi. Trong chi tiết, khía cạnh phương pháp của con đường bảo đảm rằng tuệ trí của hành giả hiểu biết tánh không có thể trở thành một phương pháp hóa giải đầy năng lực đến những chướng ngại vi tế ngăn trở sự toàn tri và vì thế có thể phục vụ như một nguyên nhân cho sự Giác Ngộ hoàn hảo của một Đức Phật. Khi quý vị quán sát vấn



đề chư Bồ tát tiến triển từ trình độ này đến trình độ khác, thì ấy là tiến trình thật sự xảy ra trong định - tuệ thiên cân bằng về tánh không. Thế nên, phẩm chất của tuệ trí này quyết định vấn đề hành giả có thể tiến xa đến mức độ nào; trong ý nghĩa này, thì tuệ trí là nguyên nhân chính và phương pháp bồ sung cho nó (phương pháp là 5 ba la mật trước).

Sáu Ba La Mật

Trong việc giải thích sáu ba la mật, Tông Khách Ba (2:104-111) thảo luận chi tiết tại sao chúng là rõ ràng và chính xác trong số 6. Khi một luận điển diễn tả một chiều kích nào đó như cố định và rõ ràng, thì chúng ta phải coi như điều này có thể được nói trong hơn một ý nghĩa. Thí dụ, hai chân lý (nhị đế) - quy ước và cứu kính - là một chiều kích hoàn toàn thấu đáo của tri thức của tất cả mọi đối tượng; con số thật sự cố định và nó là hoàn toàn. Nhưng trong trường hợp của Bốn Chân Lý Cao Quý, vậy thì vị thế đã quyết định của con số 4 liên hệ đến chính mục tiêu đặc thù của giáo lý. Nó là con số cố định trong phạm vi ấy, cho một mục tiêu đặc thù. Cảm nhận của tôi là việc liệt kê rõ ràng của sự hoàn hảo như số 6 là tương tự. Nó không là một danh sách toàn diện như hai chân lý. Nó là một con số cố định nhưng cố định trong mối quan hệ đến những mục tiêu đặc biệt của một giáo lý đặc thù. Đôi khi một vị thầy thấy rằng một danh sách cố định với một con số đã định rõ về những thành phần là hiệu quả nhất trong việc xua tan những hiểu biết sai lầm nào đó.

Bổ Thí

Bổ thí đứng đầu trong danh sách sáu ba la mật. Tông Khách Ba (2:113-126) đưa ra một giải thích thẳng thắn về chủ đề rất quan trọng này. Chúng ta cần quán chiếu trên điều này và đem giáo lý vào việc thực tập.

Điểm quan yếu này là để chắc chắn rằng sự ban cho của quý vị sẽ làm lợi ích cho người khác. Để đạt được mục đích ấy, chúng ta phải xem những gì thích đáng để ban cho, khi ban cho, và v.v... Tông Khách Ba (2:122) liệt kê ba hình thức chính của ban cho; ban cho những thứ vật chất (tài thí), ban cho sự bảo vệ khỏi sợ hãi (vô úy thí), và ban cho giáo Pháp qua giáo huấn tâm linh (pháp thí). Thí dụ, nếu quý vị biết lưu ý rằng động cơ của quý vị là đúng, thế thì việc bảo vệ môi trường có thể là một thí dụ của loại bổ thí thứ hai, ban cho sự bảo vệ. Việc làm của những nghề nghiệp chăm sóc, kể cả bác sĩ và y tá, cũng có thể trở thành một hình thức của việc ban cho sự bảo vệ khỏi sợ hãi.

Khi những giáo sư và giáo viên diễn giảng, điều này có thể là một hình thức của bổ thí, ban cho giáo huấn tâm linh. Nhưng nếu động cơ của họ chỉ là để được lãnh lương, thế thì nó không là bổ thí thật sự. Nó là một giao dịch thương mại giống như bất cứ loại thương mại

nào khác. Ngay cả nếu Đạt Lai Lạt Ma diễn giảng vì mục tiêu nhận được một món tiền nào đó, thế thì đó cũng chỉ là một thỏa thuận thương mại, không phải là một hình thức của bố thí. Có một lần, một vị đạo sư Nyingma thực hiện ba lời nguyện: không bao giờ cỡi thú vật, không bao giờ ăn thịt, và không bao giờ nhận bất cứ sự cúng dường vật chất nào như kết quả của việc giảng dạy giáo pháp. Ngài giải thích rằng lấy tiền vì giảng dạy giáo pháp giống như làm thương mại - một loại thương mại xấu. Một cách truyền thống, buôn bán giáo pháp đã được xem là một loại thương mại rất tệ hại.

Trì Giới (Nguyên Tắc Đạo Đức)

Tông Khách Ba (2:148) giải thích rằng ba la mật thứ hai - trì giới ba la mật - là ba loại chính: tự mình tránh những hành vi tổn hại, tập hợp đức hạnh, và hành động vì lợi ích của người khác. Có một trình tự tự nhiên trong ba thứ này: tiến hành tự kiềm chế, xuyên qua tập hợp đức hạnh, và rồi thì hành động vì người khác.

Nếu một vị Bồ tát có những thệ nguyện giải thoát cá nhân, chẳng hạn như những thệ nguyện [giới điều] của cư sĩ hay tu sĩ, thế thì việc quán chiếu những điều này cấu thành loại thứ nhất của trì giới, đạo đức của việc kiềm chế. Khi một vị Bồ tát không có những thệ nguyện chính thức, thế thì nguyên tắc đạo đức của việc kiềm chế có nghĩa là kiêng tránh khỏi mười điều bất thiện (3). Nó cũng bao gồm việc đề phòng chống lại những tư tưởng vị kỷ. Việc tự kiềm chế mình khỏi những hành vi tổn hại sẽ chuẩn bị cho quý vị phát triển một trái tim đức hạnh.

Tập hợp đức hạnh, loại trì giới thứ hai, có thể bao gồm tất cả những sự thực hành đưa đến việc phát triển nhiều khía cạnh của con đường tu tập, kể cả những sự thực hành liên hệ tánh không thâm thâm và những sự thực hành rộng rãi của bi mẫn và phương tiện thiện xảo. Khi tâm thức quý vị trở thành mạnh mẽ trong đức hạnh, thì quý vị sẽ có thể mang lợi ích đến cho người khác tốt đẹp hơn.

Trong việc giải thích trì giới của việc hành động vì lợi ích của người khác, Tông Khách Ba (2:148) đề cập 11 hình thức của việc phụng sự. Ngài không chi tiết hóa chúng ở đây trong Đại Luận, nhưng chỉ chúng ta tham khảo đến tác phẩm *Lộ Trình Tinh Thức Căn Bản* của ngài, trong ấy luận giải chương trì giới của quyển *Những Trình Độ Của Bồ Tát* (Bồ tát địa) của Vô Trước. Ở đây ngài dạy rằng chúng ta nên đáp ứng đến người nào đó cần giúp đỡ. Thí dụ, nếu người nào đó đi đứng khó khăn, thế thì chỉ giúp đỡ người đó. Hãy giúp đỡ người khác khi họ rối rắm hay mờ mịt về một nhiệm vụ đặc thù nào đó mà họ đang cố gắng làm. Hãy biểu lộ bằng cách của quý vị để đến với những người khác, hoan nghênh họ và v.v... Dừng lại với những ai đang gặp khó khăn và sợ hãi, cho họ tình thân hữu. Giúp đỡ và làm thoải mái những ai đang đau khổ trong nỗi thương tiếc và buồn rầu. Đáp

ứng để giúp đỡ những ai cần nhu cầu vật chất tức thời. Hãy là nơi nương tựa, nơi trú ẩn cho những ai đang cần sự hỗ trợ cảm xúc. Hãy chăm nom điều ấy, trong việc cố gắng giúp đỡ người khác, bất cứ điều gì quý vị hoàn tất trong một phương thức làm hòa hiệp những thể trạng tâm thức của họ và vì thế có thể thật sự đem đến lợi ích. Nếu ai đẩy dường như đang chúi đầu vào con đường sai lầm, hãy khuyên bảo người ấy để họ hướng bước về đường đạo đức. Khi cần thiết, hãy có một lập trường vững vàng - một cách đặc biệt khi nó liên hệ việc làm tổn hại sự thực hiện chí nguyện bởi một người khác. Và nếu, một ngày nào xa xôi trong tương lai, quý vị phát triển được những năng lực diệu kỳ qua thiền tập, thế thì hãy sử dụng những năng lực này để giúp đỡ người khác.

Nhẫn nhục

Với ba la mật thứ ba, nhẫn nhục, Tông Khách Ba (2:159) giải thích rằng có ba loại chính: nhẫn nhục là không quan tâm những tổn hại đối với quý vị, nhẫn nhục trong việc chịu đựng khó khăn và đau đớn, và nhẫn nhục là một loại biết chắc chắn về những khía cạnh đa dạng của giáo pháp. Đoạn này của Đại Luận (2:151-179) trích dẫn và xuất phát một cách chính yếu từ những giải thích tuyệt vời trong chương thứ 6 của *Hướng Dẫn Lối Sống Bồ Tát* của Tịch Thiên.

Tinh Tấn (Nghị Lực Hoan Hỉ)

Tông Khách Ba, Đại Luận (2:181-207), giải thích ba la mật thứ tư, nhẫn nhục ba la mật, được căn cứ một cách chính yếu từ chương thứ 7 của *Hướng Dẫn Lối Sống Bồ Tát*. Ngài (2:184) diễn tả ba hình thức của tinh tấn: tinh tấn giống áo giáp, tinh tấn tập hợp đức hạnh, và tinh tấn hành động vì lợi ích của người khác.

Tinh tấn giống áo giáp đòi hỏi việc trau dồi một thái độ tinh đến một khung thời gian cực kỳ lâu dài. Nó có nghĩa là việc phát triển cảm giác, "Ngay cả vì lợi ích của một chúng sanh đơn lẻ, tôi sẽ tự hồi hướng chính mình trong hàng vô lượng kiếp, cho đến khi không gian còn tồn tại". Thí dụ, Đức Ban Thiên Lạt Ma trong *Cúng Dường Đạo Sư* nói rằng, "Tôi sẽ cố gắng vì lợi ích của người khác, ngay cả vì lợi ích của một chúng sanh đơn lẻ; ngay cả nếu tôi phải hiện hữu trong những cõi thấp trong hàng vô lượng kiếp, tôi sẽ không ngã lòng." Quyết tâm cương quyết lâu dài này thật sự được cho là phẩm tính của tinh tấn ba la mật, nghị lực hoan hỉ "giống áo giáp."

Thiền Định

Tông Khách Ba giải thích ba la mật thứ 5, thiền định ba la mật, và ba la mật thứ 6, tuệ trí ba la mật, trong những phần sau của Đại Luận dưới tựa đề "tĩnh lặng" và "tuệ giác nội quán," một cách tương ứng. Trong một ý nghĩa phổ thông nhất, tĩnh lặng (shamatha - chí) và tuệ giác nội quán (vipashyana - quán) là những



thực tập thông thường đối với những truyền thống Phật giáo và không Phật giáo cổ điển ở Ấn Độ.

Trong kinh *Nhập Lăng Già*, Đức Phật đã dạy một sự đa nguyên tâm linh diễn tả nhiều cỗ xe (thừa) hay phương pháp cho việc tiến hành trên con đường tâm linh, kể cả những cỗ xe của con người (nhận thừa), cỗ xe cho chư thiên (thiên thừa), cỗ xe cho hàng môn đệ (thanh văn thừa), và cỗ xe cho hàng Bồ tát (Bồ tát thừa). Cho đến khi mà vẫn còn những khác biệt vô vàn về tính khí và thiên hướng tinh thần giữa các chúng sanh, thì cũng có nhu cầu cho vô vàn hình thức thực hành. Cỗ xe cho loài người liên hệ đến bất cứ hệ thống nào mà mục đích chính của nó là tiến trình trên con đường hướng đến giải thoát khỏi những khổ đau tức thời và rõ rệt (khổ khổ). Nhưng cỗ xe cho chư thiên chính yếu tập trung trong việc xua tan những khổ đau của thay đổi (hoại khổ); ở tại điểm này tĩnh lặng và tuệ giác nội quán là rất liên hệ. Y tưởng chính là tiến bộ qua nhiều trình độ của tập trung (tứ thiền) và thiền định vô sắc (tứ vô sắc định). Mặc dù căn cứ trên việc trau dồi của tĩnh lặng thiền (chí), con đường thật sự liên hệ đến tuệ giác nội quán (quán) là so sánh những đặc trưng của những cảnh giới thấp (địa ngục, ngã quý, súc sanh) với đặc trưng tiến bộ vi tế hơn của những cảnh giới cao thượng.

Làm sao chúng ta có thể chắc chắn về ba cõi - dục giới, sắc giới, và vô sắc giới? Chúng ta có thể có được một số thông hiểu bằng việc thăm tra chính những thể trạng tinh thần của chúng ta. Những thể trạng tinh thần gắn liền với dục giới là hoàn toàn thô phù, vì thế chúng là những hình sắc thô của phiền não và những tiến trình tinh thần khác. Trái lại, nếu quý vị đạt đến sự ổn định tinh thần, thế thì quý vị có thể an trú trong một thể trạng ổn định tương đối của tâm thức. Và trong những thể trạng thiền định, quý vị có thể thấy những thể trạng sâu hơn, vi tế hơn tăng dần lên từng nấc. Do thế, quý vị có thể kết luận cũng có thể có những cảnh giới, những tình trạng của chúng sanh, là những thứ tương ứng và là kết quả của nghiệp của những thể trạng tinh thần khác nhau này. Đây là một cách để có một cảm

nhận về sự tồn tại của ba cảnh giới.

Trong *Kinh Nghiệm Tâm Linh Ca*, Tông Khách Ba nói rằng sự tĩnh lặng cấu thành sự tinh thông và quyền chi phối đối với tâm thức của hành giả. Tĩnh lặng có phẩm chất như ông vua trong ý nghĩa là khi quý vị hướng tâm trực tiếp đến một đối tượng chọn lựa, nó có thể an trú tại đây với sự vững vàng như một ngọn núi. Về mặt khác, quý vị cũng có thể sử dụng năng lực này để phân tích bất cứ đối tượng đức hạnh nào mà quý vị có thể lựa chọn. Trong trường hợp ấy, quý vị đang phát triển năng lực của tuệ giác nội quán trên căn bản của tĩnh lặng. Tĩnh lặng cung ứng sự ổn định tinh thần và tuệ giác nội quán cung cấp một năng lực phân tích. Hai thứ này có thể phối hợp với nhau.

Hơn thế nữa, Tông Khách Ba nói rằng thiền định phát sinh an lạc khi thân thể và tâm thức quý vị trở thành nhu nhuyễn. Điều này liên hệ đến việc đạt tới sự khinh an của thân thể và tinh thần, một sự bào mỏng dần dần những trệ tự nhiên của chúng ta. Hành giả, người đang trau dồi tĩnh lặng sử dụng tính khinh an này để đánh đổ bất cứ chướng ngại hay sao lãng nào và duy trì sự ổn định của thiền tập. Tôi biết một tu sĩ, người học hỏi trong những tu viện bác học và thông bác nhiều kinh luận cổ điển của Phật Giáo, nhưng cũng đã hành thiền trong nhiều năm. Ông sống ở Bhutan trong một thời gian, trau dồi tĩnh lặng, và ông đã đạt đến một điểm, nơi mà kinh nghiệm của ông tràn ngập bởi một cảm giác an lạc. Tôi nghĩ rằng ông đã đạt đến sự an lạc này xuất phát từ sự khinh an nhu nhuyễn của thân thể và tinh thần.

Tuệ Trí Ba La Mật

Trong Phật Giáo phổ quát, thuật ngữ "tuệ trí" liên quan đến những sự kiện về thực tại quy ước và những sự kiện về thực tại cứu kính. Trong phạm vi của sự tu tập, "tuệ trí" liên hệ đến một năng lực thông minh phải được phát triển. Hay nó có thể được liên hệ với việc học hỏi. Truyền thống cổ điển của Tây Tạng tự nhiên tuân theo kiểu mẫu truyền thống cổ điển của Phật Giáo Ấn Độ, nơi có 5 lãnh vực chính về tri thức và 5 lãnh vực phụ về tri thức. 5 lãnh vực chính về tri thức (ngũ minh) là học về ngôn ngữ - chủ yếu là Sanskrit (thanh minh), lý luận và nhận thức luận (nhân minh), y dược (y phương minh), nghệ thuật và thủ công (công xảo minh), và hệ thống tri thức Phật Giáo (nội minh). 5 lãnh vực tri thức phụ bao gồm nhiều chủ đề tương tự khác. Trong kiểu mẫu Phật Giáo Ấn Độ cổ điển đây là những thứ được xem là lãnh vực then chốt mà trong ấy một người có học thức phải trau dồi tuệ trí.

Tuy nhiên, khi chúng ta nói về tuệ trí ba la mật, "tuệ trí" được liên hệ đến tri thức của thực tại cứu kính, bản chất tối hậu của mọi thứ. Trong *Kinh Nghiệm Tâm Linh Ca*, Tông Khách Ba nói rằng tuệ trí là con mắt mà với nó hành giả thấy thực tại thâm thâm. Tuệ trí là con

đường mà nhờ nó hành giả trừ diệt, phá hủy từ chính gốc rễ, căn bản của vòng luân hồi. Gốc rễ của vòng luân hồi là vọng tưởng, một cái đặc biệt trong hình thức chấp trước vào sự tồn tại chân thật, và tuệ trí hiểu biết tánh không hoạt động như một phương pháp hóa giải trực tiếp đối kháng nhận thức về nền tảng này của vọng tưởng, do thế tiêu diệt nó. Tông Khách Ba nói rằng, vì lý do này, tuệ trí là trân bảo quý giá nhất của tất cả mọi đức hạnh kỳ diệu được diễn tả trong tất cả mọi kinh điển.

Tất cả giáo huấn của Đức Phật, hoặc trực tiếp hay gián tiếp, đều đồng quy về giáo huấn tánh không. Chúng có thể chỉ về tánh không, chúng có thể thật sự hướng đến tánh không, hay chúng có thể thật sự bố trí trên tánh không. Vì thế, Tông Khách Ba trong tác phẩm *Ca Ngợi Đức Phật Vì Đã Dạy Lý Duyên Sanh*, tuyên bố Đức Phật, "Mọi thứ mà Ngài đã dạy tiến lên từ lý duyên sanh vì lợi ích niết bàn, vì thế Ngài không có gì mà không hướng đến hòa bình." Tông Khách Ba sau đó tiếp tục nói rằng tuệ trí thông hiểu điều này giống như một ánh sáng kỳ diệu xua tan bóng tối của vọng tưởng (4).

Hấp Dẫn Người Khác

Tông Khách Ba giải thích về những sự thực tập của Bồ tát đạo, bên cạnh 6 ba la mật, cũng bao gồm (2:225-231) 4 cung cách chính để tập hợp tín đồ (Tứ nhiếp pháp): 1) ban cho mọi người những thứ họ cần, 2) nói trong một cung cách tuyệt vời, 3) hướng dẫn người khác thực tập đức hạnh và hành động hướng đến giải thoát, và 4) sống cuộc sống của chính mình phù hợp với giáo pháp. Điểm cuối cùng là quan trọng: Bất cứ điều gì quý vị dạy người khác, thì quý vị phải tự biến thành một gương mẫu bằng chính sự thực hành của quý vị.

(Trích từ quyển "From Here To Enlightenment", chapter 10)

Chú thích:

- 1) Kệ 60 Trong 60 Kệ Tụng Lý Trí.
- 2) Đại luận khám phá trong sâu rộng hơn chủ đề của phần ngắn này tại 2:85-99.
- 3) 10 điều này (giới thập thiện) được liệt kê trong chú thích 51.
- 4) Chuyển dịch của Berzin.



VẤN ĐỀ KHỔ-VUI

TN. Trí Hải



Có những tôn giáo ca tụng khổ đau như phương tiện duy nhất để đạt đến giải thoát, do đó mà có những trường phái khổ hạnh ép xác, nằm gai nếm mật... trong nhiều tôn giáo khác nhau. Bởi vì họ cho chính thân xác này là nguồn gốc của tội lỗi, nên muốn chuộc tội thì phải hành phạt nó cho xứng đáng. Và tội lỗi đây là tội đối với thần linh, đối với những nhân vật vô hình mà họ nghĩ có rất nhiều quyền uy và cũng như con người, có thương có ghét, đầy đủ thất tình lục dục, hằng say thương thiện phạt ác.

Khuynh hướng tôn thờ đau khổ còn được tìm thấy trong một số triết gia, thi sĩ, văn sĩ lãng mạn ở mọi thời, mọi xứ. Những người này cho đau khổ như nguồn thì hứng bất tận giúp họ sáng tác, do đó họ đi tìm đau khổ, đào bới cho ra khổ đau, để tìm trong đó một độ sống nồng nàn giữa cuộc đời nhạt phèo vô vị. Cái khuynh hướng tâm cầu khổ đau ấy đã đẻ ra những văn nghệ sĩ than mây khóc gió, "không ốm mà rên."

Khuynh hướng ấy theo phân tâm học ngày nay là một thứ tâm bệnh, bệnh "tự hành khổ" (masochism). Như S. Freud mô tả, hạng này luôn luôn cho mình thấp kém, tội lỗi, xấu xa, gán hết tất cả những gì tốt đẹp, thánh thiện, thanh cao cho một đấng tối cao rồi quỳ lạy trước đấng ấy để van xin lại một chút ân sủng, một chút ánh sáng (mà họ đã gán cho vị ấy). Freud đi đến kết luận rằng, tôn giáo thần quyền là một hình thức tâm bệnh tập thể.

Đức Phật không chủ trương rằng *đau khổ* đem lại giải thoát. Nếu khổ đưa đến giải thoát thì chúng sinh ở địa ngục ngạ quỷ đáng lẽ được thành Phật trước hơn ai cả, và trâu bò lừa ngựa sẽ giải thoát trước cả chúng ta, bởi vì chúng kéo cày chở nặng suốt đời. Ngài cũng không tuyên bố rằng chỉ có *vui* mới đem lại giải thoát. Nếu vui có thể đem lại giải thoát, thì chúng ta nên bỏ hết thời giờ để theo đuổi các thú vui cho thỏa thích.

Trái lại, Phật phân tích hai loại khổ, hai loại vui.

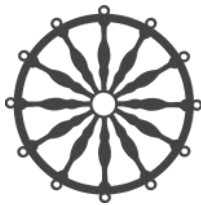
Có cái *khổ hiện tại* đưa đến tương lai cũng *khổ*, cái khổ ấy ta nên tránh. Đó là những khổ hạnh theo tà kiến, như cầu hạnh, ngưi hạnh (làm như trâu, làm như chó với hy vọng như

thể sẽ được sanh lên trời). Đó là những nghiệp bất thiện của thân, miệng, ý hiện tại bị người có trí quả trách, tương lai bị sinh vào địa ngục. Nhưng có loại *khổ hiện tại* mà đưa đến *vui tương lai*, cái khổ ấy ta không nên tránh mà hãy vượt qua. Đó là nỗi khổ của người bình sinh có nhiều tham, sân, si, khi biết đạo, bắt đầu tu tập, phải cố gắng nhiếp phục chúng. Nỗ lực nhiếp phục những tánh xấu nơi mình cố nhiên là một nỗi khổ, nhưng cái khổ ấy ta cần phải vượt qua; không thể vì khổ mà ta không cố gắng, để cho các thói xấu tiếp tục làm chủ mình.

Vui cũng vậy, có hai loại vui. Có cái *vui hiện tại* đưa đến *khổ tương lai*, vui ấy ta nên tránh. Như cái vui của sự phóng túng không theo giới luật, cái vui của kẻ làm ác mà vênh vang tự đắc (gọi là *tà mạn*, hãnh diện về việc ác). Đó là những cái vui của vô minh, sẽ đưa đến tương lai khổ, khi hành vi tội ác bắt đầu kết quả. Nhưng ngược lại, có cái *vui của hiện tại* đưa đến *tương lai cũng vui*, cái vui ấy ta nên thực hiện, và thực hiện nhiều lần. Đó là niềm vui do các việc lành đem lại, do bố thí, trì giới, nhẫn nhục, do không tham, không sân... đó là cái vui không còn bóng dáng đau khổ, gọi là "hỷ lạc do ly dục sanh" ở cảnh giới sơ thiên sau khi gột sạch năm triền cái, phát sanh năm thiền chi (tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm) cái vui ở cảnh giới nhị thiên (hỷ lạc do định sanh), tam thiên (xả niệm lạc trú) và tứ thiên (xả niệm thanh tịnh). Đó đều là những niềm vui của tịch diệt.

Nói tóm, Đức Phật không chủ trương nên vui hay nên khổ trên phương diện cảm thọ, nghĩa là vui khổ trong vòng sống chết. Đúng hơn, Ngài khuyên chúng ta hãy tránh những khổ vui nào đưa chúng ta càng ngày càng xa sự giải thoát, và đừng tránh những khổ vui nào đưa ta tới gần giải thoát, niết bàn, là cái vui tối thượng một cảm thọ siêu thoát ngoài khổ vui thể gian.

(trích *Bóng Nguyệt Lòng Sông* của Ns. Thích Nữ Trí Hải)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni,
Kính thưa chư vị môn đồ pháp quyến của chư giác linh tân viên tịch,

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Trong tháng qua, Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK nhận được tin chư tôn đức Tăng Ni hành đạo tại Hoa Kỳ viên tịch, theo thứ tự thời gian như sau:

- **Ni trưởng Thích Nữ Liên Chi, Viện chủ Tịnh xá Ngọc Thiên** tại thành phố Santa Ana, tiểu bang California, viên tịch ngày 26 tháng 02 năm 2016 (nhằm ngày 19 tháng Giêng năm Bính Thân), thế thọ 73, hạ lạp 43;
- **Thượng Tọa Thích Nhuận Châu**, trú trì Chùa Liên Trì, thành phố Spring Hill, tiểu bang Florida, viên tịch ngày 09 tháng 03 năm 2016 (nhằm ngày mùng 01 tháng 02 năm Bính Thân), thế thọ 42, lạp thọ 20.

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ nhất tâm nguyện cầu chư Giác Linh cao đẳng Phật quốc; đồng thành kính phân ưu cùng môn đồ pháp quyến của chư tôn đức tân viên tịch.

Giáo Hội cũng thỉnh cầu chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni thiết lễ kỳ siêu tưởng niệm chư giác linh tại các tự viện địa phương để tỏ lòng kính tiếc và nguyện cầu chư giác linh tiêu diêu miền Lạc cảnh, sớm hồi nhập Ta-bà tiếp tục sứ mệnh phổ độ quần sanh.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Phật lịch 2559, Santa Ana, ngày 11 tháng 03 năm 2016,

Thành Kính Phân Ưu
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK,
Chủ Tịch,

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

KỂ CHUYỆN TRĂNG SAO

Điếu Văn Tiễn Biệt TT. Thích Nhuận Châu

*Từ Việt Nam
Nghe lòng đau đau
Hương về thầy,
Một người bạn tâm giao*

*Vừa hay tin,
Máu cuộn sóng dâng trào
Vĩnh biệt kẻ du tăng trời huyễn mộng!*

*Than ôi! Mới đó thôi mà,
Thầy về thăm tôi,
Ngót hơn một tháng
Tình anh em
Còn nán đọng đâu đây
Chưa kịp thở kiếp người dòng lưu biến
Thầy lại bỏ đi vời vợi khuất non ngàn
Tôi như kẻ thất thân dưới trăng tan
Ngồi đếm mộng thương hàn vi cố hữu
Tôi và thầy, từ đất Tùng Lâm
Nắng mưa bất kể
Ngoài học giáo nghĩa Phật Đà,
Còn hôm sớm tụng kinh văn
Rồi cứ mỗi tháng,
Trăng ngàn về hiện ngư
Tôi cùng thầy tham dự thiền trà.
Cuộc đất trồng rau, tưới cây làm cỏ
Ngày tháng đi về,
Với bao chuyện buồn vui.*

*Rồi thầy cùng tôi thi vào học viện
Suốt bốn năm mài miết giữa Sài Thành
Tuy vất vả, không một lần than vãn
Nuôi chí lớn, nghiên tầm kinh sử
Đem bi từ rải khắp Đông Tây
Trên đỉnh vinh quang,
Tuy chưa có được gì
Nhưng giữa hiện sinh
Vẫn lưu hình lưu bóng.*

*Hôm nay! Trời Florida,
Rũ xuống một màu tang
Chim thôi hót
Và hoa đời buồn tủi*



TT. THÍCH NHUẬN CHÂU
(1975 — 2016)

*Lòng người cũng bỏ vui, buồn vời vợi
Tiễn biệt thầy
Về chốn vô sanh.*

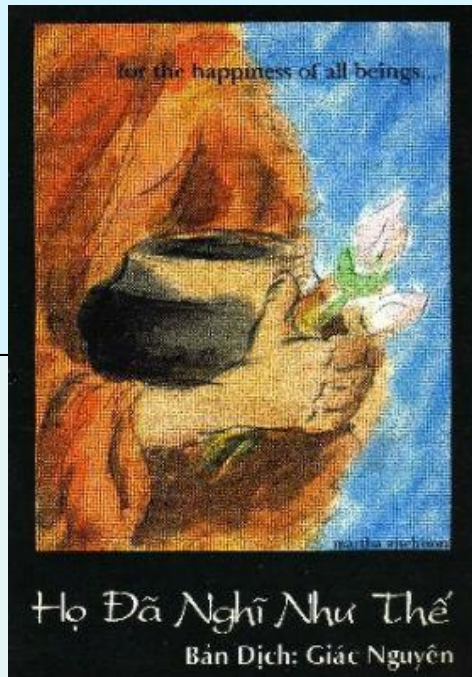
*Ở Việt Nam,
Tôi nghe đất trời như đảo lộn
Chùa Quy Sơn rom róm lệ muôn trùng
Miền Vạn Hạnh cũng rừng mình than khóc
Miệt Tân Thành khôn xiết tiếc thương.*

*Tiễn biệt thầy,
Một người bạn tương tri
Buổi sơ ngộ của nhu mì hiện khởi
Giờ đã điem,
Trên khung trời huyễn mộng
Vời trăm năm,
Ngoảnh lại cuộc vô thường.
Tuy biết vậy,
Nhưng lòng thương vô hạn*

*Mai thầy phải về,
Cho tôi kể chuyện trăng sao!*

THÍCH MINH CHÁNH

(Vạn Hạnh ngày 11/3/2016)



KHIÊM CUNG

ĐẠI ĐỨC PABHÀKARA

Giác Nguyễn dịch

Khiêm Cung

Một lúc nào đó, biết ngòi lại để thắm thía tinh thần uyên áo mà giản dị của Phật pháp, chúng ta có thể sẽ thấy được ý nghĩa quan trọng tuyệt vời của cái gọi là cách đối nhận xử thế hay nói gọn hơn, là phép sống ở đời. Ở đây chúng ta sẽ có được những kinh nghiệm quý giá về quy luật đối xứng trong từng hành động, ngôn ngữ và cả ý nghĩa của mình nữa. Mọi sự luôn để lại một hiệu quả thích đáng. Tôi đặc biệt nhấn mạnh và có hứng thú trong đề tài này vì qua phép sống mà tôi sắp nói tới không phải chỉ được quan tâm vì nó đã được nói tới nhiều trên các trang sách mà hơn thế nữa, nó là một thứ kinh nghiệm tâm linh tự chứng hết sức đặc thù đòi hỏi một công phu trau luyện của bản thân.

Tôi đang đứng trên bục giảng nên cứ xem là tôi đang có một cơ hội để san sẻ thứ kinh nghiệm đó của mình. Tôi đã từng được dạy cách phớt mở từng phút giây thực tại để tận dụng khả năng cao nhất của mình nhằm có thể học được cách nói chuyện bằng chính ngôn ngữ của trái tim, thứ tiếng nói được phát biểu bằng chính kinh nghiệm nội tại. Từ lâu tôi vẫn tự hướng tâm về một bài học duy nhất là làm sao có thể sống ban phát một cách đúng mức. Tư tưởng đó dĩ nhiên đã đem lại cho tôi rất nhiều

Tiểu Sử Tác Giả:

Đại Đức Pabhàkara thế danh là Gordon Kappel sinh năm 1948 tại Seattle, Washington. Nhập ngũ năm 1967, từng có mặt tại chiến trường Việt Nam (1969) với cấp bậc đại úy không quân. Trong một chuyến đi sang Thái Lan, đại đức đã đến viếng các chùa và tình cờ gặp được chư tăng người Tây Phương đang tu học tại đây.

Năm 1970, về lại Alabama (Hoa Kỳ), đại đức dành trọn thời giờ để nghiên cứu Phật giáo một cách nghiêm túc, dần dần phát nguyện bát quan trai giới và học Thiền. Sau đó, trở qua Thái Lan, đại đức tu sa di ở chùa Wat Bovornives rồi năm 1972 chính thức thọ giới tỳ kheo tại chùa Wat Pah Pong.

Năm 1977, khi đại đức Sumedha rời Thái Lan để sang hoằng pháp tại Anh Quốc, đại đức Pabhàkara coi như trở thành vị viện chủ của tu viện Nanajat. Năm 1979, sau khi tháp tùng Thiền sư Ajahn Chah trong một chuyến đi vòng quanh Châu Âu và Hoa Kỳ, đại đức trở về Thái Lan bỏ ra 18 tháng sống hạnh Đầu Đà giữa rừng sâu rồi sau đó quay về chăm sóc Thiền sư Ajahn Chah lúc này đang trở bệnh nặng, đồng thời quán xuyến luôn cả các Phật sự tại chùa Wat Pah Pong.

Năm 1984 đại đức đi Anh quốc để cùng các huynh đệ thành lập Trung Tâm Phật Giáo Amaravati. Đại đức hiện là trụ trì chùa Harnham Vihara và đã từng xuất hiện trên đài truyền hình trong một chương trình có tên là " Cuộc hóa duyên về Newcastle."

Bài viết sau đây là nội dung được phỏng lại của một thời giảng do đại đức Pabhàkara thực hiện vào tháng tám, năm 1984 tại Scotland.





đạo lực giá trị nhưng rồi đôi lúc trong đầu tôi lại chập chờn những câu hỏi: “Liệu người ta có cần đến thái độ đó của mình hay không? Thật ra thiên hạ cần đến một sự tương giao như thế nào?”

Trong những lúc như thế đầu với mấy tự vấn đó, tôi lập tức cố gắng quay lại với chính mình bằng một thái độ buông xả rồi lại tự hỏi: “Cái Tôi từ đâu đến mới được chứ? Mình từ đâu đến đây nhỉ?”

Theo tôi, tính trung thực là một trong những giá trị tinh thần thù diệu nhất mà con người cần thiết phải phát huy, trường dưỡng. Đức tính này cũng là một trong mười hạnh Ba La Mật của Phật Giáo. Cho dầu có tự xét mình theo quan điểm đạo đức hay tôn giáo, chúng ta cũng sẽ thấy rằng một khi ngay trong chính tâm thân mình đã thiếu tính trung thực, chân thực thì bước đi tiếp theo sẽ là việc dối người dối đời. Sự dối lòng thì tinh vi lắm, rất khó phát hiện, nên ta còn có thể tự dung túng nó. Nhưng để dối người thì vấn đề hơi gay go.

Hiệu quả của lòng trung thực kỳ lạ lắm. Những khi sống với nó, tôi tự nhiên thấy mình trở nên khiêm tốn hơn để có thể chịu thua thiệt với bất cứ ai một cách dễ dàng. Nhờ nó, tôi đủ can đảm chấp nhận đời sống dù có phải ra sao. Quý vị hãy nhớ lại đi, nền văn hóa hiện đại thật ra vẫn chưa hề dạy ta cái tinh thần khiêm tốn ngay cả những khi danh từ này được nhắc tới một cách trịnh trọng nhất. Nào có gì đâu, trong một định nghĩa bội bạc nào đó, người ta còn bảo khiêm tốn hay khiêm cung chỉ là cái cử chỉ khom mình thật thấp về cả ý nghĩa sinh lý lẫn từ ngữ. Thậm chí có người còn nói thái độ khiêm tốn, về mặt ngữ nghĩa chỉ là động tác tự gây cho mình cái cảm giác thấp kém và bé mọn hơn. Từ đó, người ta thường cứ thấy ầm ức khi phải tỏ dấu thì lễ, nhún nhường với ai đấy.

Kỳ thật, trong từng cái cúi đầu như vậy, cái Tôi trong chúng ta coi như đã ít nhiều được đè nén nhưng hãy nhớ đây, hãy luôn cảnh giác với chính mình khi cử chỉ khiêm cung đó chỉ còn là một động tác máy móc.

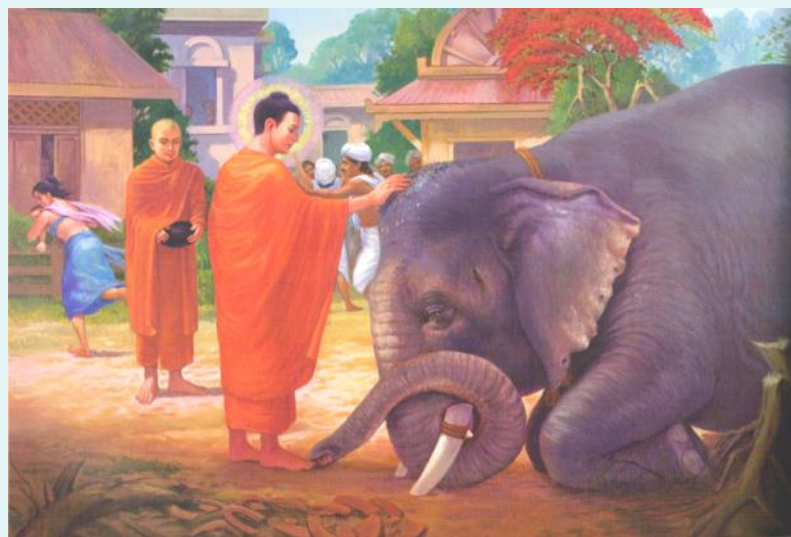
Trong đời sống tu tập của một Phật tử, đức tính khiêm tốn không chỉ là một dấu hiệu văn hóa mà còn là một pháp tu nữa. Bởi cũng chính từ đây, sự tiến bộ của chúng ta được thực hiện

và thể hiện. Tôi biết có người sẽ cho thái độ khiêm tốn là phương hại cho dũng khí nhưng rõ ràng những gì tôi vừa nói trên đây có nghĩa là chúng ta phải nhắm mắt để mặc cho người khác chà đạp. Tôi không hề kêu gọi các vị hãy nằm dài xuống mặt đường cho mọi người dẫm lên để trau dồi được tính khiêm tốn. Điều chúng tôi đề nghị ở đây chính là thái độ tâm lý của mỗi người trong từng cuộc đối diện và phản ứng với đời sống chung quanh. Tâm thân sinh lý này thật ra chẳng nghĩa lý gì đâu, chúng ta nên học cách cúi thấp ngay từ trong tư tưởng, trong từng quan điểm của mình kia!

Hãy thử quan sát điều gì sẽ xảy ra khi ta không có phản ứng đối kháng trước lời công kích của ai đó. Phải nói rằng khi xúc phạm chúng ta, thiên hạ luôn chờ xem một sự trả đũa nào đấy để họ có thể phỉ dạ, hả hê. Nhưng nếu về phía mình chúng ta không có một đối kháng nào để đáp ứng thù tạc lại thì những thị phi kia lúc này coi như bị tung tóe ra ngoài như một quả banh bị đánh vào khoảng không. Tôi nhắc lại, chúng ta không có đối kháng mà chỉ nên bao dung thôi. Và vấn đề không chỉ dừng lại ở tinh thần bao dung, chúng ta còn phải hiểu rõ bằng cách nào mình đã thực hiện được điều đó.

Tôi đã thực tập được điều này trong thời gian còn sống ta bà. Ngoài những lời mỉa mai, phỉ báng còn biết bao thứ phũ phàng khác nữa mà thiên hạ đã trút lên tôi. Chẳng hạn, ngoài cảm giác tâm lý khó chịu dĩ nhiên phải có khi biết người chung quanh chẳng ưa mến gì mình, tôi còn phải chấp nhận cái đỉnh tai nhức óc khi có người muốn đuổi theo sau hoặc muốn sánh bước với mình. Những khi đó tự trong người tôi quả là đang trào dâng một nguồn sinh lực bản năng nào đấy để sẵn sàng bật tung ra cho một đối kháng nhưng cũng may, bao giờ tôi cũng kịp thời giữ mình và tiếp quản lập tức nguồn sinh lực đối kháng ấy. Đúng là chuyện khó tin khi trong lòng cùng lúc tất cả phức tạp tâm sinh lý lại tương quan với nhau một cách nhịp nhàng đến thế. Lúc đó tôi có cảm giác như sức phản ứng của mình được di chuyển khắp vùng lục phủ, bàn tay nắm chặt lại để sẵn sàng hành động nhưng rồi khi nội tâm được dàn xếp, sức





mạnh sinh lý kia trở nên nhẹ nhàng, ngoan ngoãn cho một sự khuất phục. Như vậy có thể nói đây là con đường để tận dụng một cách hữu ích và nhuần nhuyễn mọi tình huống trong đời sống, biến trở lực thành ra pháp tu mà ý nghĩa căn bản của nó nằm trong hai tiếng khiêm cung.

Có thể nói hầu như cuộc đời của tôi đã đi qua với những chỉ số tiêu chuẩn nhất, trong một hình hài cao trên một mét tám và hạng nặng những một trăm ký. Nhưng đối với tôi, mấy con số đó không hề là cái gì cả như bọn thiếu niên dậy thì vẫn mong mỏi có được để tự khẳng định sức vóc và tuổi trẻ của mình. Nhờ biết quên đi, biết coi nhẹ cái mình đang có, nên tôi xem như có thể đứng vững tẩy xóa được cái ám thị "Cơ bắp, phái mạnh, anh hùng" trong chính bản thân. Ngày nào chúng ta còn bị vướng vít với những "tâm vóc, kích thước" thì công phu thiền quán phải nói là cả một vấn đề và cũng có thể nói rằng chính nhờ biết quên đi những ám thị không cần thiết nên tôi đã tìm thấy cái đẹp thật sự trong đời sống phạm hạnh của mình. Khái niệm thẩm mỹ cao khiết này đã vạch ra cho tôi một hướng sống hết sức tuyệt vời, ngay từ những sinh hoạt bình thường nhất. Chẳng hạn ở đây mỗi ngày chúng ta có những nghi thức tôn giáo thoạt xem qua thì rất giản dị như động tác chấp tay và tụng kinh. Cái khó nhất vẫn là động tác chấp tay cúi đầu. Chỉ riêng động tác đó thôi, trên hình thức, thì có gì đâu. Chỉ có điều là chúng ta thực khó mà "*biết chấp tay ngay từ đáy lòng mình.*" Để thực hiện được điều này ta phải tự đối diện với sự tự kháng quyết liệt của nội tâm. Chúng ta thực ra đâu có muốn chấp tay, bởi có biết bao là những quan niệm đối lập lại với động tác khiêm cung xem ra có vẻ quá đáng ấy. Nhưng nói cho cùng thì chúng ta làm những cái gì?

Ngay chính bản thân tôi trong cuộc đời tu học của mình cũng đã nhận ra những rắc rối này từ rất sớm. Nhưng tôi đã may mắn gặp được thiền sư Ajahn Chah, người mà theo tôi là một bậc chân sư khả kính nhất. Tôi đã sụp mình đánh lễ dưới chân Ngài một cách dễ dàng. Ngài không hề bảo tôi làm thế, dĩ nhiên, nhưng tôi đã đánh lễ Ngài vì tự nhiên muốn làm như

vậy. Tôi đã bất chợt nhận ra là tư thế phủ phục đó đẹp quá, thay vì đứng thẳng người lên, nói một câu nào đó thật sáo rỗng mà trong đầu vẫn tồn đọng một cái Tôi to tướng. Tư thế sụp mình dưới đất như vậy đã đem lại cho tôi một cảm giác làm sao ấy, nó như tươi mát cả tim mạch...

Để mọi người có thể cùng chia sẻ với chúng tôi cái cảm nghiệm đó quả là khó khăn. Lớn lên trong nền văn hóa Tây phương, chúng ta thường có khuynh hướng chú trọng đến cái gì thực tế. Khách viếng chùa nhìn thấy những hình thức lễ bái, rất có thể sẽ cho là chúng tôi đã nhồi sọ tín đồ hoặc những nghi thức hạ mình đó còn là một cách lập dị để nuôi lớn một cái Tôi.

Người Tây Phương chỉ có thể xem nghi thức chấp tay gần như là biểu cử của cấp dưới cho nên khó mà thực hiện và càng không thể hiểu được ý nghĩa tuyệt vời của nó. Trong khi đó, đứng trước một cái cúi đầu của một người. Theo tập tục Thái Lan chẳng hạn thì tự nhiên tôi thấy mình phải tự biết khiêm tốn bằng cái gật đầu đáp lại với một sự trân trọng thiết lòng. Cách cúi đầu của người Thái xem ra cũng có ý nghĩa tương đương với cái chấp hai bàn tay (Anjali) của cổ tục Ấn Độ mà người xứ này vẫn gọi là phép chào hỏi cung kính nhất (Namaste). Họ chỉ chấp tay lại thôi nhưng trong động tác ấy ngầm chứa một lời chào "Tôi xin cung đón, cung tiễn hay phủ phục trước bạn." Ở Phương Tây, đặc biệt tại Mỹ bạn chỉ cần đưa tay ra nắm lấy bàn tay người đối diện rồi nói một câu khuôn sáo cho xong "rất hân hạnh" chỉ vậy thôi. Tôi là một người Mỹ nhưng cho tới bây giờ vẫn cứ thấy cách chấp tay chào nhau là một biểu lộ tình cảm đẹp nhất.

Mấy năm trước, lúc còn ở Thái Lan, tôi đã từng sống gần một nữ tu người Tây Tạng, cô biết nói tiếng Anh và cũng là học trò của Ngài Ajahn Chah. Có một buổi chiều phải sang thăm dãy thiền phòng dành cho các nữ thiền sinh, Ngài Ajahn Chah bảo tôi đi theo để thông dịch. Sau thời giảng về thiền như một bài học thêm cho các cô, Ngài thiền sư dành đôi ba phút còn lại để trả lời các câu hỏi. Một ngày trước đó, Ngài Ajahn Chah đã nhìn thấy cô thiền sinh Tây Tạng đi nhiều quanh ngôi chánh điện của chùa rồi chốc chốc lại buông mình trải người xuống đất để đánh lễ theo nghi thức Tây tạng. Chiều nay, trước đám đông các thiền sinh, Ngài đề nghị cô hãy làm lại động tác lễ bái đó cho mọi người cùng được xem. Cô thiền sinh đã vâng lời và lập lại trọn vẹn nghi thức lễ bái đó.

Cô đã giải thích rằng đôi tay trong lúc này mang ý nghĩa như một lễ phẩm của toàn bộ thân-khẩu-ý chính mình. Động tác duỗi tay và xoay vắn quanh người rồi cuối cùng đặt lên đầu là để tượng trưng cho tất cả tấm lòng mình đã trao gửi vào động tác đánh lễ. Sau đó, cô thả mình nằm dài trên nền nhà với hai bàn tay chấp lại để sau đầu, rồi lập lại mọi động tác ban đầu, cô trải mình xuống đất lần thứ nhì và

đôi bàn tay đặt trên đỉnh đầu để kết thúc nghi thức. Chăm chú theo dõi từ đầu đến cuối, Ngài Ajahn Chah đã buông một câu nhận xét: "Đây cũng là một phép tu về hạnh khiêm cung và xả thân!"

Tôi không bao giờ quên được buổi chiều hôm đó với câu nói của Ngài Ajahn Chah. Ngài đã kín đáo nhấn mạnh cái đẹp của một hình thức sinh hoạt tuy có vẻ vật chất nhưng lại chứa đựng trọn vẹn tinh thần xả kỷ vong thân. Bởi nếu có được một cái nhìn chuyên biệt, ta sẽ thấy rằng chỉ cần một vài động tác khiêm hạ cũng đã quá đủ để nói lên tấm lòng chân thành nhất. Tôi nghĩ rằng đến cả những người ích kỷ và tự đại nhất có lẽ cũng không thể phủ nhận điều tôi vừa nói trên đây.

Ngay trong đời sống tu viện, chúng tôi gần như luôn có nhiều cơ hội để tự tìm lấy những bài thực tập về hạnh khiêm cung thông qua từng cái cúi đầu của người khác đối với mình cũng như của mình đối với người khác. Đối với chúng tôi, chỉ riêng có chừng đó cũng gần như một pháp môn để tu học rồi. Vì ít ra đây cũng là biện pháp để chấm dứt rất nhiều thứ cần được chấm dứt và đây cũng là một hạnh tu khá đơn giản bởi ngay cả lúc rảnh rỗi nhất cũng phải nhớ tới. Có khó gì đâu chỉ bỏ ra tí thời gian để tự nhìn lại mình và nuôi dưỡng tâm hồn chỉ bằng từng cái chấp tay hay cúi đầu thôi. Và đối tượng cho thái độ tôn kính đó nào có phải đòi hỏi một thần tượng vĩ đại nào đâu. Chúng tôi chấp tay, cúi đầu và thật đơn sơ hướng về một nhân cách, đức tính, phẩm hạnh nào đó như nhân ái, từ bi và hiểu biết...

Mỗi đêm, trước khi vào giường ngủ, tôi đều cúi đầu trong tinh thần đó đúng sáu lần và trước khi rời giường vào buổi sáng hôm sau tôi cũng lập lại sáu lần động tác đó như một công việc đầu tiên trong ngày. Không chỉ riêng ở đâu hết, kể cả những lần qua đêm ở nhà cư sĩ, tôi vẫn luôn giữ đúng thói quen đó, và sẽ thú vị hơn nữa nếu trên tường của căn phòng không có một đối tượng nào cả, ảnh Phật hay cách ngôn, lúc đó tôi có thể sẽ tự mình làm một buổi kinh cầu ngay trong nội tâm mình bằng những suy tưởng về các phẩm chất tinh thần nào mà mình có thể vận dụng. Tôi nghĩ rằng điều này ai trong số chúng ta ở đây cũng có thể thực hiện được cả.

Việc thực hiện được hay không, những điều tôi vừa nói, dĩ nhiên vẫn là sự lựa chọn của mỗi người. Điều đó chúng ta nếu muốn thì cũng có thể thực hiện bất cứ lúc nào mà, chẳng hạn ngay từ bây giờ. Và bài học coi như bắt đầu từ đây thưa quý vị: khi thấy không ai chào mình thì dù không có phản ứng gì rõ ràng, tôi vẫn cảm thấy một chút buồn đi qua lòng mình và khi bắt gặp được



GIẢM TUYẾT LÊN NON

VIẾNG CỔ NHÂN

*Giảm tuyết lên non viếng cổ nhân
Du phương tiện bước ghé đôi lần
Núi trống chim bay tuyết tích dấu
Lối vắng người biệt biệt tông thân*

*Am tranh thấp thoáng mái trắng tân
Lửa bếp lập lòe khói lam tan
Nghe gọi bạn cười bên khung cửa
Chủ khách dài chuyện đêm vô ngân.*

thơ PHI VŨ

một cái cúi đầu, tôi dĩ nhiên nghe mình dễ chịu hơn. Tôi hiểu được cái khó khăn trong bài học này, nhưng bởi vì quý vị đã thật lòng muốn học hỏi nó thì đây sẽ là một bài học tuyệt vời. Đại khái, bài học về đức tánh khiêm cung đòi hỏi ở chúng ta một sự cố gắng tương xứng như thể một cuộc chiến không hơn không kém.

PABHÀKARA
(Trích: "Họ Đã Nghĩ Như Thế"
GIÁC NGUYỄN dịch)

NHỮNG NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU làm cho THIỀN PHÁI TRÚC LÂM ĐỜI HẬU TRẦN suy yếu

Thích Quảng Tánh

“Sư tử trùng” là một ẩn dụ sinh động và quen thuộc trong văn học Phật giáo. Sư tử là loài mãnh thú, là vua của các loài thú, không một loại dã thú nào có thể uy hiếp và ăn thịt được nó. Tuy nhiên chỉ có những loài vi trùng sống ký sinh trên thân sư tử mới có thể quật ngã được sư tử.

Nói đến Phật giáo đời Trần, ta nghĩ ngay đến thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Bởi lẽ, thiền phái Trúc Lâm có một vị trí và vai trò hết sức đặc biệt trong dòng sinh mệnh Phật giáo lúc bấy giờ. Không chỉ tập hợp, thống nhất các dòng thiền khác về một mối, sự hình thành thiền phái Trúc Lâm còn thể hiện rõ rệt sự lớn mạnh, ý thức độc lập, tự chủ của Phật giáo Việt Nam. Trúc Lâm Yên Tử là một dòng thiền Việt Nam thuần túy, đậm đà bản sắc dân tộc Việt. Mặc dù rất thịnh hành nhưng thiền phái Trúc Lâm chỉ qua hai lần truyền y bát với ba vị Tổ sư lừng danh thì thất truyền. Cứ theo sử liệu thì sau khi Tam tổ Huyền Quang viên tịch, Ngài không truyền y bát lại cho ai cả. Việc làm này của Tam tổ chứng tỏ sau Ngài, không có ai thừa kế ngôi vị Tứ tổ của thiền phái Trúc Lâm, mặc dù sơn môn Hoa Yên vẫn được thế thứ truyền thừa từ An Tâm quốc sư cho đến Vô Phiền đại sư. Sự chấm dứt truyền thừa Tứ tổ không có nghĩa thiền phái này bị chấm dứt nhưng sự kiện này bộc lộ rõ nét sự suy yếu của bản phái. Nguyên nhân suy yếu của thiền phái Trúc Lâm thì có nhiều, theo người viết, có lẽ “Sư tử trùng” là nguyên nhân căn bản và chủ yếu nhất.

“Sư tử trùng” là một ẩn dụ sinh động và quen thuộc trong văn học Phật giáo. Sư tử là loài mãnh thú, là vua của các loài thú, không một loại dã thú nào có thể uy hiếp và ăn thịt được nó. Tuy nhiên chỉ có những loài vi trùng sống ký sinh trên thân sư tử mới có thể quật ngã được sư tử.

Cũng vậy, thực trạng của thiền phái

Trúc Lâm sau Tam tổ Huyền Quang cho thấy, sự suy yếu không phải do thiếu vắng Tăng sĩ, chùa chiền hay các sinh hoạt Phật giáo... mà ngược lại. Số lượng người xuất gia ngày một tăng lên, chùa chiền liên tục được trùng tu xây dựng, các sinh hoạt tín ngưỡng Phật giáo vẫn rầm rộ phát triển. Nhưng các thiền sư đặc đạo, những bậc xuất trần thượng sĩ làm trụ cột, làm người hướng đạo và khai ngộ trong giáo hội Trúc Lâm ngày càng hiếm hoi, trong khi đó những tệ đoan xuất hiện trong Tăng đoàn ngày một nhiều. Điều quan trọng là Phật giáo Trúc Lâm đã đánh mất đi vai trò lãnh đạo trí thức, văn hoá và chính trị, bị đẩy từ thế chủ động sang thế bị động trước sự lấn lướt của Nho giáo.

Trước khi tìm hiểu những nguyên nhân bên trong, tức “Sư tử trùng,” thiết nghĩ không thể không đề cập đến những nguyên nhân bên ngoài, mang tính khách quan góp phần làm suy yếu thiền phái Trúc Lâm nói riêng và Phật giáo đời Hậu Trần nói chung.

Chúng ta ai cũng biết rằng, thiền phái Trúc Lâm được hình thành trong một bối cảnh hết sức đặc biệt. Có lẽ đây là trường hợp độc nhất vô nhị trong lịch sử hình thành các thiền phái ở Việt Nam và thế giới. Chưa có một thiền phái nào mà vị Sơ tổ là một thiền sư, một vị vua với uy danh lừng lẫy, một thái thượng hoàng của hoàng đế đương triều. Do đó, không có gì khó hiểu khi thiền phái Trúc Lâm quy phục một cách dễ dàng các thiền phái khác đồng thời

được triều đình trọng vọng, hầu hết hoàng tộc và quan lại cao cấp của triều đình là môn đồ của Trúc Lâm. Dầu rằng truyền thống Phật giáo không bao giờ dựa dẫm vào các thế lực chính trị để bành trướng nhưng được sự ủng hộ của chính quyền là một trong những thắng duyên, lợi thế lớn của thiền phái Trúc Lâm. Thế nhưng, từ thời Hiến Tông trở về sau,



triều đình nhà Trần bắt đầu suy vi, trước sự công kích và gièm pha của các Nho thần, vua chúa không còn tích cực ủng hộ Phật giáo như trước. Sự kiện vua Hiến Tông và Thuận Tông xuống chiếu hạ lệnh sa thải Tăng Ni là một điển hình. Mất sự ủng hộ của triều đình, giáo hội Trúc Lâm mất đi sự nương tựa quan trọng.



Trúc Lâm Yên Tử vẫn được An Tâm quốc sư kế thừa. Nhưng An Tâm quốc sư không phải là Tứ tổ, do đó, Ngài không thể đảm nhiệm trọng trách lãnh đạo tinh thần của thiền phái Trúc Lâm được. Khi một tổ chức thiếu người lãnh đạo, ta cũng dễ dàng biết được tổ chức ấy sẽ đi về đâu. Đó là nguyên nhân bên trong thứ nhất.

Không chỉ đánh mất sự ủng hộ của triều đình, Phật giáo Trúc Lâm thời hậu Trần còn bị tấn công kịch liệt bởi Nho giáo đang dần chiếm ngôi vị độc tôn. Thời Lý và tiền Trần là thời Tam giáo đồng nguyên. Dẫu Phật giáo gần như là quốc giáo nhưng với sự bao dung rộng lượng của Phật giáo và các vua chúa Phật tử, Nho giáo vẫn được tôn trọng. Nhưng đến khi Nho giáo dành được vị trí độc tôn trên chính trường, chi phối học thuật và tư tưởng xã hội thì các Nho thần bộc lộ sự kỳ thị và hẹp hòi. Với sự phục hưng của Tống Nho tại Trung Quốc, các Nho thần Việt Nam như Lê Quát, Trương Hán Siêu và Phạm Sư Mạnh nỗ lực hướng ngoại, xây dựng đất nước theo xu thế mới, cực lực bài xích phê phán Phật giáo, bởi theo họ, Phật giáo có hại cho sự phát triển của quốc gia. Tuy nhiên, sự chỉ trích và ghét bỏ của Nho giáo không phải là nguyên nhân chính khiến Phật giáo Trúc Lâm suy đồi.

Một nguyên nhân nữa làm suy yếu Đại Việt và Phật giáo Trúc Lâm là cuộc chiến tranh Chiêm - Việt. Cuộc chiến nổ ra đã làm sụp đổ công trình liên kết, hoà bình của Sơ tổ Trúc Lâm. Người có "công" làm nên cuộc chiến đó là các Nho thần Đoàn Nhữ Hài và Đỗ Tử Bình. Chiến tranh, loạn lạc, đói kém và chết chóc đã xảy ra. Để trốn lính, hàng ngàn thanh niên đã cạo đầu, trốn vào chùa chiền. Chính điều này đã làm cho giáo hội Trúc Lâm vốn đã cồng kềnh nay trở nên quá tải. Vì động cơ xuất gia không đúng đắn nên các phần tử này không thiết tha tu học, do vậy những tệ đoan trong cửa Thiền đã liên tục phát sinh. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự suy yếu của thiền phái Trúc Lâm và Phật giáo thời hậu Trần.

Sau khi khảo sát các nguyên nhân khách quan tác động từ bên ngoài, bây giờ chúng ta thử tìm các nguyên nhân xuất phát từ bên trong góp phần làm suy yếu thiền phái Trúc Lâm. Đầu tiên phải kể đến việc không người thừa kế ngôi vị Tứ tổ. Đối với vấn đề này ít nhất hai khả năng có thể xảy ra: Thứ nhất, có thể Tam tổ sợ rằng việc trao truyền y bát có thể dẫn tới sự tranh chấp ở đời sau (như trường hợp Lục tổ Huệ Năng ở Trung Quốc) do đó chỉ truyền tâm mà không truyền y bát. Thứ hai, có thể không có ai triệt ngộ xứng đáng để được trao truyền. Cho dù là nguyên nào, sự thất truyền ấy làm cho thiền phái Trúc Lâm mất đi người lãnh đạo. Dẫu truyền thống thiền

Nguyên nhân thứ hai dẫn đến suy đồi là do "quá thịnh đạt" và đây chính là nguyên nhân chủ yếu chứa đựng "Sư tử trùng." Phật giáo và nhất là thiền phái Trúc Lâm dưới thời Sơ tổ, Nhị tổ và Tam tổ đã đạt đến đỉnh cao của sự thịnh đạt. Sự thịnh đạt đúng nghĩa trên cả hai phương diện vật chất lẫn tinh thần. Về phương diện vật chất, thiền phái Trúc Lâm được triều đình, quan lại và muôn dân tích cực ủng hộ. Về phương diện tinh thần, tâm linh đã có chư vị tổ sư liễu đạo dẫn dắt. Vì vậy, trong thời kỳ này, được xuất gia, làm Tăng là một vinh dự không nhỏ. Chùa chiền được xây dựng ngày một nhiều, người xuất gia ngày một tăng thêm. Đến cuối thế kỷ 14, số lượng Tăng sĩ trong giáo hội Trúc Lâm tăng lên tới mức kỷ lục. Tuy không đến mức "số người cắt tóc làm Tăng Ni nhiều bằng nửa số dân thường" (Nguyễn Dữ, *Truyện Kỳ Man Lục*) nhưng ít nhất số lượng Tăng Ni thời đó khoảng 30.000 vị. Theo *Tam Tổ Thực Lục*, thời Nhị tổ Pháp Loa đã phải giới hạn tổ chức giới đàn, ba năm mới tổ chức một lần và phải loại ra hàng ngàn thí sinh. Vì Tăng sĩ quá đông nên giáo hội không thể kiểm soát được. Mặt khác các thành phần bất hảo trà trộn vào giáo đoàn ngày một nhiều nhằm mục đích tư lợi. Chính các phần tử này là những sâu trùng làm ung nhọt giáo đoàn, nhất là sau khi Tam tổ viên tịch, giáo đoàn thiếu người lãnh đạo thì sự ung nhọt càng ngày càng lớn. Điển hình là thiền sư Đại Than đã chỉ đạo sự động viên, đốc suất, bắt bớ Tăng sĩ, nhất là các Tăng sĩ miền quê không có độ điệp để sung vào quân đội, làm bia đỡ đạn ngoài chiến trường. Tiếp đến là vụ bạo động của nhà sư hiệu Thiên Nhiên, tục danh Phạm Sư Ôn vào năm 1389 chống lại triều đình. Cuộc khởi nghĩa không thành, họ bị đàn áp dã man. Hành động của hai vị này đã vi phạm đến nguyên tắc hiệu sinh của Phật giáo, nếu không phải biểu hiện của sự suy đồi thì thật khó lý giải.

Song song với việc phát triển Tăng sĩ là chùa viện. Thời kỳ này chùa viện được xây dựng rất nhiều. Cố nhiên phải có cơ sở vật chất để tu học và hành đạo nhưng sự thịnh vượng và phát triển quá mức sẽ tổn hại uy tín của giáo hội, hao tổn tài lực của nhân dân. Nho thần Lê Bá Quát đã than phiền dân chúng xây chùa quá nhiều "Hễ chỗ nào có nhà ở thì có chùa Phật. Chùa hư nát thì sửa chữa, lâu dài chuông trống chiếm nửa dân cư." Hoặc cường điệu hơn như Nguyễn Dữ: "Chùa chiền dựng

lên, làng lớn có hơn mười chùa, làng nhỏ cũng chừng năm, sáu, ngoài bao bẫy luỹ, trong sơn sơn thép vàng." Đó là chưa kể những ngôi chùa lớn, trụ sở trung ương của giáo hội Trúc Lâm như Báo Ân, Siêu Loại và Quỳnh Lâm. Riêng chùa Quỳnh Lâm có hơn 1.000 mẫu ruộng và hơn 1.000 người để canh tác. Dĩ nhiên đây là tài sản của giáo hội và lợi tức thu được sẽ dùng vào các Phật sự. Nhưng sự giàu có và sở hữu rất nhiều bất động sản cùng với sự xây dựng, trùng tu quá nguy nga tráng lệ của tự viện đã tác động không tốt đến nếp sống thanh bần, giản dị của chư Tăng đồng thời làm hao tổn tài sản và nhất là không tránh khỏi sự đổ kỵ.

Trong khi đó hai lãnh vực rất quan trọng trong Phật giáo là học thuật và tu chứng lại không phát triển. Sau Huyền Quang, Phật giáo đã đánh mất vai trò lãnh đạo trí thức, văn hoá và chính trị, nhường chỗ cho Nho giáo. Về phương diện tu chứng, những Cao tăng ngộ đạo không thấy xuất hiện, hoặc có thể vẫn còn người chứng đạo nhưng do các ngài lui về sống ẩn dật nên sử liệu không ghi chép được. Mặt khác, càng về cuối nhà Trần, Phật giáo bị nhiều pha tạp. Sự tu tập và hành đạo của chư Tăng thiên trọng về lễ bái, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, mang tính hình thức hướng ngoại, đánh mất sức mạnh nội tâm, vốn là sức mạnh đích thực của Thiền tông nói riêng và của Phật giáo nói chung.

Chính các nhân tố này là nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và Phật giáo thời hậu Trần.

Tóm lại, thiền phái Trúc Lâm và Phật giáo thời hậu Trần theo thời gian suy yếu là một sự thật lịch sử. Chúng ta cũng chẳng mấy ngạc nhiên bởi vì vạn pháp đều bị chi phối bởi thành, trụ, hoại, không. Tuy nhiên, sự kiện thiền phái Trúc Lâm suy yếu với các nguyên nhân như đã trình bày sẽ là một bài học kinh nghiệm quý báu cho sự tồn tại và phát triển của Thiền tông và của Phật giáo Việt Nam nói chung trong hiện tại và mai sau.

Thích Quảng Tánh

The Story of Brahmin

Dhammapada—Verses 216

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (216) of this book, with reference to a brahmin, who was a farmer.

The brahmin lived in Savatthi, and he was a non-Buddhist. But the Buddha knew that the brahmin would attain Sotapatti Fruition in the near future. So the Buddha went to where the brahmin was ploughing his field and talked to him. The brahmin became friendly and was thankful to the Buddha for taking an interest in him and his work in the field. One day, he said to the Buddha, "Samana Gotama, when I have gathered my rice from this field, I will first offer you some before I take it. I will not eat my rice until I have given you some."

However, the Buddha knew beforehand that the brahmin would not have the opportunity to harvest the rice from his field that year, but he kept silent.

Then, on the night before the brahmin was to harvest his rice, there was a heavy downpour of rain which washed away the entire crop of rice. The brahmin was very much distressed, because he would no longer be able to offer any rice to his friend, the Samana Gotama.

The Buddha went to the house of the brahmin and the brahmin talked to him about the great disaster that had befallen him. In reply, the Buddha said, "Brahmin, you do not know the cause of sorrow, but I know. If sorrow and fear arise, they arise because of craving."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 216:

Craving begets sorrow, craving begets fear. For him who is free from craving there is no sorrow; how can there be fear for him?

At the end of the discourse the brahmin attained Sotapatti Fruition.



Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

MÔI TRƯỜNG SỐNG

(*Câu Chuyện Dưới Cờ — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện*)



Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Mọi việc trong cuộc đời nhiều lúc chúng ta nghĩ là “tự nhiên,” “vô duyên cớ” hay “vô lý,” v.v... nhưng thật ra đều có nguyên nhân, đều dính líu với nhau qua những móc xích nhân quả v.v... chỉ là với nhục nhãn, chúng ta không thể nhìn thấy được. Cũng như vấn đề bảo vệ môi trường đâu phải chỉ là vấn đề của hôm nay mà đã là vấn đề của mấy ngàn năm trước... Hôm nay nhóm Áo Lam xin mời ACE đọc một chuyện tiền thân chép từ Tiểu Bộ kinh.

Trân trọng,
BBT

CHUYỆN CON CỌP (Tiền thân Vyaggaha)

Trong khi trú tại tinh xá Kỳ Viên (Jetavana), đức Thế Tôn kể câu chuyện này về Câu-ca-lợi (Kokālika). Lúc ấy, Câu-ca-lợi nói:

– Tôi sẽ đưa Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên cùng đi với tôi.

Vì thế, sau khi rời khỏi nước Câu-ca-lợi, thầy đi đến Kỳ Viên, đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi sau đó đi đến hai Tôn giả và nói:

– Thưa các hiền hữu, dân chúng ở nước Câu-ca-lợi thỉnh các hiền hữu đến. Vậy chúng ta hãy đi đến đó!

– Thưa hiền hữu, hiền hữu hãy đi một mình, chúng tôi không đi. Hai vị trả lời.

Sau lời từ chối này, Câu-ca-lợi ra đi một mình.

Các Tỳ-kheo đang bàn luận việc này trong Chánh pháp đường.

– Thưa các hiền hữu, Câu-ca-lợi không thể sống chung với Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, cũng không thể cùng đi với họ! Thầy ấy không thể sống chung được với những pháp hữu của mình!

Đức Thế Tôn đi vào và hỏi họ đang cùng bàn luận điều gì. Họ bạch sự việc với Ngài. Ngài nói:

– Không chỉ trong đời này như vậy thôi, mà vào đời quá khứ, Câu-ca-lợi cũng không thể sống chung với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, cũng không thể đi cùng với họ.

Nói rồi, Ngài kể câu chuyện tiền thân.

Thuở xưa, thời mà Brahma-datta là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị thần cây sống trong một cánh rừng nhỏ. Cách không xa nơi Ngài sống, có một vị thần cây khác sống trong một khu rừng già. Trong khu rừng ấy, có một con sư tử và một con cọp sống. Vì sợ nó nên không có người nào dám đi đến khu rừng đó để đốn cây, thậm chí không có người nào dám đứng lại nhìn. Sư tử và cọp thường giết các loại thú để ăn thịt, và những gì còn lại sau khi ăn, chúng vứt lại và bỏ đi, làm cho khu rừng đầy mùi xú uế của thịt thối.

Vị thần kia xuẩn ngốc, không biết gì phải trái nên một ngày nọ đã nói với Bồ-tát:

– Này anh bạn, khu rừng này đầy mùi xú uế của thịt thối, tất cả đều do con sư tử và con cọp kia gây ra. Tôi sẽ đuổi cổ nó đi.

Bồ-tát nói:

– Này bạn, chính hai sinh vật này đã bảo vệ trú xứ của chúng ta. Một khi chúng bị đuổi đi, trú xứ của chúng ta sẽ bị tàn phá. Nếu con người không nhìn thấy bóng dáng của sư tử và cọp, họ sẽ đốn hết khu rừng này, biến nó trở thành một nơi hoang tàn, cho đến khi nó hoá thành đồng bãi. Xin đừng làm việc đó!

Và Ngài đọc lên hai bài kệ đầu tiên:

*Mỗi khi ở gần người bạn thân
Bình yên của bạn nguy cơ
mất,*

*Nếu bạn có trí xin bảo vệ
Uy thế của mình như tròng
mắt.*

*Nhưng khi bạn sống gần bạn
thân*

*Được gia tăng thêm sự an
lành,*

*Hãy để bạn mình được yên ổn
Quý bạn giống như là bản
thân.*

Tuy Bồ-tát giải thích vấn đề như vậy, nhưng vị thần cây ngu xuẩn kia vẫn không cần ghi nhận điều đó, mà một ngày kia đã hoá hiện thành một hình dáng kinh dị để sợ để đuổi sư tử và cọp đi. Con người không nhìn thấy dấu chân của hai sinh vật này, đoán

rằng sư tử và cọp đã đi đến một khu rừng khác, nên đã đến đốn hết một bìa rừng. Thấy thế, vị thần cây đi đến Bồ-tát và nói với Ngài:

– Ôi, bạn ơi, tôi không làm theo những gì bạn khuyên mà đã đuổi những sinh vật đó đi. Bây giờ con người thấy chúng đã đi nên đang đốn phá rừng! Phải làm gì bây giờ?

Bồ-tát trả lời rằng, hai con vật đó đã đến sống ở một khu rừng có tên như vậy, thần cây nên đi đến đó đưa chúng về lại. Thần cây này đã làm theo lời khuyên, đi đến đứng trước mặt chúng, cung kính chào hỏi và đọc lên bài kệ thứ ba:

*Cọp hỡi xin trở lại rừng thối
Đừng để rừng kia san thành
đồng*

*Không bạn, riu sẽ hạ rừng
xuống*

*Không rừng, nhà cửa bạn
cũng không.*

Chúng khước từ lời yêu cầu này và nói:

– Ông hãy đi đi! Chúng tôi sẽ không bao giờ đến đó.

Vị thần cây một mình quay trở lại khu rừng. Và con người, sau một vài ngày đã đốn sạch khu rừng, biến nó thành những cánh đồng để cày xới.

Kết thúc pháp thoại này, đức Thế Tôn tuyên thuyết các Thanh đế và nhận diện Tiền thân:

– Thuở đó, Câu-ca-lợi là vị thần cây ngu xuẩn, Xá-lợi-phất là con sư tử, Mục-kiền-liên là con cọp, còn vị thần cây hiền trí (bồ tát) đó chính là ta.





TÂM XÁ

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Nếu thức ăn đưa vào miệng nuôi sống Thân chúng ta thì cảm thọ nuôi sống Tâm—một người không có cảm thọ thì không gọi là sống, vì ngay như một người sống đời sống của thực vật và bị “côma” chẳng hạn, họ vẫn còn cảm thọ, chỉ là chúng ta không thấy mà thôi.

Như chúng ta đã biết, Thọ gồm có 3: Lạc thọ, khổ thọ và Xả thọ. Phàm phu hay bậc Thánh khi bị kim đâm vào ngón tay hay bị đạn bắn vào thân mình cũng biết đau (khổ thọ) nhưng bậc Thánh khác với phàm phu là chư Thánh chỉ đau cái đau của thân còn phàm phu chúng ta đau tới 2 lần cả Thân và Tâm vì chúng ta ngoài cái đau thể xác, chúng ta còn bất mãn, oán giận, thù ghét hay than thân trách phận v.v... về vết thương đó nữa! Phàm phu chúng ta thiếu tâm Xả, một trong 4 vô lượng Tâm (TỪ, BI, HỖ, XÁ). Ví dụ về vết thương trên đây chỉ là 1 phần nhỏ của tâm Xả.

Tâm Xả = Upekkha theo Phạn ngữ gồm 2 từ “upa” và “ikkha” kết hợp lại. Upa là đứng dẫn, chân chính, vô tư. “Ikkha” là trông thấy, nhận định, suy luận. Do đó, Upekkha là trông thấy đứng dẫn, nhận định chân chính hay suy luận vô tư, nghĩa là không kèm theo lòng ưa thích, ghét bỏ hay bất mãn, cũng không tham, không sân.

Upekkha (Xả) không có nghĩa là lạnh lùng, lãnh đạm, bất cần đời, cũng không phải là trạng thái vô ký, không vui không buồn.

Khinh rẻ, phi báng, nguyên rủa... là thói thường của thế gian; cả những người đạo cao đức trọng, trong sạch... cũng có thể bị chỉ trích, chê bai, vu oan v.v... Giữa những cơn giông tố của cuộc đời, người trau dồi tâm Xả luôn giữ tâm bình thản.

Trước 8 ngọn gió làm cho tâm con người dao động, chao đảo: thành-bại, được-mất, khen-chê, hạnh phúc-đau khổ, giữa những thăng trầm của thế sự như thế, đức Phật dạy luôn giữ tâm

thản nhiên bằng cách hành tâm Xả thì sẽ được vững chắc như tảng đá lớn sừng sững giữa trời. Đức Phật dạy (trong “Túc sanh truyện”): **Trong hạnh phúc, trong đau khổ, lúc thăng, lúc trầm, ta phải giữ tâm như đất.**

Cũng như trên đất ta có thể vật bất cứ vật gì, dù chua dù ngọt, dù sạch dù dơ, đất vẫn thản nhiên. Đất không giận cũng không thương.

Thưa Anh Chị Em,

Như chúng ta đã biết, trong lịch sử nhân loại, chưa từng có một vị giáo chủ nào bị đả kích, sỉ nhục, lăng mạ, mưu hại, vu oan v.v... nhiều như đức Phật nhưng đồng thời ngài cũng được ca ngợi, tán dương, tôn kính, ngưỡng mộ và sùng bái nhất. Bao nhiêu vua chúa đã kính cẩn khấu đầu lễ bái dưới chân ngài. Như đất, đức Phật nhận lãnh tất cả với tâm Xả hoàn toàn. Ngài dạy chư vị đệ tử của ngài: **“Vững như voi, mạnh như hổ, ta không nên run sợ trước những tiếng động. Miệng lằn lưỡi rắn không làm cho ta xúc động. Như gió thổi ngang màng lưới mà không bị vướng trong lưới, tuy sông giữa chợ đời, ta không nên say mê luyện ái những lạc thú huyền ảo và vô thường của kiếp nhân sinh. Như hoa sen, từ bùn nhớ nước đục, vượt lên bao nhiêu quyền rũ của thế gian, ta phải sống trong sạch, luôn luôn tinh khiết, an lạc và thanh bình.”**

Như vậy chúng ta thấy rằng kẻ thù trực tiếp của tâm Xả là luyện ái, và kẻ thù gián tiếp của tâm Xả là thái độ lãnh đạm, lạnh lùng và xây dựng lại với cuộc đời (“sống chết mặc bây”). Tâm Xả cũng lánh xa tham ái và bất mãn. Tại sao? — Xin thưa, vì đặc tính chính yếu của tâm Xả là thái độ thản nhiên, vô tư và an tĩnh. Người thực hành tâm Xả không bị lạc thú trần gian quyền rũ, không đắm say trong hạnh phúc

(cũng có nghĩa là “lánh xa tham ái”), cũng không bị những điều bất như ý làm bức tức, bất mãn, phiền não trong khổ đau v.v... Người có tâm Xả không phân biệt đối xử với người thiện hay bất thiện, không phân biệt đối xử với phàm nhân hay thánh nhân; họ đối xử bình đẳng với tất cả mọi người vì tâm Xả phủ khắp những gì tốt đẹp và những gì xấu xa, những gì khả ái và những gì khả ố, những điều thích thú, vừa ý cũng như những điều nghịch lòng, trái ý.

Thực hành tâm Xả đưa chúng ta đi trên con đường của bậc Thánh, ai muốn trở thành thánh nhân trong hiện kiếp, sẽ nỗ lực trau dồi 4 đức tính cao thượng TỪ, BI, HỖ, XÁ, trong đó khó nhất là rèn luyện tâm XẢ.

Thân kính chúc ACE chúng ta luôn tinh tấn trau dồi đức hạnh để một ngày nào đó sẽ có thể tỏa ngát hương thơm Sen Trắng.

Trân trọng,
BBT





TÂM NHẪN

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Tâm lý con người dù xưa hay nay, dù Đông hay Tây, dù Tăng hay tục cũng đều không khác; đó là lý do chúng ta học và hành những lời Phật dạy, dù những lời đó đã cách đây mấy ngàn năm. Phật giáo nói riêng, các tôn giáo nói chung, dù trong hệ thống nào thì vẫn là những tổ chức do con người đặt ra, mà con người thì muôn đời vẫn là con người (chưa phải Thánh) nên không thể nào tránh khỏi những vấn đề của con người: ganh tị, ngã mạn, nói xấu, chia rẽ, thóa mạ, v.v...

Anh Chị Em chúng ta đã và đang chịu đựng những lời qua tiếng lại, lời chê tiếng bai, nhưng chúng ta vẫn dặn nhau nhẫn nhục cho dù những lời thóa mạ đến từ những người "trời ơi đất hỡi," những người không biết gì hết, những người chưa từng cống hiến cho tổ chức GDPT, cho Giáo hội, cho Phật giáo... một chút xíu gì cả. Tại sao? — Xin thưa, vì những lời của tôn giả Xá Lợi Phất dạy La Hầu La như vẫn còn đâu đây: **"Người không biết nhẫn sẽ không tiếp thọ được Phật Pháp, giận đời, oán người là trái với Pháp, xa chư Tăng, thường luân hồi trong đường ác. Hạnh nhẫn nhục mới là hạnh an ổn, mới có thể tiêu trừ tai nạn. Người có trí tuệ thấy được nhân quả sâu xa, khắc phục tâm sân hận, thường hành nhẫn nhục. Tinh thần của Phật Pháp, chân nghĩa của Phật Pháp không giống như lời nhìn của người đời. Cái gì thế gian cho là quý thì Phật Pháp cho là hạ tiện; những gì Phật Pháp cho là tốt thì người đời không chịu làm theo! Trung không ưa nịnh, tà chẳng thích chánh, ác không thích đi chung với thiện, người tham dục thì ghét người vô dục, v.v...** Trong tình cảnh ấy, người tu chỉ có việc nhẫn nhục vì nhẫn là duy-ên trợ đạo tốt nhất; nhẫn như thuyền bè trên sông biển, có thể vượt qua mọi sóng gió; nhẫn là thuốc hay trị bệnh cứu mạng con người khi lâm nguy.

Người có đức nhẫn nhục được trời người kính ngưỡng, là vì tâm đã đủ sức để tự an ổn."

Ngày xưa cậu bé La Hầu La— một thiếu niên mới 15 tuổi, đi khất thực cùng với sư phụ là tôn giả Xá Lợi Phất, bị kẻ côn đồ vô cơ chưởi bới, hành hung đến nỗi phải lổ đầu chảy máu. La Hầu La nghe lời khai thị của sư phụ, lẳng lặng đến bên một ao nước, soi mặt xuống lau chùi và băng bó vết thương. Trong lúc tuổi trẻ máu nóng lại có thể nhẫn nhục như một vị Thánh, La Hầu La đã khiến cho sư phụ cũng được an tâm và tự hào về người đệ tử của mình.

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Chúng ta cũng là đệ tử Phật, cần phải noi gương cậu bé này, cần phải có tinh thần nhẫn nhục, trong tâm không chứa niềm sân hận; lúc vinh dự đừng sinh lòng tự mãn, khi bị lăng nhục cũng đừng oán hận; đó chính là chúng ta đã điều phục được tâm giận dữ. Trên thế gian này không có gì sánh bằng người có sức nhẫn nhục mẽ; đức Phật cũng dạy rằng: trong cõi trời và cõi người, dù sức mạnh đến đâu cũng không hơn nhẫn nhục.

Mọi chuyện trong thế gian nếu có rắc rối, hiểu lầm, nói xấu, thóa mạ v.v... cũng do lòng ganh ghét, đố kỵ mà ra. Lúc đầu chỉ là một đốm lửa nhỏ nhưng vì mê muội, tạo nhiều sơ hở để cho thiên hạ đổ thêm dầu vào gây ra đám cháy lớn, người trong cuộc mất mát tài sản người ngoài cuộc sau khi đổ thêm dầu "thành công" thì vỗ tay cười! Cái vui cái buồn của thế gian thật là nhỏ nhen, bần tiện, phải không, thưa các Bạn? Như thế nên chúng ta cần đề cao, cảnh giác nghĩa là luôn tỉnh thức để nhận định, nói năng hay im lặng cho đúng, cho hợp tình hợp lý và nhất là cho đúng với tinh thần Phật Pháp.

Thân kính chúc ACE năm chắc tinh thần nhẫn nhục và ghi nhớ lời dạy của tôn giả Xá Lợi Phất nói với cậu thiếu niên La Hầu La để làm kim chỉ nam cho việc ứng xử trong giai đoạn nhiễu nhương này.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam



HOÀI HƯƠNG

*Ai về ghé bến La Vân,
Cho tôi nhắn gởi đôi vần nhớ thương.
Chân trời tung cánh muôn phương,
Nhớ về quê cũ giọt buồn mênh mang.*

thơ

HOÀNG THỤY DZUNG

(Dallas - Mạnh đông Át dậu – 2015)

Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



TƯ TÌNH

Tờ báo lá cải dựng chuyện thầy tư tình với nữ thí chủ. Bọn quá khích, người cả tin kéo đến trước chùa quây đòi thầy phải ra đi. Đờ chúng giận bảo thầy thưa họ ra tòa. Thầy gạt đi:

- Các con không cần làm gì cả, bong bóng hết hơi nó tự xì thôi! Và lại theo luật nhân quả có lẽ quá khứ ta đã gây rắc rối với họ nên giờ họ đến tìm ta.

Tuần sau truyền thông đến chùa xin phỏng vấn họ đặt câu hỏi:

- Thầy nghĩ sao khi tờ báo bảo thầy có tư tình?

Thầy cười:

- Tình chung cho cả chúng sanh chưa xong lấy đâu ra tình tư!

XÙ XÌ

Giận mẹ, nó bỏ nhà đi hoang rồi đến tá túc nhà bạn. Thấy bạn được mẹ cưng chiều nên tủi thân:

- Cậu thật may mắn, có được người mẹ yêu thương. Mẹ tôi chỉ toàn la mắng, chửi rủa.

Người bạn lại là tay biết chuyện, khuyên:

- Cậu xem trái mít kia, da nó xù xì mà trong ruột thơm ngọt biết bao. Mẹ của cậu vì nhọc nhằn mưu sinh, chớ đời khiến bà phải xù xì nhưng bà ấy thương cậu lắm.

Nói rồi chờ giúp bạn về nhà. Thấy con bà hốt hải chạy ra:

- Mẹ chạy khắp nơi tìm con mà không thấy!

Nó thấy mắt cay cay vì hối hận.

HÍ LỘNG KHẢ PHONG

Thấy người làng Tân Hương ngán ngẩm ba cái trò giả gái của mình, anh hề bèn

mò lên kinh kiếm ăn, nào ngờ ở đây quan-dân-sĩ-thứ đón anh ta như thần hoàng. Danh tiếng nổ như cồn, anh hề càng bạo mồn quây tưng luôn. Triều đình hay tin bèn sắc cho anh tẩm biển: "Hí lộng khả phong." Anh hề lên ti vi tạ ơn:

- Đờ ơn triều đình, tôi chỉ hí lộng xoàng thôi mà được vinh dự này. Các quan mới thật sự hí lộng hơn tôi nhiều.

Đồng nghiệp anh ta có người buột miệng:

- Tiền hí lộng một đêm đủ mua mấy cái sắc phong này, rẻ chán!

HẬU KHỔ

Cậu ta ở thành đô đã nhiều năm trời mà vẫn chưa nhập hộ khẩu được. Các quan cứ đá lên quận xuống phường chẳng ai chịu giải quyết. Cuối cùng sau nhiều vất vả và thủ tục "đầu tiên" cậu cũng có được hộ khẩu. Cậu than vãn với bạn bè:

- Trầy vì tróc vảy lắm mới được cái hộ khẩu!

Họ cười bảo:

- Hộ khẩu xong còn hậu khổ nữa chưa hề đâu! Cái nền hành chánh này vốn hành là chánh mà.

ĐỨNG BÊN NÀY TRÔNG BÊN NÓ

Anh hiền lành chăm chỉ làm ăn, khổ nỗi lương lậu thấp quá, cuộc sống eo sèo. Chị vợ ca cẩm:

- Chồng người ta làm ông nọ bà kia, tiền bạc như nước. Vợ con sung sướng vô cùng.

Bởi vậy hai người cự cãi hoài. Một hôm cô bạn học cũ đến chơi tí tê tâm sự:

- Chị vậy mà hạnh phúc, tuy nghèo nhưng vợ chồng sum họp đầm ấm, ngày tháng bên nhau. Chồng tôi là đại gia quanh năm cặp bồ, làm ăn bên ngoài... chẳng mấy khi về nhà, đã vậy cậy tiền coi em như hầu gái. Em ước gì nghèo mà được yêu thương như chị!

Bắt giác chị liếc sang chồng rồi thở dài.

DÂY XÍCH VÀNG

Theo đoàn xiếc lang bạt kỳ hồ từ bờ Đông sang bờ Tây, rày đây mai đó; đem niềm vui đến mọi người từ chốn thành đô cho chí thôn quê. Người yêu chịu không nổi bỏ đi. Gia đình, bạn bè khuyên và mai mối cho những đám ngon lành. Chàng cảm ơn họ và khước từ:

- Dây xích vàng vẫn là dây xích. Sao bằng cuộc sống tự do rong ruổi tháng ngày, mang niềm vui đến cho người ấy cũng là hạnh phúc!

GENE HAY NGHIỆP

Nhà nọ có hai con song sanh nhưng đứa lớn thì đẹp trai, thông minh; đứa nhỏ thì quắt queo lại trì độn. Người làng lấy làm thắc mắc bèn đem hỏi một vị giáo sư. Ông ấy bảo tại cái "gene." Người làng cãi:

- Thế tại sao anh thì cái gene tốt còn em thì cái gene xấu?

Ông ấy không trả lời được. Lúc ấy có vị du sĩ qua làng, người làng hỏi thì vị du sĩ bảo:

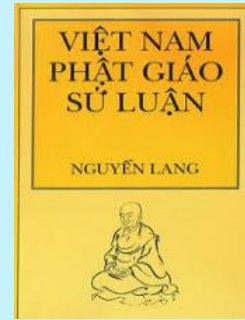
- Tại cái nghiệp khác nhau nhưng vì có nhơn duyên nên sanh làm anh em!

Atlanta, March 2016

TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ

(Chương XI, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP I)

Nguyễn Lang



(tiếp theo kỳ trước)

ĐẬP VỠ THÁI ĐỘ BÁM VÍU VÀO KHÁI NIỆM

Trong lúc giáo hóa môn đệ, Tuệ Trung đã sử dụng những đòn mãnh liệt nhằm giải phóng người đối thoại khỏi những ngục tù của khái niệm về giáo lý tìm thấy trong kinh điển và trong các lời dạy của các vị cổ đức. Phương pháp của Tuệ Trung thường làm cho người đối thoại cảm thấy hoàn toàn lạc hướng và do đó mà thoát ly khỏi ngục tù của khái niệm. Đây ta thử nghe một vài đối thoại:

Một vị tăng hỏi: Thế nào là pháp thân trong sạch?

Tuệ Trung:

Ra vào đồng phân ngựa

Nghiên tâm vũng nước trâu

Vị tăng; Làm sao mà chúng nhập được?

Tuệ Trung: Bỏ được những khái niệm về dơ bẩn thì tự khắc đó chính là pháp thân trong sạch. Hãy nghe bài kệ sau đây:

Dơ, sạch là tên sông

Xưa nay chưa hề có

Pháp thân không giới hạn

Có dơ sạch bao giờ?

(Bản lai vô cấu tịnh)

Cấu tịnh tổng hư danh

Pháp thân vô quái ngại

Hà trợ phục hà thanh?)

Trong trường hợp trên người đối thoại đã bị ám ảnh bởi khái niệm "pháp thân thanh tịnh" (pháp thân trong sạch). Tuệ Trung đã dùng những hình ảnh phân ngựa và vũng nước trâu để giải độc và đưa người đối thoại đi tới pháp thân như một thực tại vượt mọi khái niệm trong đó có khái niệm thanh tịnh và khái niệm ô nhiễm.

Ai cũng biết trong kinh Bát Nhã, mệnh đề "sắc tức thị không, không tức thị sắc" là mẫu chốt. Vấn đề là thâm nhập thực tại vốn siêu việt các ý niệm sắc (hình chất) và không (trống rỗng) chứ không phải là giải thích được một công thức sắc = không. Người đối thoại của Tuệ Trung đã đi tìm một công thức hơn là đi tìm một thực sự chứng nhập. Ông ta hỏi:

- Trong kinh có câu "sắc tức thị không, không tức thị sắc", ý là thế nào?

Tuệ Trung không trả lời. Một lát sau, ông nhìn người kia, hỏi:

- Ông có hiểu không?

Người kia:

- Không hiểu.

Tuệ Trung:

- Ông có sắc thân (hình thể) không?

Người kia:

- Có

Tuệ trung:

- Vậy thì làm sao nói sắc là không?

Lại hỏi:

- Ông có thấy cái không (sự trống rỗng) có hình thể (sắc) không?

Người kia:

- Không thấy.

Tuệ Trung:

- Vậy thì sao nói không là sắc?

Người kia:

- Như vậy thì rốt cuộc như thế nào?

Tuệ Trung:

Sắc chẳng phải không

Không chẳng phải sắc.

Vị tăng lễ tạ.

Tuệ Trung gọi lại và đọc cho nghe bài kệ sau đây:

"Sắc tức thị không, không tức thị sắc"

Chư Phật ba đời tạm thời bày đặt

Không chẳng phải sắc, sắc chẳng phải không:

Thế tính sáng trong, không hề còn mất.

(Sắc tức thị không không tức thị sắc

Tam thế Như Lai phương tiện lực

Không bốn vô sắc sắc vô không:

Thế tính minh minh phi thất đắc).

và hét một tiếng."

Tuệ Trung, trong cuộc đối thoại này, đã nói ngược lại điều trong kinh nói, nói ngược một điều mà ai cũng biết là cốt tủy của kinh giáo. Kinh nói: "sắc là không, không là sắc" thì Tuệ Trung nói "sắc chẳng phải không, không chẳng phải sắc". Người đối thoại hoặc có thể cho ông lạc ra ngoài đạo, hoặc là kẻ vô cùng ngạo mạn, hoặc là một người điên. Ở đây, có lẽ uy tín tinh thần của Tuệ Trung lớn quá cho nên khi nghi Tuệ Trung lật ngược lời kinh, người đối thoại của ông chỉ biết cúi đầu vâng lời. Tuệ Trung biết là người kia chưa hiểu nên mới gọi lại đọc cho một bài kệ. Bài kệ đó có tác dụng giải thích mà không có tác dụng đập phá khơi mở như lời tuyên bố trước đó. Chính Trần Nhân Tông cũng đã nhận của Tuệ Trung một bài kệ thuộc loại đập phá khơi mở này, bài kệ có thể làm sững sốt hết những người mới tập tễnh vào thiền đạo:

Trì giới và nhân nhục

Thêm tội chẳng được phước

Muốn siêu việt tội phúc

Đứng trì giới nhận nhục.

(Trì giới kiêm nhận nhục

Chiêu tội bắt chiêu phúc

Dục tri vô tội phúc
Phi tri giới nhân nhục).

Trong thiên giới có nhiều người bắt đầu bằng sự tham cứu về một khái niệm về thực tại, trong khi vấn đề là sống với chính thực tại. Có một vị sư hỏi Tuệ Trung:

- Thế nào là đạo?

Tuệ Trung:

- Đạo không dính gì tới câu hỏi

Câu hỏi không dính gì tới đạo

Lại hỏi:

- Các vị đại đức ngày xưa nói "vô tâm tức là đạo". Có phải vậy chăng?

Tuệ Trung:

- Vô tâm chẳng phải đạo
Vô tâm là vô đạo.

Lại nói:

- Nếu nói vô tâm là đạo thì tất cả mọi loài thảo mộc kia đều là đạo cả hay sao? Nếu nói vô tâm không phải là đạo thì cần gì nói tới chuyện là và không là làm gì?

Hãy nghe bài kệ sau đây:

Vô tâm là vô đạo

Đạo không thể vô tâm

Tâm, đạo đều mất dấu

Biết đâu mà truy tìm?

(Bốn vô tâm vô đạo

Hữu đạo bất vô tâm

Tâm đạo nguyên hư tịch

Hà xứ cánh truy tìm?)

Vị tăng bỗng lãnh hội ý chỉ, làm lễ mà lui ra.

Khái niệm "đạo" sau câu nói của Tuệ Trung, biến thành khái niệm "vô tâm", bởi vì người xưa thường nói "đạo là vô tâm", có nghĩa rằng đạo không thể khái niệm. Chính Tuệ Trung đã muốn nói rằng những câu hỏi, những câu trả lời và những câu trả lời đều không dính líu tới đạo; đạo phải được thực chứng bằng thiền định, bằng nếp sống giới-định-tuệ. Nhưng người đối thoại đã bằng lòng đánh đổi một khái niệm (đạo) để lấy một khái niệm khác (vô tâm). Dĩ nhiên là Tuệ Trung phải đã phá triệt để, ông nói ngược lại điều mọi vị cổ đức nói: vô tâm không phải là đạo. Ông đã nói đúng, bởi vì vô tâm là một khái niệm thì nó không phải là vô tâm nữa, do đó không phải

là đạo. Tuy nhiên, sau khi đưa ra lời tuyên bố kinh thiên động địa, Tuệ Trung đã ôn tồn giải thích bằng một bài kệ. Ông thật sự có lòng từ bi, và tuy ông dùng biện pháp mạnh, ít khi ông sử dụng đến chiếc gậy của phái Lâm Tế mà ông đã được tiếp nhận truyền thừa. Nhân Tông đã nhận xét đúng khi nói về khả năng diu dắt người sơ cơ của Tuệ Trung vậy.



ĐÁP PHÁ QUAN NIỆM LƯƠNG NGUYÊN

Phương pháp của Tuệ Trung không phải chỉ là phá đổ khái niệm. Tuệ Trung còn mời người đối thoại đi thẳng vào thế giới thực chứng bằng cách tháo tung mọi bức tường phân biệt vây quanh: đó là những bức tường mê ngộ và phàm thánh. Đây quả thực là phương pháp đốn ngộ của đại thừa: nó hiển dâng cho người có thượng căn thượng trí cơ hội giác ngộ đột ngột khỏi căn trái qua trung gian của hàng chục năm tham khảo.

Khi đặt ra vấn đề giải thoát, người ta đã dựng lên một ranh giới ngăn cách giữa triền phược và giải thoát, giữa mê và ngộ, giữa sinh tử và niết bàn, giữa phàm và thánh, và như thế, đã chấp nhận một quan niệm lương nguyên về tình trạng thực tại. Nếu ta nhận thấy rằng ta đang ở bên phía của triền

phược, của mê, của sinh tử, của phàm, thì tất nhiên ta có khuynh hướng từ bỏ vị trí của ta để tìm sang vị trí của giải thoát, của ngộ, của niết bàn, của thánh; và đối tượng tìm kiếm của ta tức khắc trở thành một vật đứng ngoài ta, do đó ta mới phải đi tìm:

Tuệ Trung nói rằng ranh giới phân biệt là nguồn gốc của mọi sự ràng buộc, mê lầm: nó là giây buộc ta trong sinh tử và khiến ta mãi mãi là kẻ phàm nhân. Tên gọi của sự phân biệt ấy là "nhị kiến", tức là nhận thức lưỡng nguyên về thực tại ông nói:

Thân từ vô tướng, vốn là không

Huyền hóa phân ra thành "nhị kiến"

Ta, người như móc cũng như sương

Phàm, thánh như sấm cũng như chớp..

(Lược)

Mày ngang mũi dọc đều như nhau

Phật cùng chúng sinh không ai khác

Ai là phàm chử, ai là thánh?

Muôn kiếp sừ tầm mất căn tính

Không tâm không thị cũng không phi

Không kiến, chẳng tà cũng chẳng chính.

(Thân tòng vô tướng bản lai không

Huyền hóa phân sai thành "nhị kiến"

Ngã nhân tự lộ diệc tự sương

Phàm thánh như lôi diệc như điện...

(Lược)

Mi mao tiêm hoành tị khổng thù

Phật dữ chúng sinh đô nhất diênư

Thục thị phàm hễ thục thị thánh

Quảng kiếp sừ tầm một căn tính

Phi tâm vô thị diệc vô phi

Vô kiến, phi tà giả phi chính...)

Nếu ta phân tích dòng tư tưởng của Tuệ Trung, ta sẽ thấy ông đi từ nguyên tắc vô tướng để đạt tới sự phá đổ quan niệm nhị kiến. Vô tướng ở

đây là không có một hình thái quyết định, một bản chất độc lập, một đồng nhất tính có thể xác nhận được. Thân là một thể hợp của nhiều nhân duyên (điều kiện) và có liên hệ mật thiết tới những hiện tượng kia không có thì nó cũng không có. Vậy vô tướng đây tức là vô ngã, "vốn là không" như Tuệ Trung nói. Vì tồn tại trên liên hệ nhân quả chẳng chịt như thể nên khó có thể phân biệt được ranh giới giữa tự và tha, giữa phàm và thánh: tự, tha, phàm, thánh vốn hiện hữu trong ý niệm nhiều hơn nơi thực tại. Nếu không có khái niệm thì sẽ không có thị phui, không có chính tà.

*Không tâm, không thì cũng không phi
Không kiến, chẳng tà cũng chẳng chính.*

Chữ tâm và chữ kiến trong hai câu trên đều có nghĩa là nhận thức khái niệm và phân biệt sai lầm.

Long Thọ (Nagarjuna) ở Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ hai đã phân tích và lý luận trên nguyên tắc nhân duyên sinh thực tại vượt ra ngoài những phạm trù sinh, diệt, thường, đoạn, đến, đi, nhất nguyên và đa nguyên (Trung Quán Luận). Ông kết luận rằng những phạm trù kia chỉ là những tạo tác của khái niệm nhận thức - Đem ra ngoài mà phân tích thì chúng không phù hợp với thực tại. Ví dụ về sinh và diệt: trên thực tế không có gì có thể từ không mà trở thành có, không có gì đang có mà trở thành không; bởi vì mọi hiện tượng tồn tại trên đà chuyển biến và trở thành. Cái trứng gà là sự tiếp tục của con gà, cái trứng gà không sinh. Nó đã tiềm tại trong con gà cho nên nó mới có thể hình thành từ con gà. Một cái bàn không thể sinh ra trứng. Bởi vì trứng không tiềm tàng trong cái bàn, nó không là sự tiếp nối trở thành của cái bàn. Đã không thực sự có sinh thì không thực sự có diệt. Thế giới nhìn qua nhận thức sinh diệt là thế giới phân biệt "nhị kiến" mà không phải là thế giới thực tại trong đó vạn pháp

tồn tại trong một tương quan hòa điệu vi mật mà không thể cắt xén bằng khái niệm. Thế giới bất sinh, bất diệt, bất thường, bất đoạn, không tới, không đi, không nhất nguyên và không đa nguyên ấy là niết bàn, là giải thoát, là giác ngộ là cảnh giới của thánh trí. Người học đạo phải đặt thân và sự sống mình trong thế giới "nhị kiến" thì trọn đời bị giam hãm; suốt đời chạy theo một đối tượng gọi là giải thoát, bồ đề, chứng ngộ mà không bao giờ đạt được. Thái độ tìm đạo trên căn bản "nhị kiến" này, tuệ trung gọi là thái độ bỏ bột mà tìm bánh (tự mịch man đầu nhi khí miễn). Bỏ bột thì làm sao có bánh, cũng như bỏ mê thì không có ngộ, bỏ phàm thì không có thánh, bỏ phiền não thì không có bồ đề. Thái độ khôn ngoan nhất là thái độ không đuối bắt một đối tượng ngoài tự thân. Đây là bài kệ Mê Ngộ Không Khác Nhau trong đó Tuệ Trung nói lên ý ấy:

*Khi mê thấy không sắc
Khi ngộ hết sắc, không
Sắc, không và mê ngộ
Xưa nay một lẽ đồng
Vọng niệm tam đồ hiện
Chân thông ngũ nhãn thông
Tâm niết bàn tĩnh lặng
Biển sinh tử ngàn trùng
Không sinh cũng không diệt
Không thủy cũng không chung*

*Thực tại lộ hình dung.
(Mê khứ sinh không sắc
Ngộ lai vô sắc không
Sắc không mê ngộ giả
Nhất lý cổ kim đồng
Vọng khởi tam đồ khứ
Chân thông ngũ nhãn thông
Niết bàn tâm tịch tịch
Sinh tử hải trùng trùng
Bất sinh hoàn bất diệt
Vô thủy diệt vô chung
Đãn năng vọng nhị kiến
Pháp giới tận bao dung).*



PHÁ VỠ NHỮNG VẤN ĐỀ GIẢ TẠO

Phá vỡ vấn đề mà ta tự đặt cho mình kể cả vấn đề sinh tử mà đạo Phật gọi là vấn đề lớn (sinh tử sự đại), đều là những vấn đề giả tạo. mình tự đặt ra để ràng buộc lấy mình. Những vấn đề này đều được đặt ra trên căn bản nhận thức "nhị kiến". Hồi Nhân Tông hỏi Tuệ Trung tội báo có thể gây ra do sự ăn thịt uống rượu. Tuệ Trung đã nói rằng vấn đề không phải là vấn đề chọn lựa giữa tội và phúc mà là vấn đề siêu việt cả tội lẫn phúc:

*Trì giới và nhẫn nhục
Thêm tội chẳng thêm phúc
Muốn siêu việt tội phúc
Đừng trì giới nhẫn nhục.*

Ai cũng thấy rõ ràng không phải Tuệ Trung khuyên người ta đừng nên trì giới và nhẫn nhục. Trì giới và nhẫn nhục, đứng trên phương diện luân lý đạo đức là chuyện phải làm. Nhưng đứng trên phương diện giải thoát tà kiến, uốn đạt được thực sự siêu việt mê ngộ và siêu việt phàm thánh thì quan niệm phân biệt "tội-phúc", "trì giới-phá giới", "nhẫn nhục-sân nhuế" là một trở lực lớn. Trì giới nhẫn nhục mà không kết vào ý niệm mình đang trì giới nhẫn nhục, đây mới là điều Tuệ Trung nhắm tới: trên bình diện giải thoát, điều này mới tránh khỏi việc "thêm tội chẳng thêm phúc". Tuệ Trung nói rất rõ về tính cách vô phân biệt "nhị kiến" nó khiến cho ta đặt dra những vấn đề hư ngụy khiến ta mất đi cơ hội giác ngộ:

*Như người leo lên cây
Đang yên tự chuốc nguy
Nếu đừng leo cây nữa
Trăng gió làm được gì?*

Hình ảnh "nhị kiến" là hình ảnh một đứa bé ngồi trong phòng một mình ban đêm thấy bóng mình chiếu lên tường và tưởng đó là một ông ba bị đến dọa mình, dậm ra sợ hãi và chạy trốn quanh phòng, nhưng chạy đến đâu cũng bị chiếc bóng của mình theo đuổi. Nỗi khổ của đứa trẻ là do chính nó tự tạo ra vì cái nhìn "nhị kiến" của nó.

Vấn đề sinh tử, một vấn đề

thường được đề cập đến trong đạo Phật như là vấn đề chính của kiếp người. Tuệ Trung nói đây cũng là một vấn đề nguy tạo sinh và tử, trong nhận thức ta là những thực thể chống đối nhau tuyệt đối; nhưng sinh và tử trong thực tại liên hệ nhau mật thiết đến nỗi ngoài sinh không có tử và ngoài tử không có sinh: ông gọi sinh và tử là những chuyện giả tạo: sinh là sinh giả tạo (vọng sinh), tử cũng là tử giả tạo (vọng tử):

*Khi tâm sinh chử, sinh tử sinh
Khi tâm diệt chử, sinh tử diệt
Sinh tử xưa nay tính vốn không
Thân huyền hóa này cũng sẽ diệt.
Phiền não bồ đề cũng tiêu vong
Địa ngục thiên đường tự khô kiệt.
Nước sôi lửa cháy mát mẻ ngay
Núi kiếm rừng đao giã đổ hết
Thanh văn ngộ thiên ta không ngộ
Ta nói thực tại, không nói pháp.
Sinh là vọng sinh, tử vọng tử
Tứ đại vốn không, thiếu chỗ tựa
Chớ như hươu khát đuổi bóng nước
Chạy khắp Tây Đông không ngừng nghỉ
Pháp thân không tới cũng không đi
Chân tính không phi cũng không thị
Đến nhà, còn hỏi đường là chi?
Thấy trăng, thôi khỏi cần tay chỉ
Sợ hãi tử sinh là người mê
Đạt ngộ ung dung là kẻ trí.
(Tâm chi sinh hề, sinh tử sinh,
Tâm chi diệt hề, sinh tử diệt.
Sinh tử nguyên lai tự tính không
Thử huyền hóa thân diệt đương diệt
Phiền não, bồ đề ám tiêu ma
Địa ngục thiên đường tự khô kiệt
Hoạch thang lô thán đồn thanh lương
Kiếm thụ đao sơn lập tồi chiết
Thanh văn tọa thiền ngã vô tọa
Bồ tát thuyết pháp ngã thực thụ yết
Sinh tự vọng sinh, tử vọng tử
Tứ đại bốn không tòng hà khởi
Mạc vi khát lộ sẵn dương diệm
Đông tẩu Tây trì vô tạm dĩ
Pháp thân vô khứ diệt vô lai
Chân tính vô phi diệt vô thị
Đáo gia tu trí bãi vẫn trình
Kiến nguyệt an năng khổ tâm chi*

Ngu nhân điên đảo bố sinh tử
Trí giả đạt quan nhàn nhi dĩ).

Chữ tâm dùng trong hai câu đầu của bài kệ cũng có nghĩa là nhận thức "nhị kiến". Bài kệ trên đây rất có tính cách tiêu biểu cho tư tưởng thiền của Tuệ Trung. Ông nói ông không ngồi thiền như Thanh Văn, không nói pháp như Bồ tát: sống được đời sống như hằng ngày trong thiền thì cần gì phải ngồi, nói pháp đâu có quan trọng bằng nói về sự sống thực tại. Khi đã thực sự sống trong đời sống thực tại giải thoát thì những cặp chống đối nhau như "sinh tử - niết bàn", "phiền não - bồ đề", "địa ngục - thiên đường"... không còn tồn tại nữa, bởi vì cái nhìn "nhị kiến" đã bị phá bỏ. Trong một bài kệ khuyên dạy môn đệ, Tuệ Trung đã khuyên họ nên vượt cả hai ý nguyên chân (chân lý) và vọng (tả ý) bởi vì cả hai đều chỉ là khái niệm (trần):

*Người đời bỏ vọng để cầu chân
[7]
Chân vọng tâm kia vẫn pháp trần
Hãy vượt lên cao lê bờ bến ấy
Tham cùng đồng tử [8] đối tiền nhân
(Thế gian nghi vọng bất nghi chân
Chân vọng chi tâm diệt thị trần
Yếu đặc nhất cao siêu bi ngạn
Hảo tham đồng tử, diện tiền nhân.)*

ĐIỀU KHÚC BẢN LAI TU CỬ XƯỚNG

Thực tại mầu nhiệm, ta phải sống trong lòng nó chứ không thể chỉ đi xung quanh nó và đàm luận về nó. Cũng vì vậy mà Tuệ Trung không để thì giờ luận thuyết về các đề tài đạo Phật và chú giải các kinh điển Phật Giáo. Tuệ Trung chủ trương rằng Phật tử không cần một lý thuyết: nguyên tắc đơn giản của đạo Phật là hãy sống cuộc đời tự tại của chính mình, không cần đi tìm đâu cả. Thế tính của ta vẫn sáng trong, chưa từng bị mê hoặc, chỉ cần quay về tự

thân là ta có thể làm hiển lộ nó, khỏi cần đi tìm Phật tìm Tổ. Tinh ba của đạo Phật là sự sống trong lòng thực tại giác ngộ mà không phải là những triết thuyết, cũng như tinh ba của một khúc nhạc là chỉ có thể thấy được khi khúc nhạc được cử xướng lên. Chỉ đàm luận suông chung quanh một khúc nhạc thì không làm sao thấy được cái huyền diệu của khúc nhạc ấy. Hãy sống cuộc đời thức tỉnh và linh diệu của mình: khúc hát diệu huyền xưa nay được hát lên thì sự sống mầu nhiệm mới hiển lộ:

*Thôi tìm Thiếu Thất với Tào Khê
Thế sáng chưa từng bị lấp che
Gió lộng không chia cao với thấp
Trăng soi chẳng ngại chiếu trăm bề
Mẫu thu đậm nhạt tùy duyên sắc,
Bùn sao vương được đóa sen hè
Diệu khúc muôn đời nên cử xướng
Đông Tây Nam Bắc chạy tìm chi.*

[7] (63) Chữ nghi trong câu "Thế gian nghi vọng bất nghi chân" có lẽ vốn là chữ chép lầm.

[8] (64) Đồng tử đây là Thiện Tài Đồng Tử, nói đến trong kinh Hoa Nghiêm (phẩm Nhập Pháp Giới). Thiện Tài đến với Bồ tát Văn Thù Sư Lợi và phát tâm tu học, sau đó đi dần về phương Nam tham vấn với 53 bậc thiện tri thức và nhờ đó mà chứng nhận được pháp giới, tức là pháp giới, tức là thế giới thực tại. Ở các thiền viện thường thấy tượng đức Quán Âm Bồ tát bên cạnh có một đồng tử chấp tay tham lễ: đó là cuộc tham vấn thứ 27 giữa Thiện Tài và Bồ Tát Quán Âm.



thơ

PHÙ DU

ÁO TRẮNG PHỐ TRƯA

em đi áo trắng phố trưa
em về phố cũng mới vừa
đường hai bên lá ngán ngờ
trắng lên áo phố một giờ
em qua phố vắng áo xưa
ô kìa nắng đợi lên mùa
phố tương tư áo thần thờ
ô kìa trắng đợi hư vô.

HOA TRẠNG NGUYÊN NỞ

mắt trưa ngủ thiếp giấc nồng
nhoài lên huyền tượng gieo vòng mộng mê
gác không, bướm lượn xập xoè
ngoài thêm nắng bạch đỏ loè trạng nguyên.

VÔ NGÔN THANH

ô kìa trắng rọi xuống vườn ai
bóng chiếc giai nhân tiếng thờ dài
muôn thu lắng xuống hồn xanh mộng
lỗi cũ e chùng động lá bay.

ĐÙA CHƠI CUỘC LỮ

(cảm Hàn Mạc Tử)

chung với đất trời đôi nhịp thở
tình mệnh mộng mà còn như bờ ngỡ
xa nghe vạn cô đời rêu xanh
cũng gượng đùa chơi thân lữ hành.

BÔN BA

trắng xưa còn nán bên đời
tơ vàng vương sợi se đời phiêu linh
mây từ cổ độ un lên
hồn bốn ba một chút tình lãng du.

CŨNG QUA

mưa rơi mưa xuống trần gian
làm quen cây cỏ bên đàng một phen
em đi em đến ngẫu nhiên
đời tôi một quãng buồn phiền cũng qua.

LỬA, MÁU VÀ MÀU ĐEN

trắng tân tuôn lửa ngọc
lá úa động lửa vàng
cờ reo bay lửa đỏ
tim tôi đốt lửa nằng

máu ngà phơi nguyệt bạch
mây máu chạy man thiên
hàng phượng rung bông huyết
máu đỏ thấp cờ lên

trong buồng đóng kín cửa
em ngồi xoã tóc bay
vành khăn tang buộc giữa
một dải đất lưu đày.

GỞI BẠN PHƯƠNG XA

năm ấy đầu xanh tình thơ đại
năm nay tóc đã nhuộm phong trần
chốn cũ đi qua lòng muốn hỏi
người trăm năm mộng vẫn còn chăng?

năm ấy hồn nhiên chưa biết nghĩ
năm nay lòng trót phong sương rồi
hương xưa còn thoảng, người đâu nhỉ?
lá thu hiu quạnh rụng trong tôi

năm ấy bên thềm hoa nở sớm
thơ ngây đôi mắt chờ mùa xuân
năm nay thêm vắng, xuân về muộn
chung quanh le lói nắng hoang đường

năm ấy đầu xuân hoa với mộng
năm nay chỉ thấy lá đầy sân
tôi ngồi lại với xưa lòng lộng
chiếc lá bay về dáng cô nhân.





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ - CANADA KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ VI

Tại Hilton Orange County / Costa Mesa, 3050 Bristol Street, Costa Mesa, CA. 92626, USA

Từ Thứ Năm 21 tháng 7 đến Chủ Nhật 24 tháng 7 năm 2016

THƯ MỜI

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÃU NI PHẬT

Kính gửi: Quý Thiện Nam Tin Nữ Phật Tử và Đoàn Sinh Gia Đình Phật Tử,

Được sự chỉ dạy của Chư Tôn Đức trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada, Ni Chúng chúng tôi nhận lãnh trách nhiệm tổ chức Khóa Tu Học Bắc Mỹ lần thứ VI. Chúng tôi vừa lo lắng, vừa hoan hỷ vì được sự khuyến khích, thăm hỏi và ủng hộ từ Chư Tôn Đức Tăng Ni và Quý Thiện Nam Tin Nữ trong mấy tháng qua. Với sự đồng tâm hiệp lực của Tăng Ni và Phật tử, chúng tôi tin rằng Khóa Tu Học Phật Pháp này rất cần thiết cho Phật tử tại gia và xuất gia. Sự tu học mới lên sức mạnh của cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ và phát huy ánh sáng trí tuệ do pháp học và pháp hành song song. Trong niềm vui của giáo pháp, chúng tôi trong Ban Tổ Chức kính mời Quý Thiện Nam Tin Nữ và các anh chị em đoàn sinh gia đình Phật tử để dành thì giờ về tham dự khóa tu học.

Thời gian: Từ ngày Thứ Năm 21 đến ngày Chủ Nhật 24 tháng 7 năm 2016

Địa điểm: Khách Sạn HILTON ORANGE COUNTY / COSTA MESA,

3050 Bristol Street, Costa Mesa, CA. 92626. T: (714) 540-7000 / D: (714) 513-4993.

Nhận đơn ghi danh từ ngày 12 tháng 12, 2015 tới ngày 12 tháng 6, 2016.

Để trang trải chi phí phòng ở tại khách sạn và các thứ cần thiết cho khóa tu học, mỗi học viên hoan hỷ đóng \$300.00. Trong gia đình đi hai người trở lên, người thứ nhất \$300.00, mỗi người sau \$200.00. Trẻ em dưới 12 tuổi, đóng \$150.00.

Vui lòng tải xuống phiếu ghi danh tại blog <http://khoaclubacmy.blogspot.com/> để điền và gửi cho chúng tôi đến một trong các địa điểm sau:

- Chùa An Lạc, 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218 - (317) 545-1234
- Tu Viện Huyền Không, 14335 Story Road, San Jose, CA 95127 - (408) 824-5696
- Tu Viện Lam Viên, 1606 Roy Road, Pearland, TX 77581 - (832) 328-7825
- Chùa Quang Minh, 10660 Rosalie Dr., Northglenn, CO 80233 - (303) 350-7252
- Thiền Tịnh Đạo Trang, 11502 Daniel Ave., Garden Grove, CA 92840 - (714) 266-4171

Thành tâm cầu chúc Quý Thiện nam Tin nữ Phật tử sức khỏe dồi dào, thân tâm an lạc và hoan hỷ ghi danh tham dự khóa Tu Học.

TM. Ban Tổ Chức

Tỳ Kheo Ni Giới Châu

Tỳ kheo Ni Nguyễn Thiện

* Vui lòng ghé thăm blog <http://khoaclubacmy.blogspot.com/> để biết chi tiết về khóa tu.



**VIETNAMESE UNIFIED BUDDHIST CONGREGATION
OF THE UNITED STATES OF AMERICA- CANADA
THE SIXTH DHARMA RETREAT IN NORTH AMERICA**

*At Hilton Orange County / Costa Mesa, 3050 Bristol Street, Costa Mesa, California 92626, USA
From Thursday 21st to Sunday 24th of July, 2016*

DHARMA RETREAT INVITATION

NAMO SAKYA MUNI BUDDHA

Respected Monastic Sangha Members,

Dear Buddhist Followers and Members of Vietnamese Buddhist Youth Associations,

The most venerable masters in the Unified Buddhist Congregation of the United States of America and Canada designated us, Buddhist nuns to work on the board of the organization for the Sixth Dharma Retreat in North America. We realized that a unified system of Buddhist study and Dharma practice is very necessary in this present time. Therefore, we devote our time and skills to work for the retreat. We believe that the retreat will show strength of the Vietnamese Buddhist community in the United States of America, and it'll also help us (Buddhists) to develop our deep understanding of Buddha Dharma and to know how to practice Dharma properly. With the joy of the Dharma, we cordially invite the monastic monks, nuns, Buddhist followers and members of the Vietnamese Buddhist Youth Associations to mark your calendar to join the retreat.

From: Thursday 21st to Sunday 24th of July, 2016

At: Hilton Orange County / Costa Mesa,

3050 Bristol Street, Costa Mesa, CA. 92626. T: (714) 540-7000 / D: (714) 513-4993.

Enrollment will be open December 12th, 2015 through June 12th, 2016

Fee for hotel and retreat: Each adult: \$300; family: the first person \$300, the second or third \$200 each; children under 12 years old \$150 each. (Check pays to: KHOA TU HOC BAC MY)

Please download and fill the application form from blog <http://khoatubacmy.blogspot.com/> and then send it with fee for the retreat to:

- An Lac Temple, 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218 - (317) 545-1234.
- Huyen Khong Monastery, 14335 Story Road, San Jose, CA 95127 - (408) 824-5696
- Lam Vien Monastery, 1606 Roy Road, Pearland, TX 77581 - (832) 328-7825
- Quang Minh Temple, 10660 Rosalie Dr., Northglenn, CO 80233 - (303) 350-7252
- Pure Land Meditation Center, 11502 Daniel Ave., Garden Grove, CA 92840 - (714) 266-4171

We sincerely wish the monastic monks, nuns, and Buddhist followers to be in good health and peace, and be supporters for the Dharma retreat being successful.

In the Dharma,

Board of organization

** Please visit to blog <http://khoatubacmy.blogspot.com/> for more information.*



**VIETNAMESE UNIFIED BUDDHIST CONGREGATION
OF THE UNITED STATES OF AMERICA- CANADA
THE SIXTH DHARMA RETREAT IN NORTH AMERICA**

At Hilton Orange County / Costa Mesa, 3050 Bristol Street, Costa Mesa, California 92626, USA

From Thursday 21st to Sunday 24th of July, 2016

ENROLLMENT FORM

NAMO SAKYA MUNI BUDDHA

Address: _____ City: _____
 State: _____ Zip Code: _____ Country: _____
 Email: _____
 Home Phone: _____ Cell Phone: _____
 Person to contact in case of emergency: _____ Phone: _____

STT	FULL NAME	DHARMA NAME	GENDER (F/M)	AGE	FEE
1					
2					
3					
4					
5					
TOTAL					

* Fee for Hotel/Retreat: \$300 for each adult. Family: the first person \$300, the second or third \$200 each. Children under 12 years old \$150 each. | Please write check payable to: KHOA TU HOC PHAT PHAP

***Transportation:**

- Self

- Please give us a drive from and to: Los Angeles Airport - LAX (50 mins)
 John Wayne Airport- SNA (10 mins)

▪ Time and Date of arrival: _____ Flight #: _____ Airline: _____

▪ Time and Date of leaving: _____ Flight #: _____ Airline: _____

*Check-out of Hotel at: 07:00 PM Sunday (7/24/2016) 09:00 AM Monday (7/25/2016)

Date: _____

Applicant Name: _____

Signature: _____

*The last day of registration is June 12th, 2016

* Please send the application and fee for the retreat to:

- An Lac Temple, 3249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218 - Huyen Khong Monastery, 14335 Story Rd, San Jose, CA 95127
- Lam Vien Monastery, 1606 Roy Rd, Pearland, TX 77581 - Quang Minh Temple, 10660 Rosalie Dr., Northglenn, CO 80233
- Pure Land Meditation Center, 11502 Daniel Ave., Garden Grove, CA 92840

* Please visit to blog <http://khoatubacmy.blogspot.com/> for more information.

Chúng tôi mất nước nhưng còn tự ái

NGUYỄN VĂN SÂM

*Lũ chúng ta, đầu thai làm thế kỷ,
Một đôi người u uất nổi chơ vơ.
(Vũ Hoàng Chương / Phương xa)*

(Hình: Ngọc Ánh Trần)



1. Trời trưa nắng gắt, không trung phủ một màu sáng xanh đẹp mắt. Gió biển thổi liên hồi vô bãi vẫn chẳng bớt được khí oi bức của ngày Hè. Hóa buồn căng tới năm ngửa trên cái ghế dài của một nhà hàng nào đó không cần hỏi chủ. Một vài người có trách nhiệm quản lý thân nhiên ngó chẳng nói gì. Có thể lệ ở đây là vậy, có thể họ ngại vấn đề khác biệt ngôn ngữ. Vẫn lơ đãng ngóng mông lung ra ngoài biển, đưa mắt lên đầu sóng trắng, Hóa nghĩ đến những ngày vượt biên biển động xa xưa. Đói khát và mệt là vì say sóng đã có lúc chỉ muốn bò ra be lặn mình xuống nước cho xong đời. Quá khứ đau thương hình như bắt rễ cứng trong tâm khiến Hóa luôn luôn bị ám ảnh bi thiết khi nhìn sóng biển. Những thanh niên thiếu nữ vui vẻ lặn hụp nô đùa với nước ngoài kia đáng lẽ là hình ảnh đẹp, Hóa lại nghĩ đến chuyển hải trình vượt chết của mình ngày xưa và những thân người bất động vật vờ trên nước của những người vượt Địa Trung Hải gần đây. Hóa lần đó chỉ mong cho tới bến, bến nào cũng được vì

lòng nhân đạo của cả thế giới đang rộng mở, còn những người vượt biển bây giờ tương lai được chấp nhận vào một nước tạm dung thiết mở mịt biết bao!

Họ khác chủng tộc, khác tôn giáo và đã đến tâm trí Hóa bằng những hình ảnh ghê rợn của chuyện chặt đầu, nổ bom chỗ đông người và hành hạ phụ nữ những nay nhìn thăm cảnh họ lớp lớp lang thang trên đường dài cả ngàn cây số tìm đất mới lập thân sau khi tranh đấu với Thủy thần, Hóa thấy thương họ nhiều, khi so sánh với tình trạng của mình ngày trước. Cũng bao ngày vật vờ trên biển, cũng đói khát, như mình trước khi đến được trại tỵ nạn Tanjung Unggat của xứ Hồi giáo hiền hòa Indonesia. Hóa nhắm mắt lắc đầu để kéo tâm trí về với hiện tại. Quá khứ là quá khứ, không ích lợi gì để quá khứ nhay vô xâm chiếm hiện tại làm xấu đi cuộc đời ta.

Những người đàn bà Chăm quần áo sắc màu, rực rỡ, đầu bịt khăn mỏng, che hết ót, phủ kín phân nửa tóc phía trước khiến khuôn mặt họ đượm chút gì đó huyền bí, lũ lượt qua lại trước du khách, mỗi người xách một thùng đồ nghề, cắp theo một cái ghế nhỏ cũng màu mè xanh đỏ, trao đổi nhỏ nhỏ với nhau bằng tiếng của một dân tộc từng là đế chế to lớn bây giờ đã không còn quốc gia. Họ chia nhau xê vô cạnh những du khách, như đã được huấn luyện từ trước của một

đạo quân, mau lẹ mời mọc nhưng không gây ồn ào hay nì nèo mè nheo. Họ cũng không cười giỡn hay chưởi bới gây gổ như Hóa thường chứng kiến ở những người bán hàng rong trên các bãi biển quê hương sinh trưởng của anh. Hóa mỉm cười với mình. Cũng hay, họ vẫn còn tiếng nói, vẫn còn dân tộc tính trong trang phục, trong cách hành xử. Tốt quá, đáng ca ngợi quá đi chứ!

Một người đàn bà tuổi đầu khoảng chừng mới quá bốn mươi, đặt thùng đồ nghề xuống kế bên anh, đưa tay xoa xoa cái ghế anh đương nằm, nói bằng thứ tiếng Anh ít ỏi, giọng Kampuchia:

“Năm đô la. Massage một giờ!”

Hóa hiểu chị ta muốn gì. Nghề đấm bóp cho du khách trên bãi biển Sihanoukville do người Chăm dẫn đầu. Hóa tò mò cố tình tìm một người địa phương làm nghề này nhưng không thấy. Cũng như nghề nail ở Mỹ, tìm một người thợ nail Mỹ chẳng khác nào mò kim đáy biển.

Chưa thấy hứng khởi trong việc cho một người khác phái đấm bóp mình nơi bãi biển lộ thiên, Hóa lễ phép lắc đầu. Người đàn bà hơi thất vọng, nhưng cũng mỉm cười nhắc thùng đồ nghề lên, bước qua khu bên cạnh. Hóa hơi ngạc nhiên khi thấy mình không nhận được cái nhìn dè bủ, khinh thường, sẵn sàng gây chiến như thường thấy nơi những bãi biển thân thương quê hương sanh đẻ của anh.

Thoải mái trong sự tương

giao ngăn ngủ đó. Hóa nghĩ rằng mình sẽ trở lại du lịch nước này trong tương lai. Họ không thể nói chuyện nhiều với du khách nhưng thân thiện trong một sự chịu đựng lễ phép đáng thương. Những người đàn bà Chăm có, Kam-puchia có, đầu đội một cái tràng lớn trên đầu thật nhiều những con tôm xù bự xộn, hấp dẫn, đỏ au, rào qua lại trước mặt du khách như một đoàn diễn viên trong một buổi trình diễn nào đó.

Thấy khách lạ lẫm ngó theo những tràng tôm ngon lành, người hướng dẫn địa phương của đoàn nói với Hóa bằng vẻ tự hào:

"Họ buôn bán nhưng không nói thách và làm giá trên trời đầu, ông có thể mua mà không sợ bị chém chặt. Có điều là nếu mình ra chợ mua về thì có thể ngon hơn vì chắc chắn tôm sẽ tươi hơn."

"Chúng ta đông người có thể làm vậy, nhưng khách Tây thì chắc họ mua thoải mái?" Một người trong đoàn tò mò hỏi.

"Ừ! Họ ăn hoài, có vẻ thích lắm. Trưa hơn chút nữa họ ra tắm biển nhiều hơn. Ăn trong nhà hàng mắc hơn gấp đôi nên họ thích mua từ mấy người này." Người hướng dẫn đoàn đáp sành sỏi.

Người đàn bà mời Hóa phút trước bây giờ đã có một ông khách Tây đồng ý để đấm bóp. Chị đặt cái ghế xuống đất, sửa soạn chỗ ngồi bên cạnh, đối diện với khách hàng. Hóa quan sát công việc làm của chị ta qua gương mặt khắc khổ, đen đúa nhưng tỏ ra chăm chú và có trách nhiệm..., Hóa tưởng tượng đến chuyện một người chạy đua đã quá tuổi, biết rằng mình sẽ về chót trong cuộc thi nhưng vẫn cầm ngọn cờ đến cùng để chứng tỏ sự quyết tâm cố gắng hoàn thành nhiệm vụ. Từ ý tưởng đó Hóa ngộ ra nhờ đâu dân tộc này đã có một thời rạng danh trên hoàn vũ và đã để lại những công trình làm sửng sờ mấy dân tộc đến sau. Giờ đây tuy mất danh hiệu một quốc gia nhưng họ vẫn không mất

dân tộc tính dầu cho phải sống rải rác trên nhiều nước, ở đâu cũng bị liệt vào dân thiểu số gần như bị chính quyền bỏ quên...

2. Người con gái Chăm trẻ mời Hóa như người đàn bà hôm qua đã mời. Xiêu lòng trước đôi mắt to lay lay của cô ta, Hóa nhận lời. Hai người trao đổi bằng tiếng Anh.

"Xin lỗi, tôi phải kêu cô là gì?"

"Xin ông cứ gọi tôi là Chanta Oungma."

"Chào cô Chanta, cô làm công việc này lâu chưa?"

"Tôi bỏ học và bắt đầu việc này đã ba năm nay từ khi cha tôi bị bệnh tim nặng."

Người bạn cùng đi trong đoàn nằm ghế bên cạnh nói chỗ sang bằng tiếng Việt:

"Nàng ca bài con cá cổ hũu của các kiều nữ. Nhưng anh *không có cửa đầu*. Đừng *bé kẻo* với bà nhà mà mang họa." Ngừng một lúc lấy hơi, anh tiếp theo: "Coi chừng cái khăn trùm mặt đội đầu, đó là thứ bùa mê thuốc lú."

Người con gái Chăm sửa lại thế ngồi, hình như miệng mím cười nhẹ.

Hóa hơi bất nhẫn, ứng khẩu ngâm giã tiếp trả lời người đối thoại:

Sẽ phá hết những thành tri cách biệt,

*Ta phiêu lưu,
Trong sóng mắt mỹ nhân.*

*Mắt cướp hết tinh thần,
Còn hồn với phách, vẫn chịu chìm trong hoan lạc..." (NVS)*

"Thôi đi ông đừng mơ tưởng mộng lung. Họ những người bùa mê tràn một bụng."

"Đem về Mỹ nếu tôi không bị *sanh nhằm thế kỷ*..."

Người bạn xong phần đấm bóp đứng dậy trả tiền, bước đi còn đưa ra nụ cười hóm hỉnh:

"Đừng lãng mạn mà bị bỏ đói nha ông. Đi phượt trên Sapa sờ màn hình lỗi còn hơn màn hình phẳng này, chỉ có nó thôi!"



Người con gái Chăm lại đổi thế ngồi để sang bóp nắn chân kia của Hóa.

Đáng lẽ anh ta nên kèm chế những lời nói đó, không cho bay ra đầu cô gái Chăm kia có hiểu hay không. Nói như vậy là cái tâm còn trọng thị, còn khinh khi mà không dựa trên thực tế. Hóa theo dõi cử chỉ và ánh mắt của cô ta coi xem phản ứng có gì khác vì nghe nói ở tụ điểm du lịch phía Đông người dân để sinh tồn thường học thêm tiếng Việt. Vẫn như thường, hai bàn tay thoăn thoắt chà mạnh bắp chuối của Hóa vốn cứng đờ sau mấy ngày đi bộ nhiều, trèo lên dốc cao ở mấy tụ điểm tham quan. Ôi đôi tay ngọc ngà những nàng cung nữ của Chế Mân, ôi đôi mắt rớt tim người đời của nàng My Ế đáng kính, ôi dáng nữ thanh tao của những nữ binh Chế Bồng Nga oai dũng! Nàng ngồi đó thản nhiên, chăm chú vào công việc khiến Hóa nghĩ đến một số tiền hơi nhiều hơn bình thường để "boa" cho người làm dịch vụ. Mây trời lằng đằng trên đầu, sóng biển rì rào ru Hóa vô giấc ngủ chập chờn, mộng mị.

Cha tôi là thương binh trong cuộc chiến thời kỳ cách mạng của ông Pol Pot. Cha nói với mẹ là đi theo cách mạng để giải thoát cảnh nghèo cho mình và tạo công bình cho người khác. Nhưng rồi cuộc cha mất một cánh tay mà dân tộc tôi nghèo vẫn nghèo. Không ai có một quyết định nào về trường hợp của cha. Chúng tôi không có tiếng nói ở đâu hết, tuy không bị ăn hiếp rõ ràng nhưng bị bỏ quên từ trên thượng tầng chính trị cho tới lớp dưới cùng của hành chính địa phương.



Cha bị thương tật nên không hành nghề đánh cá như những người đồng bào tôi sanh sống dọc trên bờ vịnh Thái Lan của đất nước này. Cha đi làm rẫy... Lặn lội trong sinh lầy, dầm mình trong vùng nước ngập dơ dáy để kiếm thứ gì đó về cho chúng tôi bốn đứa con còn quá nhỏ của cha. Rồi cha bị bệnh lạ: Mũi chảy máu, đau nhức nhè nhẹ nhột nhột, nhưng nghẹt mũi thường xuyên, nhảy mũi tối tăm mặt mày cả tháng chịu không nổi, tới bệnh viện bác sĩ cho thuốc qua loa. Cuối cùng đau quá cha ở lì trong bệnh viện, lúc này người ta mới xét kỹ, lấy được tử sâu trong hốc mũi là một con đĩa dài hơn ngón tay.

Bây giờ cha lại bị tim, đi phải có người diu đỡ và nói không rõ lời.

Một người tour guide Kampuchia nãy giờ ngóng mở nghe, cao hứng xía miệng vô bằng tiếng Việt:

"Ma bắt."

Cái cười vui dòn tan của cô gái làm Hóa tình giấc lơ mơ của buổi trưa có gió mát hiu hiu hòa với giọng nói êm dịu bên tai. Chi tiết về cha cô ta lơ mờ trong trí giữa thực và mộng. Thấy không còn hứng thú để được phục vụ nữa Hóa dúi cho cô ta tẩm giấy hai mươi đô rồi chạy ủa xuống biển tắm mát.

3. Đoàn lữ hành lên xe gần hết, xe sắp sửa rời bánh mà nhiều người trong đoàn không vui. Anh chàng ba hoa

hôm qua làm mất xấp tiền hai ngàn đô, lúc thì nghi rằng mình làm rớt trên xe khiến cho cả đoàn như thấy mình là tội phạm, lúc thì nói mơ hồ rằng chắc mình mất trong phòng ngủ... Hai người ở chung phòng coi bộ hơi giận, im lặng lầm lì. Anh chàng cũng chẳng vừa gì cứ xác minh rằng trước khi mình về phòng chiều qua kiểm lại tiền vẫn còn...

Bỗng hai mẹ con cô gái người Chăm chạy mau tới trước đầu xe của đoàn, Chanta nói chuyện bằng tiếng Miên với người tour guide rồi nói lớn bằng tiếng Việt đại ý để xác định lại người mất tiền và số tiền.

Chanta nói với tôi bằng thứ tiếng Việt rất sôi, rõ ràng:

"Nhờ cái tờ giấy quảng cáo tour bọc ngoài gói tiền nên em tới đây. Số tiền này bằng tiền hai mẹ con em để dành trong cả năm."

Tôi nheo mắt tỏ ý khen ngợi cô ta. Chanta nắm tay tôi giặt giặt, hóm hình:

"*Lữ chúng ta đầu thai làm thế kỷ...*"

Tôi mắc cỡ vì lời nhận xét của người đồng hành hôm qua và hơi bối rối về mấy câu thơ con cóc hứng chí của mình đọc lên khi tưởng nàng không hiểu. Té ra cô ta nghe hết, hiểu hết mà đã làm bộ như không.

Có người con gái trẻ hơn chạy tới, nói gì đó một tràng, Chanta móc tiền đưa, phân bua với tôi: "Tiền gom lại để

trả cho bệnh viện, cha tôi trở bệnh mệt hơn."

Tôi nói thẳng vô đôi mắt đẹp:

"Mắt đẹp mà lòng cũng đẹp."

"Người Chăm chúng tôi mất quốc gia nhưng không để mất lòng tự trọng, càng không thể để thất bại trong tư cách làm người."

Từ già có những bin rịn đời người chưa dễ được. Xe lăn bánh, trong xe có tiếng xì xào, bàn tán, đánh giá, kẻ mừng hên người chê xui. Có tiếng thờ dài cười gượng của người ngồi kế bên tôi!

Biển khổ đời mệnh mỏng vô hạn, biết sống thì cái khổ sẽ ít hơn. Số tiền đó đối với gia đình nàng Chanta thì nhiều, Chanta biết giá trị của mình nên đã biến nó thành nhỏ, quá nhỏ nữa là đẳng khác. "Chúng ta chưa mất quốc gia, nhưng từ lâu một số đồng đã mất lòng tự trọng." Uể oải, bần thần... Hóa tự hỏi chẳng biết ở vào trường hợp Chanta mình có được hành động đẹp như thế không. Và anh hình như không chắc chắn rằng nàng Chanta có thật hay chỉ là tinh thần của một dân tộc đã mất nước hóa hiện ra cảnh báo người của một dân tộc trên bước đường suy vi.

Nguyễn Văn Sâm

(Sài Gòn,

Nguyên Tiêu Bính Thân 2016)

PHẬT GIÁO VÀ TÔN GIÁO TỬ GIÁO

Tác giả: **HELMUTH VON GLASENAPP**, Đại Học Tübingen – Đức
Viết dịch: **Nguyễn Hạnh** (Án Độ)

[Trích từ Tạp chí *Maha Bodhi*, 11-1960 và được đăng lại trong Tạp chí *The Light of The Dhamma* (Ánh Sáng Chánh Pháp), tập VIII, số 2, tháng 4 - 1961, tr.55.
(Nguồn: https://store.pariyatti.org/Light-of-the-Dhamma_p_4426.html)]

Lời dịch giả: Tác giả sử dụng hai dạng ghi chú trong bài viết của mình: cước chú và chú thích trực tiếp trong văn bản. Đó là những thông tin về tài liệu tiếng Anh và tiếng Đức được tác giả trích dẫn. Vài tài liệu trong số đó chưa được dịch qua tiếng Việt. Để tránh nhầm lẫn trong việc truy nguyên những thông tin được cung cấp từ các ghi chú ấy, nơi dịch phẩm này có mấy việc xin được thông tri như sau:

- Không dịch những cước chú về nguồn tài liệu trích dẫn bằng tiếng Anh và tiếng Đức, chỉ chuyển dịch những trích dẫn trong Kinh.
- Những chú thích trực tiếp trong văn bản gốc được đưa xuống cước chú.
- Nhiều đoạn trong văn bản gốc khá dài. Tùy theo văn cảnh, các đoạn ấy cũng được phân đoạn lại thành những đoạn văn ngắn hơn. Vì điểm này, dịch phẩm có khác với bản gốc về mặt hình thức.
- Chỉ chuyển dịch thông tin về nguồn tài liệu trong các chú thích của tác giả, những số liệu về trang trích dẫn, năm xuất bản... vẫn được giữ nguyên nên đó chỉ là thông tin tham khảo. Độc giả nếu muốn tra cứu chính xác, nên tìm đến văn bản gốc.)



Khi bạn tin đầu tiên về Phật giáo truyền đến Châu Âu suốt từ thế kỷ 17 đến nay, tôn giáo này luôn là đối tượng quan tâm đặc biệt của tất cả học giả - những người đặt mình vào công việc nghiên cứu so sánh các tôn giáo lớn trên thế giới. Có sự kiện này vì vài nguyên nhân:

- Tiểu sử của Đức Phật luôn có mối quan hệ nhân sinh đặc biệt vốn tác động mạnh đến trí tưởng tượng và tình cảm của những người dễ xúc cảm về hành động phi thường và cảm động.

- Những giáo lý căn bản của Phật giáo, trong mọi lúc, đều có được sự cảm phục từ những ai tin vào chân tính nơi con người.

- Các sử gia cảm thấy bị lôi cuốn đặc biệt bởi sự thay đổi vận mệnh từng xảy ra với thời gian của một tín ngưỡng, sự tín ngưỡng vốn thu hút nhiều tín đồ ở nhiều quốc gia vùng Nam Á, nhưng lại biến mất khỏi nhiều khu vực nơi nó đã hưng thịnh trong nhiều thế kỷ.

Thật là sự thú vị đặc biệt để thấy những biến thể mà tôn giáo này trải qua suốt 2500 năm hiện hữu của mình và để quan sát nó thích ứng thế nào với những yêu cầu của các nước. Nếu ai để ý đến nhiều điểm đặc trưng mà nơi đó Phật giáo hiện hữu ngày nay, người đó không thể không bảo rằng trong một mình hệ thống này, hầu hết tất cả cách thức đời sống tôn giáo đã tìm được sự biểu hiện của mình, từ những suy tư nghiêm túc, điềm đạm và trầm tĩnh của người đi tìm khổ hạnh vì sự giải thoát, đến sự thuần thành cảm tính cao của những tín đồ nhiệt huyết của những đảng cứu thế, và từ sự ước đoán thậm thâm của những người thần bí đến những nghi lễ phức tạp của những thuật sĩ, những người cố gắng xua đuổi các linh hồn tội lỗi qua sự hỗ trợ của việc đọc chú thuật.

Từ quan điểm triết học tôn giáo, Phật giáo đáng có sự quan tâm đặc biệt vì nó làm rõ lời khẳng định mơ hồ của Kant rằng tin vào Chúa, vào linh hồn bất tử và vào tự do của ý chí là ba phần rất cốt tủy nơi những giáo thuyết của mọi tôn giáo thuộc cấp bậc cao. Dĩ nhiên, Đức Phật là người ủng hộ sự tin vào ảnh hưởng của nghiệp (*kiriyavāda*) và là đối thủ mạnh của các



HELMUTH VON GLASENAPP
(1891-1963)

đanh sư, những bậc thầy như Gosāla Makkhaliputta đã nói: “*Không có những điều như cố gắng, hoặc lao động, hoặc tài năng, hoặc nỗ lực hoặc sức mạnh con người, tất cả mọi điều đều được cố định một cách không thể sửa đổi*”.

Nhưng liên quan đến hai nghi vấn khác, Phật giáo có quan điểm hoàn toàn trái ngược với Hindu giáo, Thiên Chúa giáo và Hồi giáo và những niềm tin khác. Vì Phật giáo công nhận không

có sự tồn tại của linh hồn bất tử hay của đấng sáng thế và cũng không có người cai quản vũ trụ. Đây là kết luận lô-gic của khái niệm triết học căn bản.

Vốn là một học thuyết về sự hình thành và biến dịch liên tục, Phật giáo công nhận ý niệm thực tại bất biến: theo Phật giáo, không có vật chất nào tự nó là bất diệt dù nó có thể thay hình đổi dạng liên tục, do đó, không thể có linh hồn trường cửu đi vào một lớp y phục vật chất mới trong quá trình tái sinh. Và khi không có một tính cách trường tồn thì không thể có vị thần cá biệt, bậc tồn tại như một điểm cực bất động giữa vạn hữu đổi thay. Sức mạnh vĩnh cửu duy nhất mà Phật giáo tin vào là luật, loại luật chi phối toàn thể vũ trụ và, từ các nguyên tố của sự sống, các mảng hình thể của một đặc tính nhất thời, loại đặc tính tan rã liên tục được thay thế bởi những cái khác. [Tôi nghĩ tác giả có chút bối rối ở đây – biên tập viên].

Mặc dù Phật giáo phủ nhận sự tồn tại của linh hồn trường cửu, nó không phủ nhận sự tiếp tục của đời sống cá nhân sau khi chết. Tư tưởng căn bản cho quan niệm này là, sự chết là sự kết thúc của một cá nhân A nào đó, vì các yếu tố hợp thành tạo ra nó tan rã, nhưng những dòng tâm thức mà một người hoặc sinh linh khác đã tạo ra trong suốt cuộc đời mình đã trở thành cái nhân của một cá nhân B mới để anh ta nhận được khoảng ân thưởng cho các nghiệp lành và sự trừng phạt cho các nghiệp ác của anh mình. Vì vậy, có lời nói rằng cá nhân B mới đó không đồng nhất với cá nhân A cũ và cũng không khác với A vì nó hiện hữu từ A, cũng như ngọn lửa của canh hai trong đêm là sự liên tục không ngừng của ngọn lửa cháy suốt canh đầu. Ở đây trách nhiệm của chúng ta không phải để liên hệ với các học thuyết khác của *antarābhava* (trung âm) v.v..., học thuyết vốn dĩ được nghĩ ra để giải thích hoặc chứng

minh cho thuyết này. Sự liên kết hiện tại chỉ vì mục đích nhằm chứng minh sự thật rằng Phật giáo hoàn toàn phù hợp với nhiều tôn giáo khác; trong giả thuyết về kiếp sống sau khi chết trong đó tất cả nghiệp đều cần đến.

Sự khác nhau duy nhất giữa Phật giáo và các tôn giáo khác của Ấn Độ cốt ở chỗ Đạo Phật cung cấp lời giải thích triết học có khác. Trong thực tiễn nó hoàn toàn hài hòa với tất cả hệ thống triết thuyết chấp nhận thuyết luân hồi. Thay vì thuyết linh hồn trường cửu vốn hình thành những nhân tử của cá nhân A trong đời này và là của cá nhân B trong đời kế tiếp, Phật giáo mang đến một quan điểm khác: mỗi cá nhân là một dòng chảy của những pháp phù dụ sinh khởi trong chuỗi phụ thuộc lẫn nhau. Mỗi kiếp sống cá nhân mới là sự trôi trên dòng chảy này.

Triết lý tái sinh không chấp nhận niềm tin vào thực thể linh hồn trường cửu này luôn làm bối rối các học giả và nó được gọi là triết lý không thể hữu lý vì nó phủ nhận sự đồng nhất của người thực hiện các hành động và một người khác thừa hưởng kết quả. Nhưng trong thực tế nó hoàn toàn có giá trị trừu tượng giống như thuyết linh hồn trường cửu lang thang. Giáo sư T.R.V. Murti có lý khi nói:

“Sự chấp nhận *ātman* – thực thể trường tồn bất biến – giải thích thế nào về nghiệp (*kamma*), tái sinh, ký ức hoặc đặc tính cá nhân một cách hợp lý hơn? Khi linh hồn trường cửu thuộc bản chất bất biến, nó không thể có những ý muốn khác nhau khi những hoàn cảnh khác nhau đòi hỏi hành động khác nhau... Và *ātman* (linh hồn) biến đổi là sự mâu thuẫn về từ ngữ.

Quan điểm chấp nhận không có *ātman* không thể thừa nhận một cái tôi biến đổi; vì một khi chúng ta thừa nhận sự biến đổi của *ātman*, chúng ta không có luận cứ vững chắc để giới hạn sự thay đổi này cho những thời điểm xác định, tức là nó vẫn giữ nguyên không đổi trong một thời gian dài đáng kể và sau đó thay đổi. Điều này nghĩa là có hai *ātman* khác nhau. Chúng ta không thể chấp nhận một phần của *ātman* thay đổi trong khi một phần khác của *ātman* là vĩnh cửu. Nếu phần thay đổi không thuộc *ātman* trọn vẹn như phần khác, chúng ta như thế sẽ có một thực thể đơn nhất có những đặc điểm tương phản nhau. Điều này trái ngược với quan niệm thực thể của chúng ta.” (1)

Khi Đức Phật thay thế thuyết linh hồn trường cửu bằng thuyết “tâm tương tục,” Ngài cố tránh những khó khăn vốn có trong thuyết *ātman*. Giáo lý ấy của Ngài cũng che giấu những điểm nan giải là quá rõ ràng. Vì, không có đủ những lý lẽ triết học có thể được viện dẫn cho những điều vượt khả năng con người để giải thích một cách rõ ràng những vấn đề mà sự nhận thức hữu hạn của chúng ta không với tới được. Niềm tin rằng không có sự tiếp tục của bất kỳ dạng nào của đời sống sau cái chết

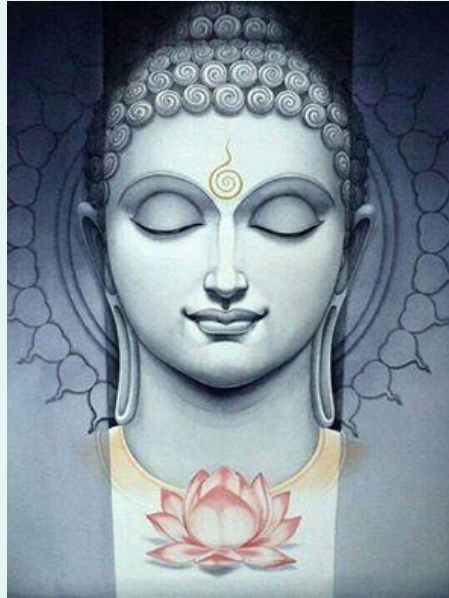
của một cá thể cũng không thể giải thích thỏa đáng, vì cái thuyết vật chất vượt ngoài những gì được tạo ra cũng tương đương với một kết luận lô-gic của sự ước đoán và của một nhân sinh quan nào đó như những giả thuyết khác liên quan đến linh hồn hay cái tâm tương tự.

Điều lạ vẫn hiển hiện ở đa số những người quan sát rằng Phật giáo phủ nhận sự tồn tại của đấng tạo hóa và người cai quản vũ trụ vì nhiều ý hướng tôn giáo, nhất là ở Tây Âu, tôn giáo là đồng nghĩa với niềm tin vào Chúa. Vì lí do này nhiều nhà thần học nói: Phật giáo là một hệ thống triết học và đạo đức mà không phải một tôn giáo. Tuy nhiên, đây là luận điệu lẫn tránh không tự nhiên lắm.

Vì, xét từ diện mạo bên ngoài cũng như từ quan điểm bên trong, Phật giáo biểu lộ tất cả những điểm được tuân giữ trong các tôn giáo khác. Nó có nơi thờ phụng, nghi lễ, tu viện cùng với tín đồ, nó hoàn toàn khơi gợi cảm tình tôn giáo của tấm lòng mộ đạo, tĩnh tâm, v.v... Nó có truyền thuyết, kể lại những điều kỳ diệu, v.v..., và kể về việc thấy cõi trời và địa ngục. Nó thậm chí công nhận một số lớn các vị trời, những hữu tình dù không có đời sống bất tử, (nhưng) thọ mạng hằng nhiều thế kỷ và có thể mang lại tiện nghi và hạnh phúc thể gian cho những ai sùng bái họ. Tất cả những điểm này tạo nên điều hiển nhiên rằng: với Phật giáo, cái danh nghĩa tôn giáo không thể phủ nhận được. Điều này cho thấy sự giới hạn của thuật ngữ "tôn giáo" đối với những dạng khác nhau của thuyết hữu thần là quá hẹp.

Những người La Mã xưa với những "thực tập sùng kính" (religio) mà ta được biết đều không phải là người theo thuyết hữu thần nhưng sùng bái rất nhiều thần và về phương diện này không khác với Phật giáo thời nay hay những thời đại trước. Do đó, ta có thể chỉ suy luận từ sự thật này rằng thuyết hữu thần là một trong những hình thức tôn giáo và thuật ngữ "tôn giáo" bao gồm phần lớn những sự đa dạng về những đức tin. Như tín đồ Hồi giáo và Thiên Chúa giáo và phần lớn tín đồ Hindu là người theo thuyết hữu thần, vài sử gia nghĩ rằng Phật giáo, là một tôn giáo thuộc cấp bậc cao nhất, cũng phải là hữu thần bằng cách này hay cách khác.

Nhưng quan điểm ấy bị bác hẳn bởi sự thật rằng các nhà lãnh đạo Phật giáo ngày nay đang bác bỏ nhận định này. Chủ tịch của Hội Liên Hữu Phật Giáo Thế Giới, Giáo sư Mahalasekara, viết rằng "*Phật-tử không tin vào đấng sáng thế: Nếu được hỏi 'Cuộc sống đã bắt đầu ra*



sao?' vị ấy nên hỏi lại 'Chúa đã bắt đầu thế nào?'" (2)

Và cố Giáo sư Takakusu, một đại học giả và một tín đồ Đại thừa nói "*Phật giáo là vô thần – không còn nghi ngờ về việc đó.*" (3) Những Phật-tử trong các thời đại đã qua cũng là những người vô thần có thể dễ dàng được xác định từ những bản kinh trong Thánh điển Pāli và từ những tác phẩm của các triết gia Đại thừa. Tôi khuyến khích độc giả tham khảo thêm bài viết "*Thuyết Vô Thần*" (4) và tác phẩm *Phật Giáo và Ý Tưởng của Chúa* (5) của tôi, nơi tôi tập hợp lại nhiều đoạn từ những tác phẩm Đại thừa. Với những trích dẫn được đưa ra ở đó, có thể được bổ sung thêm quyền *Isvara-karttva-*

nirākr̥ti được công bố bởi Giáo sư F. W. Thomas (6).

Như thế không có nghi ngờ bất cứ điều gì về việc Phật giáo là vô thần trong ít nhất hai ngàn năm. Những tay cự phách của thuyết hữu thần háo hức bảo vệ luận điểm của mình rằng mọi tôn giáo phát triển cao thừa nhận sự hiện hữu của Chúa đều không bị làm bối rối bởi điều này. Họ duy trì sự khẳng định rằng Đức Phật không nói bất cứ điều gì chống lại sự tồn tại của Chúa. Nhưng điều này rõ ràng là sai. Vì trong các pháp thoại của Đức Phật được ghi lại trong Thánh Điển Pāli có nhiều đoạn trong đó Ngài phê bình theo cách rất thẳng thắn quan niệm cho rằng thế giới có thể do Chúa sáng tạo hoặc do Chúa thống trị. Vì thế Ngài dạy: "*Những ai nghĩ rằng ý chí của Chúa (issara-nimmāna) chỉ phối hạnh phúc và khổ đau của con người, (người ấy) phải nghĩ rằng con người trở thành kẻ sát nhân, trộm cắp, v.v... do ý chí của Chúa.*" (7) Lý lẽ tương tự cũng xuất hiện trong những Truyện Tiên Thân (8). Trong Kinh Phạm Võng (*Brahmajāla-Sutta*), (9) Đức Phật thậm chí giảng về nguyên lý niềm tin sai lầm vào đấng sáng thế đã sinh khởi như thế nào. Nhờ thiện hạnh (*karma*), khi Phạm Thiên được sinh ra vào thời khởi thủy của kỳ nguyên mới của thế giới trong một cõi thiên đường được chuẩn bị cho ông, không biết gì về kiếp trước của mình, ông đã mong có những bạn đồng hành. Khi những người khác sinh ra vì nghiệp (*kamma*) của họ, ông tưởng rằng ông đã tạo ra họ bằng ý chí của mình. Đến lượt mình, những người đó (cũng) nhận thấy Phạm Thiên đã hiện hữu trước họ, nghĩ rằng ông ấy đã tạo ra họ. Thế thì, dạng khởi thủy của thuyết nhất thần đã bắt đầu vào thuở nguyên khai của thế giới do sự sai lầm của Phạm Thiên và những người đầu tiên.

Sự thể có thể đúng rằng Đức Phật là vị thầy tôn giáo nhưng không thừa nhận sự tồn

tại của Chúa được minh chứng thêm bởi sự thật rằng người cùng thời với Ngài, Mahāvīra (Đại Hùng) – Bậc Tirthankara (người đã đạt đến giác ngộ) của Kỳ Nạ giáo, (cũng) đã có quan điểm tương tự. Ở Ấn Độ, triết học Mīmāṃsā (Di Man Tác) và Sāṅkhya (Sổ Luận) cổ điển cũng truyền bá anīsvāra-vāda (thuyết vô thần). Nhưng những tín ngưỡng thuộc loại này không được giới hạn trong (lãnh địa) Ấn Độ. Tân Khổng giáo của Chu Hi cũng phủ nhận vị chúa tể cai quản giới ấy, người Hy Lạp, La Mã và người Đức cổ đại cũng làm thế đối Đấng Quyền Năng (hay Sự Cần Thiết) thống trị toàn vũ trụ và đời sống nhân loại.

Những độc giả sâu sắc có thể hỏi sao lại có thể có nhiều tôn giáo bất đồng quan điểm về một khái niệm được coi trọng bởi những nhà sáng lập tôn giáo như Moses, Christ, Mohammed và các vị thánh của thuyết Visnu và Shiva? Câu trả lời là quan niệm về Chúa là một điều phức hợp. Nó kết hợp khái niệm về đấng sáng thế, bậc thống trị và người hủy diệt thế giới cùng với khái niệm về tác giả của các luật tắc đạo đức, sự phán xét công bình, người cứu giúp khi cần và vị cứu tinh nhân loại. Trong Phật giáo, những khái niệm tương tự được phân bố giữa nhiều nhân tố. Sự sáng tạo, sự cai quản và sự hủy diệt thế giới được quy cho Quy Luật Vũ Trụ như là sự phân phối của việc thưởng và phạt theo hoạt động tất nhiên của nghiệp (*kamma*). Khi Luật này hiện hữu nội tại ở khắp nơi trong vũ trụ, không cần có Đấng ban hành luật. Người tiết lộ Quy Luật này là các Đức Phật (10), những Bậc được tôn kính vì lý do này. Những vị trời nhất thời giữ vai trò như những người giúp đỡ những điều lo lắng trên thế gian. Liên quan đến nghi vấn về sự giải thoát, các tông phái Phật giáo bất đồng: vài tông phái nói giải thoát có thể chứng đạt qua sự nỗ lực của chính hành giả, vài tông phái khác cho rằng hồng ân của Đức Phật A Di Đà (tiếp dẫn) là thiết thực giải thoát. Những cảm tình của lòng mộ đạo và sự sùng kính mà các tôn giáo hữu thần tập trung vào Chúa, đã quay về phía các Đức Phật như những vị thánh, Bậc chỉ bày con đường đến Niết Bàn (*Nibbāna*).

Thế thì, những ý kiến, những sự thôi thúc, những thiên hướng, những niềm mong ước và những hy vọng tương tự vốn xác định nơi các tôn giáo hữu thần vẫn tồn tại ngay trong Phật giáo và, trên tất cả mọi điều, nó chính là nét quan yếu nhất của tất cả tôn giáo: khái niệm về tính thiêng liêng truyền kính sợ và ý nghĩa của sự thánh thiện vốn khác với mọi điều trần tục. (11)

1) T.R.V. Murti, *The Central Philosophy of Buddhism*, London, 1955, p. 92

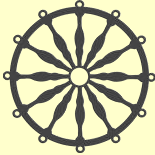


GÁNH NẶNG MÙA XUÂN

*Mẹ về kiu kịt đôi vai
Hai đầu nổi nhớ, hình hài tuổi thơ
Chiêm bao... bóng Mẹ ầu ơ...
Dáng Cha cần mẫn bên bờ ruộng xanh
Đường làng tre, trúc dạo quanh
Ngọt ngào hương cốm, hương chanh ngày mùa
Chòng chành theo nhịp võng đưa
Đình làng trầm tịch như vùa chuông ngân
Cho con đôi cánh thiên thần
Trái tim nhiệt huyết vừng chân đường đời
Mẹ đong năm tháng đầy vơi
Áo com thâm đậm mồ hôi sớm chiều
Quang này mẹ gánh con yêu
Quang kia mẹ quảy nắng chiều vào xuân.*

thơ THÚY NGÂN

- 2) Mahalasekara, Đạo Phật và sự Giác Ngộ của Nhân Loại, *Listener*, London, ngày 7-1-1954.
- 3) Takakusu, *Tinh Hoa Triết Học Phật Giáo*, ấn bản thứ II, chủ biên: Honolulu, 1949, tr. 45.
- 4) L. De La Vallee Poussin, Phật Giáo, *Bách Khoa Tôn Giáo và Đạo Đức*, tập 2, tr. 184
- 5) H. Von Glasenapp, *Buddhismus and Gottesidea*. Abhandlungen der Aka demie der Wissenschaften und der Literatur in Mainz, Geistes-und Sozialwissen-schaftliche Klasse, 1954, Nr. 8 (Weisbaden, 1954)
- 6) *Tạp chí Hội Hoàng Gia Á Châu (JRAS)*, 1903, tr. 345-349
- 7) *Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttara Nikāya)* 3, 61, tập I, tr. 74.
- 8) *Jātaka*, Số 528 V tr.238; số 543 V tr. 208)
- 9) *Trường Bộ Kinh (Dīgha-Nikāya)* 1.2, 2, tập I, tr. 17.
- 10) “*Tumhehi kiccaṃ ātappam, akkhātāro tathāgatā. Paṭipannā pamokkhanti, jhāyino mārabanddhanā.*”
Các con hãy tự mình nỗ lực. Chư Như Lai chỉ là những Bậc Đạo Sư.
Các thiên giả, những người bước vào thánh Đạo, được thoát khỏi những mối ràng buộc của ác ma, *tức là*, thoát khỏi vòng lâu hoặc (PC.276)
Lời sách tán trong pháp thoại cuối cùng của Đức Phật, Kinh Đại Bát Niết Bàn, là “*Appamādena sampādetha*” (Tự giải thoát chính mình bằng tất cả nỗ lực)
Dīgha Nikāya Mahā-vagga Mahā-parinibbāna Sutta, page 61, 6th Syn. Edn.
- (11) Cf. Na than Soeder blom’s article on “Holiness”, in the *Encyclopedia of Religion and Ethics*, Vol 6, p. 731 ff.



CHÙA QUANG MINH
10660 ROSALIE DRIVE, NORTHGLENN, CO 80233
303-350-7252 / 303-457-3570

March 14, 2016

THƯ CẢM ƠN

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni và Quý Đồng Hương Phật Tử:

Chúng con xin thay mặt Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ Sáu, thành kính tri ân Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, trú trì chùa Phật Đà và Tu Viện Pháp Vương, San Diego; Chư Tôn Đức Tăng trú trì các tự Viện tại Denver, Đại Đức Thích Phước Tánh trú trì Tu Đường Thiên Lâm, Denver, Colorado, Ni Sư Thích Nữ Như Hạnh trú trì chùa Phước Thành, Liberal, Kansas đã ủng hộ chúng con về mặt tinh thần lẫn tịnh tài trong ngày gây quỹ ủng hộ khóa tu.

Chúng tôi thành thật cảm ơn quý mạnh thường quân, đồng bào Phật tử tại Denver, Colorado đã nhiệt tâm đóng góp tịnh tài và công sức cho việc gây quỹ được thành tựu tốt đẹp. Chúng tôi cũng không quên những Phật tử đã bỏ nhiều thời giờ quý báu giúp đỡ chúng tôi liên lạc ca sĩ, nhà hàng, bán vé, và nhiều việc cần thiết làm cho đêm văn nghệ tràn đầy niềm vui.

Chúng tôi vô cùng cảm niệm lòng hảo tâm của nhiều Phật tử đã cúng dường gây quỹ, sau khi trừ tất cả chi phí, chúng tôi nhận được **18,150 US dollars**. Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu rất tán thán công đức của quý Phật tử; và để khích lệ tinh thần phụng sự Phật Pháp tại Denver, Colorado, Hòa Thượng gọi biểu thêm **2,000 US dollars**. Tất cả số tiền nhận được, chúng con / chúng tôi đã gửi về Ni Sư Diệu Tánh thủ quỹ cho khóa tu.

Chúng con kính nguyện Hồng Ân chư Phật gia hộ chư Tôn Đức Tăng Ni pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu để hướng dẫn Phật tử tại gia trên con đường tu tập. Chúng tôi thành tâm cầu nguyện chư Phật gia hộ Quý Phật tử sức khỏe dồi dào, sở nguyện tòng tâm, kiết tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

Thành kính tri ân,
Thay mặt Ban Tổ Chức
TKN Thích Nữ Giới Châu

MỖI KỶ MỘT MÓN CHAY

CHẢ CÁ THÌ-LÀ CHAY

Vật liệu:

- 1 gói chả cá chay
- 1 nắm thì là tươi cắt khúc ngắn
- bột nêm (tí thôi, vì gói này đã vừa đủ mặn)
- tiêu sọ trắng giã sơ
- ít mật đường Đại Hàn
- cà rốt xắt hạt lựu
- 2 tsp bột dai (Vital wheat starch)

Cho tất cả vào 1 cái thau, nhồi kỹ vài phút cho chả cá dai; dích một miếng nhỏ cho vào microwave nấu 20 giây, ăn thử xem vừa miếng hay cần thêm bột gì tùy thích. Vo thành miếng vừa ăn, đem hấp 10 phút, xong đem ra chiên chảo hay để lò nướng bake ở lửa lớn 450°F trong vòng 5-10 phút hay cho tới khi vàng mặt miếng chả. Chiên chảo thơm hơn là nướng lò và nhanh hơn.

Chơn Nghiêm (Chay Tịnh Quán)



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Lữ Quỳnh: một cõi thơ lặng lẽ, trong vắt

NGUYỄN GIÁC



Thơ của Lữ Quỳnh... những trang thơ Lữ Quỳnh. Điềm đạm, dịu dàng, trong vắt, ẩn mật...

Thêm nữa, hình như đọng lại trong các dòng thơ anh là một nỗi buồn. Mỗi khi đọc thơ anh, dù một hay vài bài, tôi vẫn tự hỏi, phải chăng đó là những nỗi buồn lặng lẽ, rất

mực lặng lẽ, được chép lại trên giấy thật vội để không kịp trở thành những niềm vui... Vậy đó, từ sâu thẳm của một thâm cảm về cõi hư huyền này, thơ Lữ Quỳnh đã hiển lộ như một hướng vọng về Tịnh Độ, một cõi ẩn mật trong vắt hiện ra giữa các dòng chữ của anh.

Hình như có hai hình ảnh trong một tác giả Lữ Quỳnh: một của thời trước 1975, nổi tiếng phần lớn với văn xuôi; và một của thời sau đó, hầu hết là làm thơ. Là người của thế hệ đi sau, tôi không có cơ duyên đọc nhiều văn xuôi Lữ Quỳnh. Và do vậy, khi đọc thơ Lữ Quỳnh, lòng tôi như trang giấy mới, những cảm xúc tự nhiên chạy theo chữ của anh: ngấm vào thịt da mình một nỗi buồn rất lặng lẽ ẩn tàng trong thơ Lữ Quỳnh.

Nói như thế, không có nghĩa rằng Lữ Quỳnh chỉ viết về những nỗi buồn. Không phải thế. Ngay cả khi anh viết về những gì lẽ ra là vui, vẫn phảng phất những gì rất buồn. .

Thí dụ, như bài thơ tựa đề "Lời xin lỗi trước mùa xuân." Khi đổi diện mùa xuân, lòng người thơ phải vui chứ, sao cứ gì như phải xin lỗi? Phải chăng thơ cũng là một ý thức về biến diệt vô thường, khi những tiếng cười không thể kịp giữ trên môi? Lữ Quỳnh viết, trích:

*...Bây giờ em ở đó
Trời buồn như mắt dân Chiêm
Tháng này gió nhiều tha hồ lá đổ
Em rụ con bằng tiếng xạc xào
Ôi nỗi buồn hun hút dâng cao
Anh biết mùa xuân sắp về
Nhưng lòng còn bình yên để đợi?
Em ở đó một mình
Hằng đêm nằm nghe cỏ mọc
Lòng nặng tiếng ả ơi
Làm sao không khóc...*

Không chỉ thế, nỗi buồn đã đi sâu vào tận những cõi vô thức của Lữ Quỳnh. Như trong bài thơ "Giấc Mơ" cũng là những hình ảnh về một cõi nhân sinh rất lạ, trích:

*Có tiếng vỗ tay râm rân
Trên từng hàng ghế trống
Lạnh lẽo gió thiên đường...*

Mắt dân Chiêm, đêm nằm nghe cỏ mọc... Tiếng vỗ tay từ hàng ghế trống, gió thiên đường buốt lạnh... Bài "Giấc Mơ" vừa dẫn là để tưởng nhớ nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, một trong những người bạn thân của Lữ Quỳnh.

Những người bạn thường được nhắc trong thơ Lữ Quỳnh là Đinh Cường, Đỗ Hồng Ngọc, Bửu Chi, Lữ Kiều... những người một thời của văn học nghệ thuật Miền Nam. Tình bạn thân thiết này, khi nhắc tới trong thơ cũng đậm những nỗi buồn.

Như bài thơ tựa đề "Bài tưởng niệm" được Lữ Quỳnh ghi đầu bài là "Gửi anh Đinh Cường"... Bài này làm vào tháng 3-2015, khi đó họa sĩ Đinh Cường đang ở Virginia, và Lữ Quỳnh ở Bắc California. Bài thơ ngậm ngùi tưởng nhớ về ba người đã rời cõi vô thường này: thi sĩ Lê Văn Ngân, nhà văn Võ Hồng, và người không được ghi rõ tên nhưng hình ảnh ôm đàn ngồi hát gợi tới nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Cuối bài thơ là những nỗi buồn được nhà thơ Lữ Quỳnh chép vào một bài kinh sám, trích:

*tháng tư dành tưởng niệm. ngậm ngùi
sao người đi nhiều hơn kẻ ở
tôi ngồi chép A Di Đà Sám
thay làm thơ cho một cõi đi về...*

Một điểm để suy nghĩ: ngay cả những cảm xúc tôn giáo của Lữ Quỳnh cũng là một nỗi buồn lặng lẽ, một nỗi buồn có khi không nói mình danh nhưng vẫn hiện diện đó.

Như trong bài "Ngậm Ngùi Ru Ta" viết trong tháng 3-2015, Lữ Quỳnh ghi lại hình ảnh thầy Thích Minh Niệm dùng ca từ Trịnh Công Sơn trong một bài giảng pháp. Lữ Quỳnh cũng ghi lời niệm Phật trong thơ, cũng ghi về một cõi tịnh độ nhân gian sáng rực, trích:

*...bình minh xanh con đường đi tới
chánh niệm bàn chân từng bước. mặt đất
này
mùi cỏ mới thơm lừng hơi thở
nắng vàng bên đồi xa. và chim hát trên
cây...*

nhưng rồi, chỉ vài dòng sau đó, chữ của Lữ

Quỳnh cũng trở thành những nỗi buồn lặng lẽ (dù là buồn trong chánh niệm?), trích:

*...mà lòng cũng hoang vu trầm lặng
không người qua. không một bóng ai
Nam mô Vô Lượng Thọ Như Lai
Quang minh chiếu mạng mỗi sát- na
trên dòng sông lấp lánh sự sống này
cuộc đời trôi. lênh đênh bờ sinh diệt...*

Thử đọc lại lần nữa mấy dòng thơ trên, chúng ta sẽ thấy cách sử dụng chấm câu rất là nghịch lưu. Có phải Lữ Quỳnh muốn mời gọi độc giả cảm nhận nỗi lặng lẽ cô quạnh trong "chánh niệm bàn chân từng bước" và rồi thấy rằng "không người qua. không một bóng ai" bất kể rằng cuộc đời vẫn miên viễn trôi...

Trong bài thơ "Sinh Nhật," Lữ Quỳnh cũng nói về những người bạn một thời, trích:

*...đêm thì ngắn mà giấc mơ trùng điệp
những niềm vui bạn bè đem đi hết
để mình tôi ngồi giữa quạnh hiu...*

Có phải, niềm vui chỉ là những gì trong quá khứ? Không, không hoàn toàn như thế. Lữ Quỳnh vẫn lặng lẽ chánh niệm với cái hiện tiền của anh, với những khi anh mở trang kinh ra và thấy mây, thấy thiên tâm và thấy niệm Di Đà, với khoảnh khắc mở trang kinh ra và "chẳng thấy tôi"...

Bài thơ dưới này ghi những lại khoảnh khắc hạnh phúc đó của Lữ Quỳnh, cũng với dấu chấm câu rất riêng, hết như một dấu lặng của một lời ẩn mật, nơi trang 25 của tập thơ "mây trong những giấc mơ" – toàn văn bài này như sau:

Chép một tờ kinh
tặng anh Đình Cường

*mở trang kinh. chỉ thấy mây
thiên tâm thanh tịnh niệm ngay di đà
tranh hoàng hôn. cảnh tuyết sa
giọt vàng giọt đỏ. nhạt nhòa giọt tôi
mở tờ kinh. chẳng có lời
quang minh thanh tịnh chiếu soi cõi người
giác yên. trời lặng. xanh trôi
chép mừng tranh mới. sáng ngời chân như*

Vâng, đó là một cảnh tịnh độ rất đẹp, kể rằng họa sĩ Đình Cường vẽ cảnh hoàng hôn, cảnh tuyết sa, với màu vàng, màu đỏ, với một cõi trời lặng xanh trôi, với hình ảnh khi mở trang kinh thoát tiên thấy mây và rồi ngó lại thấy kinh cũng chẳng còn lời...

Tôi đọc bài thơ này mấy lần, và cảm nhận một nỗi buồn rất mực trong vắt khi cõi người được trang kinh chiếu soi, một nỗi buồn rất mực lặng lẽ và ẩn mật. Cõi người của chúng ta dù đẹp thế nào, dù đẹp như tranh, vẫn là một nỗi buồn như thế. Những người bạn thân đã lần lượt bước vào cõi thanh tịnh quang, để lại tiếng đàn vọng xa như lời thiên cổ, để lại những tấm tranh ngời sáng chân như, để lại

hình ảnh trời buồn như mắt dân Chiêm, để nàng ghen lời những tiếng à ơi, để riêng mình nhà thơ ngồi giữa cõi quạnh hiu...

Nhưng có ai trên đời này rời được cõi quạnh hiu? Phải đâu chỉ một nhà thơ Lữ Quỳnh? Không phải sao, chúng ta thực sự chỉ là những thoáng chớp "nắng vàng bên đời xa"?

Đối với nhà thơ Lữ Quỳnh, anh có một câu trả lời bằng thơ, rất đậm đậm, rất dịu dàng, rất trong vắt, và rất ẩn mật. Đó là bài thơ viết theo thể 4 chữ, như thể văn tụng kinh, cũng với dấu lặng kiểu riêng, nơi trang 21, khởi đầu tập thơ vừa nói trên, trích toàn văn:

Bài đầu năm 2015
dành tặng Kim

*giao thừa thức giấc
nhìn vầng trăng khuya
lời ba la mật
thoảng giữa trời hương
âm âm tiếng hạc
bài kệ đầu năm
mở lòng. bát ngát
một trời sao đêm
mười trang đại nguyện
vọng từ đây tìm
con. nam mô Phật*

Khi tập thơ khép lại, âm vang thơ Lữ Quỳnh như vọng lại từ một cõi tịnh độ rất riêng, nơi như đường xa thật xa tầm với của tham sân kiếp người, nơi các trang thơ là hình ảnh những người bạn nghệ sĩ một thời, và tận cùng là một khát vọng bước qua bờ bên kia – như hai câu cuối trong bài thơ "bờ kia" ở trang 33, trong thi tập đã dẫn:

*trăm năm đợi bóng trăng từ ngàn năm
và tôi nay cũng trăng rằm.*

Nguyễn Giác



thơ DU TÂM LĂNG TỬ

NÔNG NỔ TRẢ-VAY

Mang mang cố quận xanh màu
Sa-bà một cõi bẽ dâu đã dày
Phù sinh nông nổi trả-vay
Tình-mê một cuộc nói cười dở dang

ĐỜI ĐƠN GIẢN

Lạc an giữa sát-na này
Sống hoan hỷ giữa tháng ngày cần lao
Phù hoa dù có xô xao
Đời đơn giản đẹp lòng nao nao lòng

LIÊU TRAI

Ngẩn ngơ sống
cái hình hài
Nhớ thương chẳng dặng
ai hoài chi ai
Tàn đêm mộng寐 liễu trai
Hương thừa còn đó tóc mai còn cầm.

BÓN BÈ XUÂN XANH

Mùa xuân con bướm lượn vành
Sắc xuân nàng nhé trên cành thiên hương
Con mơ này mộng miên trường
Người đi nắng đỏ con đường vàng hoa
Cửa thiền mây dậm mà xa
Phù hoa phổ hội người ta lầy lờng
Độ nhiên vui quá vui chùng
Mùa xuân nàng nhé đã từng nguyên sơ
Tôi xa nguồn cõi chưa về
Như Lai thường trụ bốn bề xuân xanh.

THƯƠNG CHỮA NGUÔI

Mắt đã phai màu thương chữa nguôi
Người ta mong đợi cuối chân trời
Tương tư ôm mãi niềm tâm sự
Thơ thân đi hoang giữa cuộc đời.

THƯƠNG TRẺ BỤI ĐỜI Ở QUÊ NHÀ

Đời chật chội hẹp hòi không dung nổi
Trẻ mồ côi lầy lắt sống thiếu tình thương.
Ngày vất vưởng ở đâu đương xô chợ
Và đêm về trong lạnh lẽo bơ vơ
Đời hẩm hiu đầy đọa những em thơ
Tôi muốn hỏi vì đâu mà nên nổi?
Đã không biết bao lần tìm đau nhói
Thương làm sao, chẳng biết nói làm sao.
Đất thâm sâu, trời thì ở trên cao
Ta hỏi người, người chẳng hề lay động!
Tháng năm dài mãi miết sống bon chen
Sống vị kỷ, tâm địa thật nhỏ nhen.
Nhưng em ơi đời chưa từng tuyệt vọng
Đây đó còn nhiều những tâm lòng son,
Bảo trợ, cứu mang... tìm nhân hậu chứa chan
Xin đa tạ trái tim vàng nhân ái
Này em ơi niềm tin vẫn mãi còn.

MỘNG TÀN CANH

Đêm du tử giữa trời sao xán lạn
Hồn rong rêu lãng đãng tự bao giờ
Đèn vũ trụ như mơ trong mắt khách
Hồn mang mang lạc mãi cõi hoang đàng
Đêm dập dềnh theo sóng nhạc cuồng quay
Nồng nàn hơi và ấm áp vòng tay
Khí huyết rần rần những phút mê say
Tù ngục phá tan lũy thành bốc cháy
Sống ngọt ngọt giữa cuộc đời chật chội
Tháng ngày qua mòn mỏi cõi trăm năm
Giữa ngàn hà ta nằm một tàn canh
Thân du tử bất cần e gió bụi
Hồn lênh đênh quên cả lối đi về.

Georgia, 2016



Tháng Tư, tìm người mất xác

HUỲNH KIM QUANG



Buổi sáng hôm ấy, bầu trời trong veo. Mặt trời vừa lên khỏi rặng tre sau vườn nhà. Những tia nắng đầu ngày rơi qua giọt sương mai lóng lánh chưa kịp tan còn đọng trên đầu ngọn cỏ xanh mơn mớn. Tiểu thể giới bình an và kỳ diệu lặng lẽ có mặt giữa đất nước loạn ly đang ở vào những ngày tuyệt vọng giấy chết!

Đó là một ngày đầu tháng 4 năm 1975, khoảng vài mươi ngày trước khi Sài Gòn thất thủ. Trong buổi sáng hôm đó gia đình tôi nhận được hung tin. Người anh thứ Bốn của tôi đã bị Cộng Sản giết tập thể cùng với hơn một trăm hai mươi quân cán chính Việt Nam Cộng Hòa khác tại Núi Đất, Xã Hòa Định, Quận Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên.

Cha tôi kêu người anh thứ Bảy và tôi cùng đi đến đó để tìm xác anh tôi mà đem về chôn. Chúng tôi đi bộ. Con đường đất dài khoảng 3, 4 cây số. Từ nhà tôi đi dọc theo hướng tây con mương chạy theo Đường Liên Tỉnh Lộ 7 đến Mương Số 1 thì quẹo phải rồi băng qua cánh đồng rộng để vào chân Núi Đất.

Mới vừa tới đầu Mương Số 1 thì đã thấy nhiều người đi ngược đi xuôi. Kê thì khóc than, kêu la thảm thiết. Người thì khiêng xác được bó lại trong những chiếc chiếu hay miếng nhựa cột hai đầu treo dưới đòn gánh bằng tre.

Lúc đến bìa rừng gần nơi bãi xác người thì bắt đầu ngửi được mùi tử thi xông lên nồng nặc. Đến khi vào tới chỗ hiện trường bãi đất xử bắn thì mùi tử thi bốc lên không thể nào ngửi được nữa. Cha tôi đã đưa cho anh tôi và tôi mỗi người

mỗi tấm vải và chai dầu Song Thập. Ông kêu đổ dầu lên vải rồi bịt vào mũi để đánh tan bớt mùi hôi. Tôi làm theo. Đổ dầu lên miếng vải rồi lấy một tay bịt vào mũi. Mới đầu thì còn nghe mùi dầu nhưng chỉ trong chốc lát thì mùi dầu như bay hết, chỉ còn mùi xác chết thối rửa nặng kinh khủng. Ngày thường, nếu đổ dầu Song Thập mà hít vào mũi như vậy là ngộp thở ngay vì mùi dầu rất nặng. Nhưng vì lúc đó không còn thần trí đâu để ngại ngùng chuyện hôi thúi mà chỉ để tâm đến việc tìm xác anh tôi, nên đành chịu trận như thế cho tới khi về.

Trước mắt tôi một bãi đất trống rộng khoảng gần một nửa sào đất nằm ngay bìa rừng, bao bọc là nhiều hầm dã chiến dấu đất đào còn mới với chiều sâu khoảng nửa thước. Chung quanh miếng hầm là những vỏ đạn văng tứ tung. Còn có cả những dây điện và mảnh vỏ trái mìn Claymore bị nát ra sau khi nổ banh. Xác người nằm la liệt, ngổn ngang, rời rạc hay chất chồng lên nhau. Có xác nằm úp mặt xuống đất. Có xác nằm ngửa mặt lên trời. Có xác nằm gục lên xác người khác. Những xác này bị cột tay treo ra sau lưng tử người này sang người khác. Nhưng hầu như, tất cả xác đều bị rã, không một người nào còn đủ nguyên hình dạng để nhận ra. Thân nhân chỉ còn xem quần áo và giấy tờ tùy thân, nếu có, là chứng vật để nhận dạng người chết. Nghe nói, họ đã bị giết trước đó khoảng mười ngày, tức là vào đêm đầu tháng 4, và mấy ngày sau thì

bị một cơn mưa lớn làm xác chết rửa ra, không còn nguyên dạng nữa. Hôm đến đó, tôi mang đôi dép xẹp. Khi đi tìm xác anh tôi thì đạp lên những lớp bầy nhầy, nhão nhoẹt như bùn mà thật ra là thịt rã ra thấm vào đất, ngập cả bãi cỏ, nên khi người đi qua thì thành lớp bầy nhầy, hôi thối không thể tả. Những xác người chỉ còn lại xương và quần áo không nguyên vẹn, có xác, thịt da chưa rã hết hoàn toàn sinh lên. Những bộ xương sọ với hàm răng hà ra thật to, có vẻ như khi chết họ la ó dữ lắm.

Ba cha con tôi tìm mãi, lật từng xác người, xem từng bộ đồ, lục từng túi áo để xem có giấy tờ gì của anh tôi không, mà không thấy. Tim khắp mọi nơi trong bãi đất xử bắn cho đến trưa xế thì chúng tôi quyết định không tìm nữa vì không còn gì để tìm. Cha tôi nói phải biết chính xác là anh tôi thì mới dám đem về chôn, chứ nếu không thì mình sẽ lấy nhầm xác của người khác là không nên. Vì vậy chúng tôi ra về. Lúc đó người vẫn còn ra vô để tìm xác thân nhân. Nhiều người lăn lộn bên xác chết của thân nhân vừa tìm được, khóc than thảm thiết.

Lần đầu tiên trong đời, tôi nhìn thấy cảnh tượng kinh hoàng của sự tàn ác do con người gây ra cho nhau. Trước đó, tôi từng đọc kinh Phật diễn tả về cõi địa ngục mà trong đó chúng sinh chịu nhiều cực hình đau khổ cùng cực, nhưng không hình dung ra được cảnh trạng đó thực sự như thế nào. Hôm đó tôi nghĩ địa ngục dù có kinh hoàng tới đâu thì chắc cũng cỡ này. Nhìn tận mắt thảm nạn bị thương tàn khốc này tôi cảm thấy chủ nghĩa

cộng sản, con người cộng sản quá tàn ác, dù lúc ấy tôi mới chỉ là một đứa trẻ vị thành niên.

Trên đường về nhà, cả ba cha con tôi đều im lặng không nói gì, không ai khóc, dù ruột gan tôi và chắc hẳn ruột gan cha tôi và anh tôi cũng đều đau đớn không cùng tận như bị dao cắt đứt từng đoạn.

Người anh vừa mất của tôi tên Huỳnh Công Úc, là người anh thứ Bốn trong nhà. Cha mẹ tôi sinh ra mười người con, nhưng ba người vẫn sống sót trước, còn lại bảy người, bốn gái, ba trai. Lúc anh mất chừng khoảng ba mươi ba tuổi. Nhà nghèo, anh chỉ học tới lớp Ba gì đó thì phải nghỉ học để phụ giúp cha mẹ lo cho gia đình. Khi đến tuổi đi lính, anh nhập ngũ vào ngành cảnh sát quốc gia. Vì không có bằng trung học, anh chỉ là một cảnh sát viên quen về làm việc tại trụ sở xã ở địa phương. Anh nóng tánh nhưng rất thương yêu gia đình và các em. Anh thay cha tôi dạy em rất nghiêm. Tôi nhớ hồi nhỏ mỗi lần có khách đến nhà là lũ em chúng tôi bị anh bắt ra vòng tay, cúi đầu, thưa hỏi đàng hoàng. Hồi bé, mấy anh chị em nhỏ chúng tôi hay gọi nhau bằng 'mày-tao' nên bị anh đánh đòn bắt phải xưng hô 'anh-chị' theo thứ lớp. Tôi là đứa em trai út lúc nhỏ hay nghịch ngợm nên bị anh la và đánh đòn hoài. Anh có gia đình được năm đứa con, ba gái, hai trai, đứa lớn nhất lúc đó chừng 6, 7 tuổi, đứa nhỏ nhất mới sinh được mấy ngày trước khi anh đi trình diện và bị giết.

Tôi nhớ trước cuộc triệt thoái của Quân Lực VNCH từ cao nguyên xuống Tuy Hòa qua đường Liên Tỉnh Lộ 7 vào giữa tháng 3 năm 1975, hôm đó trên đường chờ tôi từ nhà xuống thành phố học, anh tôi nói như trăng trời, kêu tôi ở lại chăm sóc cho cha mẹ và gia đình, còn anh thì chắc phải bỏ đi không thể ở lại được nếu CS vào đây. Nhưng rồi, ngày 01 tháng 4 năm 1975, khi CS chiếm tỉnh Phú Yên thì anh

vẫn còn ở lại. Một hai ngày sau được lệnh CS kêu đi trình diện và sẽ được tha cho về trong vòng mười ngày. Ngày đi trình diện vì nghĩ rằng mười ngày sau là về nên anh chỉ đem theo một bộ đồ dự phòng gì đó, tôi không nhớ rõ. Cho đến khoảng mười ngày sau, thay vì nhận tin anh được thả về thì gia đình lại hay tin anh bị giết cùng với khoảng trên 120 quân-cán-chính VNCH mà trong đó gồm các viên chức dân quân cán chính xã, thôn tại địa phương. Tin anh chết cũng không được chính quyền chính thức loan báo cho gia đình biết mà do bà con có thân nhận đi học tập bị giết cùng chỗ với anh lên báo tin cho nhau nghe để đi tìm xác.

Khi ba cha con tôi về tới nhà từ chỗ tìm xác anh tôi thì thấy ở nhà mọi người đang buồn rầu, khóc lóc bi thảm. Rồi vài ngày sau nhà tôi thỉnh Thầy về làm lễ cầu siêu cho anh tôi. Hôm đó, trong lễ cầu siêu tổ chức nội bộ gia đình, cha mẹ tôi ghen ngào vì cảnh người tóc bạc đưa người tóc xanh. Đó là cảm trạng chung của những bậc cha mẹ trong thời chiến tranh! Có lẽ đa phần các gia đình Việt Nam đều trải qua kinh nghiệm đau thương này. Có gia đình mất mát tới mấy người con trai. Nhưng điều trở trêu là anh tôi không phải hy sinh trong chiến trận, nơi sa trường mà bị giết một cách mờ ám và tàn ác lúc đã quy hàng và trên tay không có gì để tự vệ, chứ đừng nói để hại người.

Trong vụ này, gia đình người con trai của bà Di Năm, chị ruột của mẹ tôi, bốn cha con đều bị giết, gồm ông cha, hai đứa con trai và một người con rể.

Sau khi anh tôi chết, cha mẹ tôi buồn rầu đến sinh bệnh. Mẹ tôi hầu như tối nào cũng khóc thương vì nhớ và tội nghiệp cho người con trai bạc mệnh. Sức khỏe cha tôi suy yếu dần đến năm 1981 thì qua đời ở tuổi 66.

Bằng đi một thời gian độ

mấy tháng sau vụ anh tôi chết, tức là sau 30 tháng 4 năm 1975, bỗng một hôm tôi nghe mẹ tôi nói ở ngoài người ta đồn anh tôi đã thoát chết trong đêm định mệnh đó và trốn chạy được. Mẹ tôi kể, dĩ nhiên, chỉ cho gia đình nghe, có người nghe nói đêm đó anh tôi đã trốn được và thuê xe thô chở xuống thành phố rồi đi thẳng vào Nam. Với tâm trạng thương nhớ anh tôi vừa mất, thì đối với gia đình tôi tin này là một điều gì đó vừa bất ngờ, vừa vui mừng khôn tả. Cả nhà tôi bàn tán với nhau suốt ngày về tin này và chỉ cầu mong anh tôi còn sống. Tuy nhiên, tin đồn này lại làm cho chính quyền địa phương để ý và theo dõi. Đạo đó tôi nghỉ học và ở nhà, nên biết rõ chuyện này. Nhiều đêm lúc về khuya chung quanh nhà có tiếng động và có người rình rập theo dõi. Chắc chính quyền muốn biết có phải anh tôi còn sống thực hay không.

Sau nhiều ngày suy nghĩ, mẹ tôi quyết định đi tìm anh tôi. Tánh của mẹ tôi là vậy. Một khi bà đã nghe đồn về chuyện anh tôi thoát nạn trốn vào Nam thì không tài nào bà không đi tìm. Tôi nhớ, trước năm 1975, lúc anh Bốn tôi học cảnh sát ở quân trường Đà Lạt, mẹ tôi nhớ con mà đã lên tận đó để thăm, dù anh ấy chỉ đi học có mấy tháng. Khi anh Bảy tôi đi lính bị thương ở chiến trường Dakto-Tân Cảnh thuộc tỉnh Kontum, mẹ tôi cũng lặn lội lên đó để thăm. Sau năm 1975, chính xác là năm 1985, lúc tôi bị tù vượt biên ở Trà Vinh, mẹ tôi dù đã già yếu cũng một mình vào Sài Gòn nhờ người quen dẫn xuống đó để thăm tôi.

Kỳ này, mẹ tôi kêu anh Bảy tôi và tôi đi theo. Ba mẹ con khăn gói lên đường đi tìm anh tôi, dù không biết là đi đâu để tìm. Có lẽ trong đầu mẹ tôi đã có chủ hướng đi đâu tìm rồi. Còn tôi, đó là lần đầu tiên đi ra khỏi tỉnh mà lại đi thật xa nữa. Với tôi đó là chuyến đi đầy thích thú và hy vọng, thích thú vì được đi xa, hy vọng vì mong tìm được

người anh. Chúng tôi xuống thành phố, đón xe đò đi vào Nam mà trạm dừng đầu tiên là Cam Ranh. Tôi nhớ khi tới Cam Ranh thì trời xế chiều. Ba mẹ con vào một cái vườn xoài bên đường quốc lộ và xin ở nhờ một đêm rồi sáng mai đi tiếp. Người chủ vườn xoài lòng dạ thật tốt đã cho chúng tôi ở tạm qua đêm. Ở đó chúng tôi hỏi thăm người ta xem những chỗ nào có người mới đến lập nghiệp thì đi tới kiểm. Người ở đây mách cho biết ở Bình Tuy, Long Khánh có nhiều chỗ dân từ ngoài mới vào khai khẩn đất đai lập nghiệp đông lắm. Ba mẹ con tôi nghe nói thế nên sáng mai lại đón xe đò xuôi Nam tiếp tục. Trên đường đi, chúng tôi bạ đâu ăn đó, hề tới giờ ăn mà đói bụng thì mua thức ăn dọc đường mà ăn. Nhiều khi tới giờ ăn, bụng đói nhưng xe đang chạy không có trạm dừng thì cũng đành nhìn đói. Cái ăn, cái ngủ vì vậy thật là thất thường và không đầy đủ trên suốt mấy ngày đi tìm anh tôi.

Vào đến Bình Tuy thì mặt trời đã gần xuống núi. Ba mẹ con tôi xuống xe ở đây và đi bộ vào khu dân cư mới lập nghiệp. Nhà cửa còn sơ sài, cả vách và mái đều làm bằng rạ. Đất đai vườn tược mới khai khẩn. Cây cối còn thưa thớt. Những miếng đất tranh rừng bị đốt cháy đen còn chờ mưa xuống để cày vỡ lên mà trồng trọt. Buổi chiều nhìn những cột khói bốc lên từ những mái tranh nhà bếp thô sơ ở quê người làm tôi nhớ nhà. Vào xóm, chúng tôi xin tá túc ở nhà một cặp vợ chồng có 2 con nhỏ cũng từ miền Trung mới vào lập nghiệp. Có lẽ thông cảm cảnh ly hương mà họ trải lòng dung chấp, dù chỉ một đêm ở tạm. Đêm đó mẹ tôi trò chuyện và hỏi thăm những người ở đây để tìm tung tích của anh tôi. Ngặt nỗi, chúng tôi không dám nói thật về tình trạng của anh tôi nên cũng chẳng tìm ra được manh mối gì.

Sáng hôm sau, ba mẹ con chúng tôi lại đón xe đi tiếp vào Nam. Tới Long Khánh lúc trời

chiều. Chúng tôi xuống xe đi bộ dọc theo đường quốc lộ để dò thăm tin tức. Chỗ nào có nhà cửa mới dựng lên thì chúng tôi đều vào hỏi thăm. Đi tới gần tối thì gặp một ngôi chùa. Chúng tôi vào chùa xin nghỉ nhờ một đêm. Thầy trụ trì, lâu quá tội không nhớ đạo hiệu của Thầy, hỏi thăm và biết chúng tôi từ xa đến cả ngày đói bụng nên đã cho ăn bữa cơm chay thật ngon miệng. Khuya hôm đó nằm nghe tiếng chuông chùa ngân vang vào thời khóa tỉnh chung buổi sáng mà nhớ nhà, nhớ tiếng chuông chùa ở làng quê mình.

Với tình hình mấy bữa rồi lang thang đi tìm khắp nơi mà tin về người anh tôi vẫn biệt vô âm tín, như mò kim đáy biển, mẹ tôi quyết định không đi tìm nữa và trở về nhà. Sau một đêm ngủ nhờ cửa Phật, sáng hôm sau chúng tôi ra đường quốc lộ đón xe đò về nhà. Lúc ra đi chúng tôi mang theo hy vọng bao nhiêu thì khi trở về lòng dạ buồn đau tuyệt vọng bấy nhiêu.

Tin đồn anh tôi thoát nạn ở Lù Ba vẫn còn lưu truyền trong bà con làng xóm một thời gian sau đó. Nhưng mẹ tôi đã không còn có ý định đi tìm anh tôi nữa.

Với tôi, chuyện này vẫn cứ đi theo mãi. Cuối năm 1986, lúc đi vượt biên tới được đảo Pulau Bidong ở Mã Lai Á, tôi cũng đã có thăm dò và gửi danh sách tìm người mất tích cho Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc nhờ tìm nôm. Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc vào thời đó có chương trình giúp người tị nạn tìm kiếm thân nhân mất tích. Ngay cả những năm tháng mới đến Mỹ, tôi cũng thường nghe ngóng tin tức về anh tôi, nhất là trong các sinh hoạt của những hội đoàn cựu quân cán chính VNCH.

Nhiều khi nghĩ đến chuyện này tôi thấy mình như mâu thuẫn. Một mặt thì tự thân tôi cũng biết là anh tôi khó thoát chết trong vụ thảm sát đó rồi. Hơn nữa nếu anh còn sống thì chắc anh cũng

đã liên lạc về gia đình bằng cách này hay cách khác, chứ chẳng lẽ anh không còn nhớ đến gia đình hay sao. Nhưng mặt khác thì dường như trong chỗ sâu kín của tâm tư tôi đôi khi cũng lóe lên một tia hy vọng mong manh rằng anh tôi còn sống. Giả như lúc mấy cha con tôi đi tìm mà thấy được xác anh tôi thì chắc hẳn chuyện này đã kết thúc ở đó.

Thế mới biết, ở cõi đời vô thường này có thứ mình muốn quên đi mà chưa chắc đã quên được dễ dàng. Giống như trong Duy Thức học của Nhà Phật có nói đến trường hợp "lạc tạ ảnh tử" — chúng tử kết sinh từ cái bóng rớt lại—trong A Lại Da Thức. Chỉ một cái bóng—của cánh hoa rơi, của ánh chiều tà, v.v... —thoảng qua ở một khoảnh khắc nào đó trong đời, vậy mà còn mãi trong tâm, có khi mang theo tử kiếp này đến kiếp khác nữa. Huống gì là cái chết đau thương của người anh ruột!

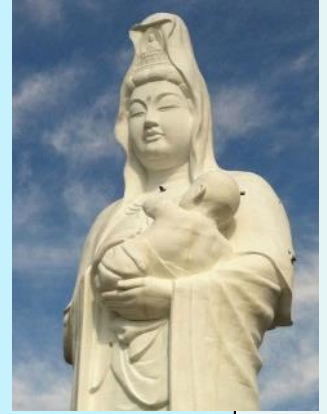
Nhưng bao năm trôi qua tôi cũng không còn nghe tin tức gì về anh tôi. Mọi thông tin về anh tôi như đã cùng với xác thân anh im lặng nằm sâu trong lòng đất.

Chắc bây giờ anh đã tái sinh thành một gã đàn ông trung niên bảnh bao, khí phách ở đâu đó trên cõi đời này. Biết đâu tôi đã từng gặp người đàn ông này mà chẳng quen biết gì nhau.



HIỂU VÀ THƯƠNG TRẺ TỰ KỶ CHÙA HỘI PHƯỚC THẮP SÁNG ĐÈN XANH DƯƠNG (LIGHT IT UP BLUE)

Thánh Minh



NEW MEXICO: Ngày 02 tháng 4 năm 2016, nhân kỷ niệm khánh vía Bồ Tát Quán Thế Âm, Chùa Hội Phước New Mexico hòa đồng cùng hàng triệu người trên thế giới sẽ thắp sáng đèn xanh dương (Light it up blue) cùng nhau truyền tải thông điệp hiểu và thương đến cộng đồng tự kỷ. Lạy Phật Quán Âm gia hộ mọi người sống bình an và cầu nguyện cho những người bệnh sớm được cải thiện để phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân, sống hạnh phúc và có ý nghĩa.

Kính mời quý đồng hương, quý phật tử về Chùa Hội Phước, tọa lạc tại địa chỉ **8624 Zuni Rd, SE, Albuquerque NM 87108** để tham dự và góp lời cầu nguyện.

Được biết theo thống kê năm 2015, tại Hoa

Kỳ trung bình cứ 68 trẻ sinh ra thì trong đó có 1 đứa trẻ mắc tự kỷ (Autism) và khoảng 70 triệu người trên toàn thế giới. Hội chứng tự kỷ là một rối loạn thần kinh có ảnh hưởng đến sự phát triển của não, làm cản trở giao tiếp và tương tác của một người. Hội đồng thế giới y khoa đã minh định điều đó. Nhưng trên đời này, có nhiều ánh mắt vẫn chưa hiểu, có những ánh nhìn quá khắt khe và tỏ thái độ khinh bỉ, kỳ thị người tự kỷ; trách móc cha mẹ có con tự kỷ là ăn ở ác độc và gia đình vô phúc. Những lời nói tưởng chừng vô thưởng vô phạt đó đã làm khổ cho những người cha, người mẹ thêm hoang mang và dễ dẫn đến trầm cảm. Do đó, từ năm 2007, Liên hiệp quốc chọn ngày 02/4 hằng năm là "Ngày Thế giới nhận thức về chứng tự kỷ" nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về hội chứng này.

Nghị quyết **Ngày Thế giới Tự kỷ Nhận thức (WAAD - World Autism Awareness Day)** có bốn thành phần chính:

- 1) Chọn ngày 02 Tháng Tư hàng năm là WAAD.
- 2) Sự tham gia của các tổ chức LHQ, các nước thành viên, các tổ chức phi chính phủ, tư nhân và công cộng trong WAAD.
- 3) Nâng cao nhận thức của chứng tự kỷ trên tất cả các cấp trong xã hội.
- 4) Tổng thư ký nên cung cấp thông điệp này đến các nước thành viên và tất cả các cơ quan khác của Liên Hiệp Quốc. Cuối cùng, có một trang web "Ngày Thế giới Nhận thức Tự kỷ" để cung cấp tài liệu và đề xuất về cách tham gia vào WAAD cũng như một danh sách các hoạt động hiện tại của quốc gia khác nhau và các tổ chức đang tiến hành để kỷ niệm WAAD.

Tổng thư ký liên hiệp quốc, ông Ban Ki-Moon đã phát biểu: "Ngày thế giới nâng cao nhận thức về bệnh tự kỷ là cơ hội để chúc mừng những tư duy sáng tạo của con người đối

When someone says a child with autism can be hard to connect with, I smile and reply, "You can be sure she feels the same way about you."

Ellen Notbohm
www.ellennotbohm.com

Photo: Halfpoint
dollarphotoclub.com

với các chứng rối loạn tự kỷ, và cũng là cơ hội để chúng ta đổi mới cam kết nhằm mục đích giúp các bệnh nhân tự kỷ nhận ra các tiềm năng to lớn của chính họ." và ông đã nói, "Tôi trân trọng những cuộc gặp gỡ của tôi với các cá nhân bị ảnh hưởng bởi bệnh tự kỷ - bao gồm cha mẹ, trẻ em, giáo viên và bạn bè. Sức mạnh của họ là nguồn cảm hứng cho mọi người khác. Họ xứng đáng có được tất cả các cơ hội có thể dành cho giáo dục, việc làm và hội nhập."

Suzanne và Bob Wright, 2 nhà đồng sáng lập Autism Speaks đã phát biểu: "Cả thế giới xích lại gần nhau trong một tiếng nói mạnh mẽ thông qua **Light It Up Blue**. Chúng ta phải cùng nhau truyền tải một thông điệp cho tình thương, sự cảm thông và hy vọng cho cộng đồng tự kỷ trên toàn cầu bằng các chiến dịch hỗ trợ toàn diện đáp ứng như cầu của họ trong suốt cuộc đời." Tin vui ấy ngày càng lan nhanh, Ngày 02 tháng 4 năm 2015 có nhiều tổ chức và cá nhân đang tích cực hơn giúp nâng cao nhận thức về hội chứng này. Bức tượng Phật tại Hyogo (Nhật Bản) được phủ một màu xanh để kỷ niệm **Tháng Nhận thức về Tự kỷ**. Hơn 2.000 danh thắng trên thế giới được "chuyển" thành màu xanh trong chiến dịch "Light It Up Blue," đánh dấu sự kiện hướng về người tự kỷ.

Bồ tát Quán Thế Âm là hiện thân của tình thương và hiểu biết, là đấng mẹ hiền, luôn luôn lắng nghe và hiểu rõ những gì mà đàn con đang gánh chịu. Kỷ niệm khánh vía của Ngài là dịp chúng ta thực tập trở về với thông điệp Hiểu và Thương. Hiểu những người bị chứng tự kỷ có tiềm năng rất lớn. Hầu hết họ đều có các kỹ năng đáng chú ý liên quan đến thị giác, nghệ thuật hay khoa học. Thương vì họ thiếu may mắn, khác biệt với chúng ta từ đó có những ánh nhìn không thiện cảm của xã hội. Chúng ta hãy cùng nhau thắp lên một ngọn đèn xanh, một ánh mắt cảm thông, hiểu và thương để cuộc sống của những người thiếu may mắn và gia đình bớt khổ thêm vui. Chùa Hội Phước cung kính dâng lên đấng mẹ hiền tâm thanh cứu khổ trong ngày kỷ niệm khánh vía với những ngọn đèn màu xanh sẽ được tỏa sáng trong mùa lễ hội năm nay.

Thánh Minh



KẺ CÙNG TỬ

*Lang thang cùng tử đến phương này
Tứ xứ lạc loài con bóng quay
Đá cuội trở mình phơi nắng hát
Rong rêu chớp mắt vượt cành lay
Đêm nay tri kỷ chơi vườn mộng
Ngày nọ tình bằng sánh rượu cay
Rụng xuống bờ vai vài sợi trắng
Nghiep duyên điên đảo cánh diều bay.*

GỖ CỬA MÙA XUÂN

*Mùa xuân trên đầu ngọn cỏ
Lộc xanh uơm cánh trâm cài
Rớt rơi sợi vàng tơ óng
Điệu đà giục giã tim ai
Bên giàn cúc quỳ nở chậm
Nhạn xuân vỗ cánh inh tai
Chạm ngõ rừng mai cửa mở
Trăng non rơi đậm bờ vai.*

TV An Lạc, Xuân Bình Thân

thơ

LÊ PHƯƠNG CHÂU

Mưa bóng mây

HẠNH CHI

Thời gian thường được đánh dấu bằng những con số. Đầu năm này, cuối năm kia, giữa năm đó...

Những dấu mốc thời gian đặt ra để làm gì khi người ta chẳng thể khiến nó nhanh hay chậm theo ý muốn? 2011 có ý nghĩa gì với 2010? Hay, 2016 lưu dấu gì về 2015?

Mọi lời chúc tụng đẹp đẽ thường được trao cho nhau trong phút giao mùa, giữa dấu mốc này với dấu mốc kia. Nhưng đã có bao nhiêu lời đẹp đẽ được thành tựu, và bao nhiêu khổ đau muốn lánh xa mà lại cứ chông chát lên năm tháng?

Tôi đang ở Xóm Mới, tỉnh lỵ Dieulivol, Pháp quốc, một trong bốn Xóm thuộc trung tâm tu học pháp môn Làng Mai.

Một ngày cuối năm, mặt trời đang ẩn trong mây. Mặt trời chắc hẳn có đó, đã ứng hồng. Mặt trời chỉ đang bị mây xám che thôi. Có vẻ như mây muốn mang đến một chút mưa, những giọt mưa cuối năm. Người người và vạn hữu đều muốn có mặt với nhau những thời khắc đặc biệt này.

Cảm nhận thể thời, là đã muốn khóc! Nước mắt cũng muốn có mặt để được ghi nhận là những giọt nước mắt cuối năm ư? Chắc không phải đâu! Nước mắt rơi suốt cuộc nhân sinh rồi, cần chi ghi nhận thời khắc nào!

Quấn thêm chiếc khăn len, mở cửa phòng ăn và bước ra lối sỏi ngang qua Phật-đường. Những bước thiền hành một mình bỗng rưng rưng lệ.

Quả thật, lòng tôi đang

thổn thức quá! Thôi thì, tôi hãy cho tôi được khóc thêm một lần nữa, hồ lệ nhân gian có khi nào với, nên rót thêm đôi dòng lệ cuối của khách tăng lang thang này, chắc cũng chỉ làm gợn sóng chứ chẳng thể tràn hồ.

Gió từ đâu bỗng cuốn cuộn lộng về. Không phải gió nơi đồng bằng, trong thành phố hay trên non cao. Đây là gió bên bờ đê sông Hồng, trên nửa thế kỷ qua. Ngọn gió này lạnh lẽo và buốt giá thấu tâm can. Chòm râu bạc của ông nội cũng phất phơ theo gió. Nội đưa tay, đẩy nhẹ cha, rồi đẩy nhẹ mẹ, và thăm thì:

- Đi đi, đi đi các con, các cháu! Đi mau đi! Ráng nuôi lũ nhỏ nên người!

Rồi nội quay lưng, về phía cổng làng Phương Viên. Cha tôi dợm bước theo. Nội không nhìn lại, nhưng có lẽ nghe tiếng chân thì đã biết, nên vừa rảo bước nhanh hơn, nội vừa cất tiếng, cương quyết hơn:

- Đi đi, nghe lời bố, đưa lũ nhỏ đi mau đi!

Mẹ tôi òa lên khóc. Cha tôi chấp tay, lạy phía sau lưng ông nội rồi quay bước, nhưng nước mắt cũng đã ràn rụa. Cha bế bổng hai em trai tôi trên hai tay. Mẹ dắt tôi và em gái. Chúng tôi vội vã đi trên bờ đê mấp mô, ngược phía về làng Phương Viên, trong tiếng nức nở của mẹ, tiếng nấc nghẹn ngào của cha! Mỗi bước đi là mỗi bước xa làng, xa quê, xa nội

Những đám mây xám trên vòm trời Xóm Mới đang xuống thật thấp. Tuy mặt trời

còn đó, vẫn lẩn trong mây, nhưng tôi biết sẽ mưa! Con đường giốc nhỏ từ gác chuông, qua rừng mai, dẫn lên đồi nhỏ không có một nơi trú ẩn. Nếu bây giờ không quay về xóm ngay, khi mưa xuống, tôi sẽ ướt đẫm!

Biết thế, nhưng tôi vẫn chậm rãi, thông dong lên đồi.

Bây giờ trên đồi có gì đâu! Chỉ là những bãi cỏ xanh xen giữa những thân nho trơ cành trụi lá. Vậy mà, tôi như nghe tiếng gọi của cha trên đó.

Vâng, con sẽ lên. Con đang lên với cha đây. Trên ba thập niên rồi, con không được gặp lại cha. Cha ơi, từ ngày cha vâng lời nội, dắt díu mẹ và chúng con từ Bắc vào Nam, cha đã dành trọn cuộc đời mình để phụng sự lý tưởng tự do; cũng như cùng mẹ, nuôi nấng, dạy dỗ chúng con nên người. Hai chữ Tự Do này đã cho chúng ta đời sống có ý nghĩa, nhưng cũng chính hai chữ này đã đưa đến bao ly tan!

Nội cương quyết ở lại ngôi nhà từ-đường, nơi có tôn tượng chư Phật, chư Bồ Tát, có bàn thờ tổ tiên được thờ phụng nhiều đời. Nội ở lại nơi thân yêu đó, một mình đơn độc chịu bao đau đớn, tủ nhục, uất ức phứt cuối đời vì sự vô minh và ác độc của những người cùng nòi giống.

Hơn nửa thế kỷ trước, nội thúc giục cha mẹ đưa chúng con đi tìm tự do, thì nay, cha cũng chính là người đứng lại giữa lòng quê hương tang thương, ngược nhìn những cánh chim sắt đưa chị em chúng con bay lên cao, hướng về chân trời sáng sủa hơn.

Chúng con rời miền Nam quê hương trong tiếng khóc ngất, như cha mẹ đã khóc ngày nào trên bờ đê sông Hồng, miền Bắc

Ồi, lịch sử cứ tái diễn. Và nước mắt cứ tuôn rơi! Xin cho tôi biết, thế gian này có được bao nhiêu tiếng cười giữa đại dương mênh mông lệ chảy?

Cha mẹ không được tiễn đưa nội ra nơi an nghỉ. Tôi cũng bất hạnh như thế, khi từ nơi quê người, nhận tin cha đã ra đi, rồi mẹ đã ra đi! Chiếc



khăn tang trắng quấn lên đầu chỉ để tôi tự thấy rõ hơn sự bất hiểu của mình. Tôi biết chắc, trước phút ra đi, cha và mẹ đều cố nhìn những người thân yêu đứng quanh giường bệnh, tìm gương mặt của đứa con gái đầu lòng! Nhưng tôi đã không đủ sức mọc cánh để bay về, cầm tay cha, cầm tay mẹ, hít thở những làn hơi ấm mong manh đã tạo nên hình hài tôi, nuôi dưỡng tôi.

"Vai phải công cha, vai trái công mẹ, đi suốt kiếp cũng không trả nổi ơn nghĩa sinh thành". Tôi chưa từng công cha, công mẹ, mà trong vô minh khờ dại, có thể còn bao lần làm khổ mẹ, khổ cha! Vậy mà, trong tiếng tụng kinh cầu siêu, tôi vẫn như nghe được lời an ủi của bậc sinh thành "Con ơi, đừng khóc nữa! Con không có lỗi gì, chỉ là thời thế và hoàn cảnh khiến sui thôi. Nay cha mẹ đã gặp nạn, đã bình an rồi. Hãy nín đi, và cố gắng tiếp tục làm một người tử tế"

Những lời thương yêu vô tận này đã bùng vỡ cuồn phong trong lòng tôi, vì càng nhận thêm yêu thương thì đau đớn càng đầy, hoài mong càng nặng. Và những giọt nước mắt khôn ngăn đó đã dâng tràn hồ lệ nhân gian.

Tôi cảm nhận rõ ràng như thế khi khóc cha, khóc mẹ, tưởng như được hòa vào nước mắt ngài A Nan giữa rừng cây sa-la phút Đức Thế Tôn sắp nhập diệt! Ai hiểu những lời dạy của Đức Thế Tôn hơn ngài A Nan? Nên nước mắt A Nan đã không làm Đức Thế Tôn thất vọng, vì nước mắt đó không phải là biểu tỏ của sự đau khổ thường tình.

Nước mắt đó là tột đỉnh của tình yêu bao la, phải vỡ ra

một lần để hòa vào vạn hữu.

Đối với cha mẹ, tôi luôn là đứa con "lớn mà chưa khôn" vì thường hành xử nương theo cảm tính. Lý trí chỉ đứng nhìn mà ít khi được xử dụng. Cũng may, những cảm tính này, nếu có gánh chịu hệ lụy thì chỉ cho bản thân, khi đối được hạnh phúc cho người khác. Điều đó có nghĩa, nếu cần khóc thì tôi chỉ khóc một mình!

Tôi đang khóc một mình trên đường lên đồi nhỏ.

Trời đã bắt đầu mưa.

Mong đừng ai thấy tôi lúc này, vì tôi có thể bị nhìn như một kẻ mất trí. Không, tôi rất tỉnh táo. Tôi biết trời đang mưa, nhưng tôi không cảm thấy cần núp mưa vì trong lòng tôi, mưa gió đang tầm tã hơn nhiều. Nếu cần được khô ráo, tôi phải chuyển hóa giông bão trong lòng tôi trước đã!

Tôi đang ở rất xa bạn, xa tới mức dù có con chim nào thương tình cho mượn đôi cánh, tôi cũng không đủ sức bay về ngay. Nhưng tôi sẽ về, để cầm lấy tay bạn, nói với bạn rằng "Tôi đã về đây" Trên giường bệnh, tôi biết bạn không sợ hãi, nhưng bạn đang mong tôi về, để chia xẻ những gì không ai có thể hiểu bạn hơn để chia xẻ. Tôi biết như thế khi nghe tiếng cười nhẹ, biểu lộ sự vui mừng qua đường giày viễn liên khi bạn bất ngờ nhận ra giọng nói tôi. Tiếng cười mong chờ đó cho tôi quyết định ngay, rằng tôi phải trở về thăm bạn, trong thời gian sớm nhất tôi có thể tìm được vé bay để về.

Mưa vẫn rơi. Và tôi đã lên tới đỉnh đồi. Trên đồi, gió lộng hơn dưới xóm. Cái lạnh đang thấm vào từng tế bào. Tựa bên gốc mai, nhắm mắt, và quán tưởng bài quán "Nhận Diện Và Quán Chiếu Hạt Giông Sợ Hãi":

"Tôi thể nào cũng phải già nua; tôi không thể nào tránh thoát được sự già nua.

Tôi thể nào cũng phải bệnh; tôi không thể nào

tránh thoát được cái bệnh.

Tôi thể nào cũng phải chết; tôi không thể nào tránh thoát được cái chết.

Tất cả những người tôi thương yêu và tất cả những gì tôi trân quý hôm nay, một mai này tôi đều phải xa lìa và buông bỏ; tôi không thể nào tránh thoát được giờ phút xa lìa và buông bỏ ấy.

Tôi là kẻ thừa tự những nghiệp quả do thân, miệng và ý của tôi tạo nên; và những nghiệp quả ấy là những cái duy nhất tôi có thể mang theo với tôi sau này." (*)

Tôi không biết mình tựa gốc mai bao lâu. Tôi chỉ thở thật sâu, nhận biết mình đang thở thật sâu, đang chuyển năng lượng vô úy về bạn. Trong thâm lặng, bạn sẽ biết và sẽ nhận được. Như ngày nào, bạn lái xe miên man, đi ngược hướng hơn năm mươi dặm mới nhận ra; và quay về căn nhà nhỏ, bấm chuông. Chưa cần mở cửa, tôi đã biết người bấm chuông là bạn. Chưa cần nghe, tôi đã biết bạn sẽ nói gì.

Chúng ta thực sự tìm thấy nhau từ phút giây kỳ diệu đó.

Mưa đã tạnh rồi bạn ạ. Mặt trời đang rực rỡ phương đông kia. Hóa ra, chỉ là những cơn mưa bóng mây, mưa để tẩy rửa ưu phiền, gạn lọc bụi bặm, theo nước mưa hay nước mắt mà tuôn ra hồ lệ nhân gian.

Trăm năm mộng寐 đời người là trăm năm thấp thoáng những cơn mưa bóng mây như thế! Chúng ta ở trong vòng quay của những trăm năm tiếp nối này, làm sao tránh khỏi những cơn mưa bóng mây chợt xuống?

Hạnh Chi

(Chiều cuối năm, hồi tưởng những đến rồi đi, những còn rồi mất)

(*) Nhật tụng thiền môn, Làng Mai biên soạn

Cứu vật, vật trả ơn Cứu nhân, nhân trả oán

THÊ THANH

(trích Truyện Cổ Phật Giáo)



Xưa có vị quốc vương nước Thiên La, là một người thông minh, nên đã trực nhận: thế cuộc vô thường nhân sanh thống khổ; liền từ bỏ ngai vàng với tình thương nhỏ hẹp để vào núi tu hành. Ở được 30 năm, bỗng một hôm có người đi săn ham đuổi theo một con nai, lỡ bước sa vào một cái hầm sâu, ở trước chỗ Ngài thường ngồi tham thiền; đồng thời có một con rắn một con chim, vì sợ hãi cũng đều rơi xuống đó, thân thể bị thương đau đớn vô cùng. Người trông lên cầu cứu kêu la thảm thiết. Vị đạo sĩ nghe tiếng kêu la, động mỗi từ tâm lấy đức soi xuống các nạn nhân đang gục đầu khóc lóc. Ngài đến bên hầm bảo rằng:

"Các người hãy yên tâm, ta sẽ cứu các người thoát nạn." Ngài liền đi kiếm dây thòng xuống, người, rắn, chim đều nhờ sợi dây đó mà lên, thoát khỏi tai nạn. Sau khi lên khỏi hầm cả ba đều thành kính lạy tạ và thưa rằng:

"Thân mạng chúng con được sống ngày nay, là nhờ lòng hoàng từ phổ độ của Ngài, vậy chúng con xin trọn đời cung cấp các vật dụng Ngài thiếu thốn, để đền đáp công ơn trong muôn một!"

Đạo sĩ nói:

"Ta là quốc vương trong một nước, trân bảo đầy kho, muốn gì cũng được, nhưng ta nhận thấy phú quý như ngọc tù, tài sắc danh vọng là chạp bầy đưa ta vào vòng tội lỗi, chúng nó là những lưỡi gươm sắc bén để giết đời ta, là những mũi tên nhọn để bắn vào tâm ta và cũng vì chúng ta

lặn hụp mãi trong biển sanh tử, chịu đủ mọi điều đau khổ. Vì thế, ta phải từ giã xuất gia học đạo, ta nguyện chứng được đạo quả Vô thượng chánh biến tri để khai hóa chúng sanh trở về giác tánh, đâu phải ba người mà thôi?" Ngài nói tiếp: "Từ nay các người đền ơn ta, không gì quý hơn quy y Tam bảo, vâng lời Phật dạy, làm các việc lành."

Người thợ săn thưa:

"Ở đời tuy có những người tích công lũy đức, làm lành tránh dữ, nhưng đâu bằng người Phật tử quên mình cứu người, mà không cần sự đền đáp của người chịu ân. Thâm ân của Ngài con không biết lấy gì đền đáp, song chỉ xin Ngài nếu thuận tiện quá bước đến nhà con, cho con cúng dường đôi chút."

Chim thưa:

"Con tên Bác, khi nào gặp việc gì cần đến con xin Ngài gọi đến tên con, con sẽ đến ngay."

Rắn thưa:

"Con tên Trành, nếu đạo sĩ có gì không hay xảy đến xin Ngài gọi tên con, con sẽ đến hầu."

Thưa rồi cả ba đều từ biệt đạo sĩ ra về. Tình cờ một hôm đạo sĩ đến nhà thợ săn, người này vì lòng gian tham ám ảnh nên vừa trông thấy Ngài đi đằng xa, vội vàng bảo vọt:

"Ngài đến kia sẽ không may cho ta, nếu ta có bảo người làm thức ăn gì để cúng dường, người hãy chậm chậm, vì quá ngọc thì ông ấy

sẽ không ăn nữa."

Đạo sĩ vừa đến nhà, hai vợ chồng thợ săn niềm nở tiếp rước, mời ở lại thợ trai nhưng dần dà nói chuyện mãi quá ngọ, Ngài phải về không.

Trở về núi thấy chim, Ngài gọi: "Bác!... Bác!..."

Chim thưa:

"Ngài ở đâu về?"

"Ta ở nhà thợ săn về."

"Ngài đã thợ trai chưa?"

"Nhà kia chưa kịp dọn thì đã quá ngọ, nên ta không ăn mà trở về đây."

Nghe vậy chim tức tối than rằng:

"Thật người quá vong ân bội nghĩa!" Rồi quay lại thưa với đạo sĩ:

"Con không biết lấy gì để cúng dường Ngài. Mời Ngài ngồi đây con đi chốc lát sẽ trở về."

Chim liền bay vào hậu cung của vua nước Bà Già, thấy Hoàng hậu nằm ngủ, trên đầu có gài hột ngọc kim cương; chim tha về dâng cúng đạo sĩ. Hoàng hậu tỉnh dậy tìm ngọc không thấy, liền tâu vua. Vua truyền sắc trong nước: người nào tìm được ngọc trọng thưởng.

Đạo sĩ khi được ngọc kim cương bèn nghĩ rằng: "Ta tu hành dùng gì đến vật này, thôi đem lại cho người thợ săn." Người thợ săn biết là ngọc của vua, bèn trời đạo sĩ đem đến nộp cho nhà vua.

Vua hỏi đạo sĩ: "Nhà người từ đâu đến mà được ngọc quý này?"

Đạo sĩ suy nghĩ: "Nếu nói sự thật thì loài chim trong cả nước này đều bị chết hết; nếu nói trộm được thì không phải

người tu hành." Ngài nghĩ vậy đành im lặng vui lòng chịu đựng sự hành phạt ngọn roi tàn nhẫn! Ngài không oán vua không thù người thợ săn. Trái lại, Ngài động lòng từ bi nên phát nguyện rằng: "Cho tôi được mau thành Phật để cứu độ các sự quả báo khổ não của anh thợ săn vì lòng tham ác đã gây nên, và tất cả chúng sanh hiện đang đau khổ." Vua truyền đem chôn đạo sĩ chừa đầu lại sáng mai để giết.

Bấy giờ đạo sĩ gọi tên con rắn: "Trần! Trần..."

Rắn nghĩ: "Trong thiên hạ không ai biết tên ta, chỉ có đạo sĩ thôi, có lẽ cần gì đến ta chăng?" Rắn vội vàng tìm đến, thấy đạo sĩ bị hình phạt như thế. Rắn đau đớn cúi đầu thưa rằng: "Vì sao Ngài bị mắc nạn này?"

Đạo sĩ kể tất cả nguyên do. Rắn rơi nước mắt thưa:

"Lòng nhân đạo của đạo sĩ rộng lớn không bờ bến, mà còn gặp tai nạn như thế này, huống gì kẻ không đạo đức, thì tai họa lại sao tránh khỏi." Rắn thầm nghĩ: ông vua này chỉ có một Thái tử rất cưng quý, ta sẽ vào cung cắn chết Thái tử rồi trở ra đưa thần dược cho đạo sĩ. Và dặn: "Hề thấy đám Thái tử đi ngang

qua, Ngài đem thuốc này cứu Thái tử, Ngài sẽ thoát nạn."

Sau khi hay tin Thái tử chết, nhà vua đau đớn vô cùng, bèn truyền lệnh: "Người nào có tài năng làm cho Thái tử sống lại, ta xin chia một nửa nước." Nhưng tất cả lương y trong nước đều bó tay. Nhà vua đành đem thân Thái tử vào núi để hỏa táng. Đám đi ngang qua bên đạo sĩ, đạo sĩ hỏi: "Thái tử đau bệnh gì mà bỏ mạng chóng thế? Hãy thông thả tôi có thể cứu sống Thái tử." Thị tùng nghe vậy vội vàng đến tâu vua. Vua rất mừng cảm động nói: "Nếu Ngài cứu sống con tôi, tôi sẽ xá tội cho Ngài và chia nửa nước để Ngài làm vua."

Đạo sĩ lấy thuốc xoa khắp thân thể, bỗng nhiên Thái tử ngồi dậy: "Vì sao ta ở đây?"

Người hầu thuật rõ mọi việc đã xảy ra. Thái tử vui mừng trở về cung. Vua giữ lời hứa chia nửa nước cho Đạo sĩ, Đạo sĩ nhất định từ khước không nhận. Khi đó nhà vua tịnh ngộ, Đạo sĩ là người đã sống ra khỏi vòng danh lợi, bèn hỏi: "Ngài ở nước nào, và được ngọc ở đâu?"

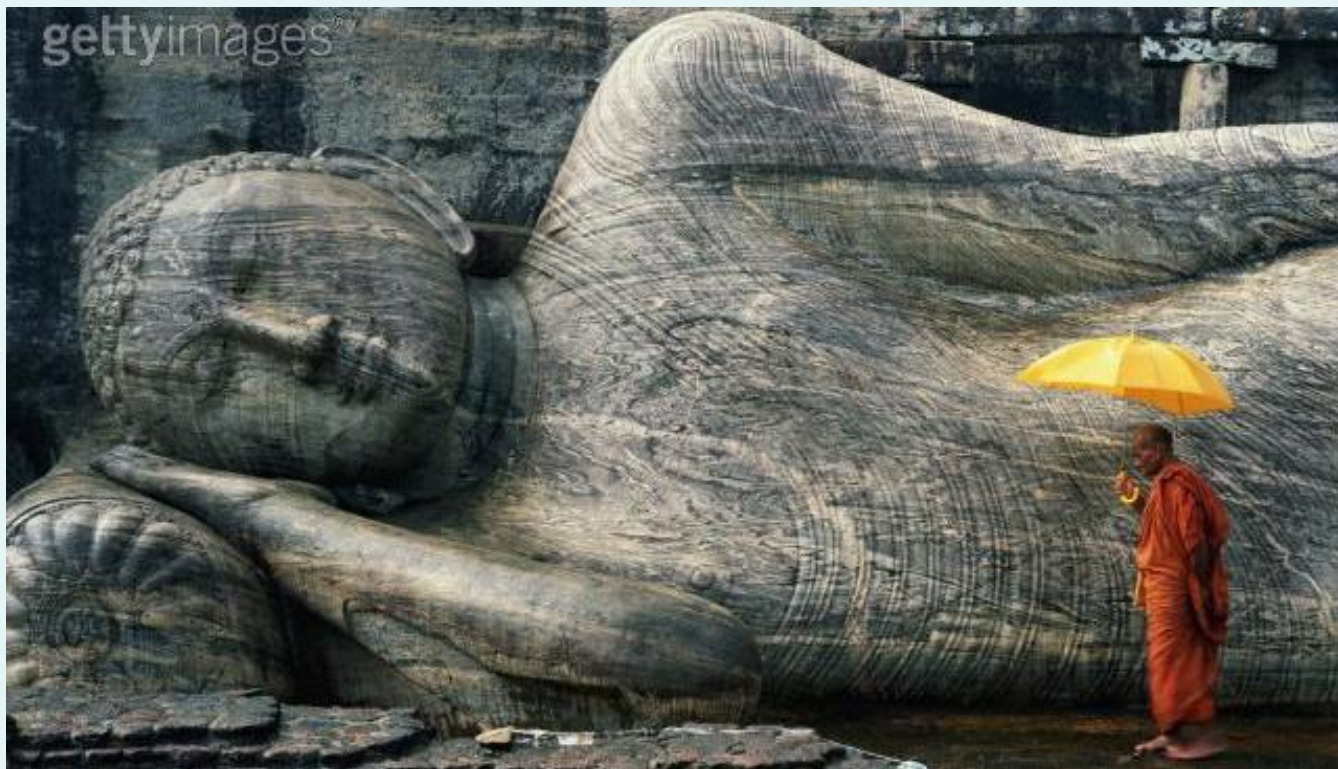
Đạo sĩ thuật rõ đầu đuôi

việc đã xảy ra. Nhà vua nghe rồi ăn năn cầu xin sám hối, rồi đòi thợ săn đến bảo: "Người có công với nước, đem tất cả bà con đến đây ta sẽ trọng thưởng." Khi đã đến đầy đủ vua truyền lệnh: "Vì người đã bắt nhân bội nghĩa, mà đạo sĩ gần thác oan, tội người rất nặng ta sẽ giết cả họ." Lệnh vừa truyền ra, Đạo sĩ vội đến can vua: "Chúng ta là kẻ trượng phu, không nên đem oán để báo oán, nên đem ân mà báo oán, oán ấy mới mong dứt được. Vậy xin bệ hạ hãy vì tôi tha cho tất cả những người này." Vua nghe cảm động và miễn phục đức nhân nại hy sinh cao cả của đạo sĩ. Liên ân xá cho những tội nhân ấy.

Đạo sĩ trở về núi, tiếp tục tinh tấn tu hành, đến khi mạng chung được sanh lên cõi trời và lần lượt chứng thành đạo quả.

Nói đến đây, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni gọi các Tỳ kheo mà bảo: "Đạo sĩ này chính là tiền thân của ta, chim là tiền thân của ông Thu Tử, rắn tức là A Nan ngày nay, thợ săn chính là Điều Đạt đó vậy."

Thuật giả: **Thế Thanh**



THOÁI HÓA ĐĨA ĐỆM

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



Đĩa đệm là một cấu trúc sụn-xơ nằm giữa hai đốt sống.

Toàn bộ đĩa đệm chiếm ¼ chiều dài cột sống và hoạt động như một bộ phận giảm sốc để bảo vệ não và dây thần kinh não tủy khi cơ thể vận động mạnh, như chạy nhảy, uốn mình.

Một số tác giả coi thoái hóa đĩa đệm như một phần của sự hóa già. Đĩa giảm đàn hồi, dẻo dai và giảm sốc. Lớp dây chằng bao bọc đĩa trở nên giòn, dễ gãy. Đồng thời phần chất mềm ở giữa đĩa bắt đầu khô và teo lại, mấu xương (spur) mọc nhô ra ở cạnh đốt xương sống và mặt khớp đốt xương.

Đĩa đệm se và mấu xương nhô ra sẽ làm thu hẹp khoảng trống dành cho dây cột sống, do đó rễ dây thần kinh bị đè ép.

Không phải ai bị thoái hóa đĩa đệm cũng bị đau lưng.

Cơn đau thường xảy ra khi bệnh nhân ngồi vì lúc này phần dưới cột sống chịu sức nặng gấp ba lần khi đứng. Cơn đau tăng khi bệnh nhân cúi xuống, nâng vật nặng hoặc vận mình. Đi lại hoặc chạy chậm đôi khi làm cơn đau giảm đi. Khi nằm, áp lực lên đĩa đệm giảm và làm bớt đau.

Ngoài đau lưng, bệnh nhân còn cảm thấy đau nhói nhói, tê tê ở dưới chân và bàn chân vì dây thần kinh có thể bị kẹp hoặc đè ép.

Chụp X-quang MRI hoặc CT scan là hai phương tiện rất hữu hiệu để xác định bệnh. MRI cho biết mức độ thoái hóa và thoái vị của đĩa đệm.

Có nhiều cách điều trị khác nhau:

a) Không giải phẫu

- Trước hết, bệnh nhân cần kiểm soát cơn đau: chườm lạnh để làm giảm đau, chườm nóng để cơ bắp thư giãn,

- Dùng thuốc chống đau như acetaminophen, thuốc chống đau không có steroids (NSAIDS), thuốc có chất á phiện, thuốc thư giãn bắp thịt.

- Đôi khi, bác sĩ cũng có thể chích cortisone vào màng tủy xương.

Ngoài ra, châm cứu, xoa bóp, siêu âm... cũng có nhiều công hiệu.

Đôi khi người bệnh phải phối hợp nhiều phương thức khác nhau, chứ không có một phương thức chung cho mọi người bệnh.

b) Tập luyện, vật lý trị liệu

Khi cơn đau đã giảm, bệnh nhân cần tích cực tập luyện các thành phần cấu tạo cột sống. Tập luyện mang lại một số lợi ích như sau:

- Giúp các thành phần cấu tạo xương sống duy trì sự bền bỉ và sức mạnh, giảm áp lực xuống đĩa đệm. Nhờ đó, cơn đau giảm bớt.

- Vận động mang chất dinh dưỡng tới cho đĩa đang bị thoái hóa, tổn thương. Tập vươn giãn theo nhịp điệu để tăng cường sức mạnh của bắp thịt dọc theo xương sống, nhờ đó cơn đau cũng giảm.

c) Thay đổi lối sống, thói quen

Bệnh nhân cũng nên tránh các động tác gây ảnh hưởng cho đĩa đệm, như là nâng vật quá nặng, xoay vặn lưng quá cong và nên sử dụng ghế đệm đỡ lưng.

Nếu hút thuốc là thì nên ngưng, vì thuốc lá làm giảm máu tới nuôi dưỡng đĩa. Nếu quá mập phì cũng cần giảm cân.

d) Sau sáu tháng phối hợp điều trị như trên mà cơn đau không những không giảm, mà còn gia tăng, gây trở ngại cho cuộc sống, chọ công việc hàng ngày thì có thể nghĩ tới giải phẫu.

Có hai phương thức giải phẫu thường được dùng:

- Nối tiếp đốt sống (Fusion lumbar spine):

Đĩa thoái hóa được lấy ra và thay thế bằng xương của người bệnh hoặc xương tổng hợp. Xương sẽ mọc ra trên xương ghép và hai đốt xương sẽ dính với nhau. Bệnh nhân sẽ không còn cảm thấy đau vì đĩa thoái hóa không còn nữa.

Phương thức này có vài khuyết điểm: vết mổ đau, mất thời gian lâu để đốt sống dính với nhau, sự dính đưa tới thay đổi chuyển động của các đốt sống lân cận.

- Thay thế bằng đĩa nhân tạo:

Đĩa nhân tạo được thay thế vào vị trí của đĩa thoái hóa. Thay thế này được cho phép dùng ở Hoa Kỳ vào năm 2004, cho nên còn cần nhiều nghiên cứu bổ túc để hoàn thiện.

Giải phẫu chữa thoái hóa đĩa đệm là một phẫu thuật phức tạp, cần một thời gian lâu sau giải phẫu để phục hồi và có thể gây ra một số khó khăn. Do đó, bệnh nhân cần cân nhắc suy nghĩ kỹ càng và cần thảo luận lợi hại với bác sĩ điều trị trước khi quyết định.

www.bsnguyenyduc.com

TRUNG TÂM KHUYẾN HỌC TỈNH THỨC BODHI ACADEMY: MÔ HÌNH GIÁO DỤC TUỔI TRẺ KHỞI SẮC

Việt Báo

GARDEN GROVE (VB) -- Điểm đặc biệt của Chương Trình Khuyến Học Tỉnh Thức Sau Giờ Học Bodhi Academy mà ít có trung tâm dạy kèm học sinh sau giờ học nào có là ngoài việc dạy thêm cho các em kiến thức nhà trường, còn dạy cho các em cách giải tỏa căng thẳng và cân bằng đời sống giúp nâng cao sự chú tâm và năng khiếu cho các em, theo Thượng Tọa Thích Pháp Tấn, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Trung Tâm Bodhi Academy, và cô Mỹ Hạnh, Giám Đốc Điều Hành Trung Tâm Bodhi Academy, cho biết trong buổi tiệc trà giới thiệu thành quả 4 tháng qua của Trường Bodhi Academy, tại cơ sở của Trung Tâm trên đường Garden Grove, Thành Phố Garden Grove, vào chiều Chủ Nhật, ngày 6 tháng 3 năm 2016, với sự tham dự của nhiều phụ huynh học sinh, các nhà bảo trợ, giới truyền thông báo chí Việt ngữ, và thầy cô giáo của Trung Tâm.

Cô Mỹ Hạnh, trong phần mở đầu tiệc trà, bày tỏ sự biết ơn đến Thầy và tất cả mọi người tham dự. Cô cho biết Trung Tâm dùng tiệc trà hôm nay như một cơ hội tốt để giới thiệu đến mọi người cơ sở trường ốc và các sinh hoạt của Trung Tâm. Cô Mỹ Hạnh nói rằng từ khi khai giảng vào ngày 17 tháng 10 năm 2015 đến nay đã hơn 4 tháng, Trung Tâm Khuyến Học Tỉnh Thức Bodhi Academy đã có được nhiều thành quả khởi sắc với nhiều hiệu quả và thay đổi đối với các em học sinh tham dự mà cụ thể là với số học sinh tham dự hiện lên tới 31 em so với ngày đầu khai giảng chỉ có 1 em. Cô

Mỹ Hạnh cũng cho biết Trung Tâm chi muốn nhận dạy kèm cho khoảng từ 45 tới 50 học sinh từ lớp 1 đến lớp 8 là đủ tiêu chuẩn để có thể bảo đảm phẩm chất tốt cho việc giáo dục các em. Cô Mỹ Hạnh kể rằng do cơ duyên xây dựng Hội Bodhi Youth of America và sinh hoạt với các em đem lại nhiều thành quả giáo dục tốt nên cô đã nghĩ đến một mô hình giáo dục trường sở thực sự để dạy dỗ cho các em vừa phần kiến thức nhà trường vừa phần tỉnh thức tâm trí. Đó chính là động lực thúc đẩy cô quyết tâm thực hiện Chương Trình Giáo Dục Sau Giờ Học Bodhi Academy này, đặc biệt với sự lãnh đạo, khuyến khích và bảo trợ tận tình của Thầy Pháp Tấn, Trụ Trì Chùa Khánh Hỷ ở Garden Grove. Cô tâm sự, mục đích của Trung Tâm Bodhi Academy là dùng phương pháp tỉnh thức để giúp các em học hành tốt hơn trong trường và do đó, cũng sống tốt hơn trong gia đình và ngoài xã hội.

Cô Mỹ Hạnh, trong phần giới thiệu chi tiết hơn về nội dung giảng dạy và sinh hoạt tại Trung Tâm Bodhi Academy, cho biết rằng Trung Tâm đã chinh đồng hồ cứ mỗi 15 phút thì đổ chuông một lần gọi là Brain Break, và mỗi lần nghe chuông đổ thì tất cả mọi sinh hoạt, mọi người trong Trung Tâm đều dừng lại để tỉnh tâm và tỉnh thức là mình đang làm gì. Đó là một trong những cách thực hành tỉnh thức của Thiền Chánh Niệm – Mindfulness – mà Thiền Sư Thích Nhất Hạnh đã dạy và áp dụng trong sinh hoạt thường nhật của Thiền Pháp Làng Mai. Điều này đã được ứng dụng ngay trong buổi tiệc trà mỗi khi đồng hồ đổ chuông thì mọi hành động, mọi nói năng đều dừng lại để tỉnh thức mình đang có mặt, đang làm gì. Điều vui vui là vài vị không quen vì lần đầu thực tập nên khi chuông đổ đã không để ý và cứ tiếp tục nói, nhưng mọi người đều hoan hỷ cảm thông.

Trung Tâm cũng đã cho mọi người xem những hình ảnh sinh hoạt trong hơn 4 tháng qua của Trung Tâm bằng cách chiếu những hình ảnh này lên màn hình lớn. Ai nấy đều tỏ vẻ hoan hỷ và lạc quan với phương pháp giáo dục tỉnh thức của Bodhi Academy khi nhìn mấy em học sinh nét mặt thơ ngây, trong trắng chăm chỉ làm bài tập, vui vẻ hồn nhiên trong giờ giải trí và sinh hoạt, hay chăm chú thích



*Các em học sinh trong lớp học tại Bodhi Academy.
(Photo VB)*

thú trong việc nghe nhạc, học vẽ, ăn uống, v.v...



Ban Điều Hành Trung Tâm Bodhi Academy. Từ phải, Mỹ Hạnh, Mỹ Dung, Thầy Pháp Tánh, và Thăng Nguyễn trong tiệc trà tại Bodhi Academy. (Photo VB)

Cô Mỹ Hạnh và Cô Giáo Trần Mỹ Dung, là một trong 4 vị chủ chốt lo điều hành Trung Tâm, gồm Thầy Pháp Tánh Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Cô Vũ Mỹ Hạnh Giám Đốc Điều Hành, Cô Trần Mỹ Dung Giám Đốc Chương Trình iMAP, và anh Nguyễn Xuân Thăng Giám Đốc Chương Trình Văn Hóa, đã cùng nhau giới thiệu về mục đích và nội dung dạy của Trung Tâm Bodhi Academy. Theo đó, Trung Tâm có mấy mục đích chính là: giúp học sinh hoàn tất bài tập làm ở nhà, hướng dẫn học sinh áp dụng việc thực hành tinh thức để nâng cao sự chú tâm và phát triển năng khiếu về kiến thức và về giao tế với mọi người, giúp học sinh nuôi dưỡng thái độ tích cực lạc quan, tinh thức với môi trường, bình an tâm hồn trong suốt một tuần học hành và làm việc cực nhọc. Trung Tâm bắt đầu mở cửa từ lúc 3 giờ chiều cho đến 6 giờ chiều từ Thứ Hai tới Thứ Sáu với lịch sinh hoạt rất nhịp nhàng. Bắt đầu một ngày học là gần nửa tiếng tập cách thư giãn từ tinh thần đến thể chất. Rồi các em được các thầy cô giáo có bằng cấp, có kinh nghiệm, có tấm lòng và yêu thương trẻ em, chỉ cho làm bài tập trong một tiếng đồng hồ. Sau đó các em có nửa giờ giải trí trong tinh thức. Từ 5 đến 6 giờ mỗi ngày các em đều có những chương trình học rất bổ ích về nghệ thuật, ngôn ngữ, yoga, xem phim giáo dục, học nghề nghiệp chức năng làm việc, v.v...

Cô Mỹ Hạnh cho biết hiện nay Trung Tâm chỉ có 3 Thầy Cô Giáo được trả thù lao vì do Trung Tâm thuê dạy, còn lại tất cả mọi người đều phục vụ cho Trung Tâm bằng tấm lòng thiện nguyện không trả tiền. Điều đáng quý là cả 3 vị, Cô Mỹ Hạnh là Kỹ Sư Không Gian, Cô Mỹ Dung đang dạy học lớp 8, và Anh Thăng Nguyễn đang dạy college, đều có việc làm toàn thời gian riêng và họ phải lái xe cả tiếng đồng hồ đến Trung Tâm để phục vụ. Cô Mỹ Hạnh cho biết Trung Tâm chọn thầy cô giáo để mượn vào dạy ngoài tiêu chuẩn là có bằng cấp, có kinh nghiệm, có kiến thức chuyên môn, còn phải có

biết và thực tập thiền chánh niệm để có thể hướng dẫn tốt cho các em. Trung Tâm cũng đã gửi các thầy cô giáo đi tu nghiệp tại các lớp thiền chánh niệm hàng năm để nâng cao trình độ và kinh nghiệm.



Thượng Tọa Thích Pháp Tánh, Trụ Trì Chùa Khánh Hỷ, và Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Trung Tâm Bodhi Academy, tại Bodhi Academy. (Photo VB)

Thầy Pháp Tánh tâm tình rằng đây là mô hình mẫu thử nghiệm phương pháp giáo dục trẻ em tinh thức để làm động lực và kinh nghiệm cho những chương trình giáo dục rộng lớn hơn trong tương lai. Thầy cho biết với dân số người Việt tại Quận Cam quá đông mà Trung Tâm chỉ có thể tiếp nhận tối đa 50 em như tiêu chuẩn hiện nay là chưa đáp ứng được nhu cầu, nhưng cũng đành phải vậy vì để đảm bảo phẩm chất giáo dục tốt nhất cho các em.

Trong phần trình bày về tài chánh của Trung Tâm, cho thấy Trung Tâm còn thâm hụt ngân sách nhiều trong mấy tháng qua, vì số lượng học sinh dự học chưa đủ đông. Vì vậy, Trung Tâm đang tìm cách gây quỹ để bù đắp phần thiếu hụt. Ước tính hiện nay Trung Tâm cần ngân khoản \$15,240 cho mỗi tháng thì mới đủ trang trải hết mọi chi tiêu. Nhưng mức thu trong mấy tháng qua thì chưa đạt tới mức đó. Chính vì thế Trung Tâm kêu gọi sự hỗ trợ tài chánh của các cơ sở thương mại, các vị mạnh thường quân, các cá nhân có lòng đối với chương trình giáo dục trẻ em tinh thức. Ngay trong tiệc trà nhiều người tham dự đã phát tâm tiếp tay với Trung Tâm qua nhiều cách như vận động các phụ huynh đem con tới học tại Bodhi Academy, giúp quảng bá chương trình này trên các cơ quan truyền thông, báo chí, và cộng đồng. Cảm thông và chia sẻ với sự khó khăn lúc ban đầu của Trung Tâm, Bác Sĩ Lan Hương và Chị Linda đã phát tâm cúng tại chỗ cho Trung Tâm mỗi người một ngàn đô và hứa tiếp tục hỗ trợ bằng nhiều cách khác kể cả trực tiếp đến phục vụ tại Trung Tâm.

Trong phần chia sẻ ý kiến với Trung Tâm, tất cả mọi người đều có cùng một cảm nhận rằng đây là việc làm vô cùng hữu ích và giá trị đáng được tán dương và khuyến khích cũng như hỗ trợ.

Bé Brandon, 8 tuổi, học lớp 2, nói tiếng Việt thật rành và kể rằng em rất thích học ở đây, mà thích nhất là thiền nằm, tức là giờ giải trí cho các em nằm để nghe nhạc thư giãn, và em cũng thích các môn mỹ nghệ nữa.

Chị Hồng là mẹ của bé Brandon, cho biết lúc đầu chị đưa con đến Trung Tâm là vì quen biết với Cô Giáo Mỹ Hạnh, nhưng bây giờ thì chị rất vừa lòng với cách dạy trẻ em của Trung Tâm. Theo chị, đặc biệt là Trung Tâm dạy về tinh thức, mindfulness, đã giúp các em rất nhiều trong việc kiểm chế cảm xúc trước mọi việc, biết nghe lời, ngoan ngoãn với ba mẹ ở nhà. Chị kể rằng có hôm chị nổi nóng lên, thì chính mấy đứa con chị nhắc chị hãy tập hít thở theo chánh niệm, làm chị ngưỡng ngùng, nhưng rất vui. Chị Hồng cho biết một người bạn của chị có đạo Thiên Chúa Giáo khi vào đây thấy thích quá nên giờ đã đưa con tới đây học luôn.

Thầy Pháp Tánh cho biết Thầy dự định mở thêm các chương trình khác để giúp cộng đồng như khóa dạy Phật Pháp và thư pháp vào Thứ Bảy hay Chủ Nhật.

Những ai có hảo tâm muốn giúp Chương Trình Giáo Dục Tinh Thức Sau Giờ Học Bodhi Academy thì có thể gửi ngân phiếu, check, về Bodhi Academy, ở địa chỉ 8762 Garden Grove, Suite 102, Garden Grove, CA 92844. Điện thoại: (657) 549-4627. Fax: (909) 753-0359. Email: academy@bodhiyouth.org ; Trang Web: www.bodhi-academy.org

MẸ VÀ HOA MỘC LAN

*Năm rồi Mộc Lan nở
Mẹ mỉm cười như hoa
Tình Mẹ đẹp muôn thuở
Sao dòng lệ ướt nhòa!*

Mẹ ơi! Nhớ Mẹ quá...

thơ



OUR MOTHER AND MAGNOLIA

*This time of year, the Magnolia blooms
Our mother, like the flowers, keeps smiling
Motherly love is forever
How come the tears blurred my eyes?*

Mommy! We still mourning you...

BẠCH XUÂN PHỄ

Quang cảnh trong tiệc trà thân mật tại Trung Tâm Bodhi Academy. (Photo VB)



Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương tám

(tiếp theo kỳ trước)

Thấy chúng tôi đi học xa mỗi ngày cực nhọc, thầy tôi đề nghị ban giám học Phật học viện Hải Đức tổ chức thêm một lớp sơ đẳng Phật học có chương trình tương đương với chương trình của Phật học viện Linh Sơn. Như vậy, dù chúng tôi không đến Phật học viện Linh Sơn để học mỗi ngày, vẫn có hồ sơ học bạ do Phật học viện Linh Sơn cấp nếu hoàn tất chương trình của lớp. Lớp chỉ có bốn môn chính là Lịch sử Phật giáo, Giáo lý Phổ thông, Phật học Sơ đẳng Giáo khoa thư (bằng chữ Hán) và Bạch thoại (tiếng Phổ thông Trung Hoa). Thành phần học tăng của lớp này không nhiều, chỉ loanh quanh các chú tiểu ở viện Hải Đức và các chùa lân cận, tất cả khoảng mười lăm, mười sáu người. Lúc ấy ở viện có thêm bốn chú mới vào, hơi lớn tuổi, là Tâm, Hải, Lâm, Minh. Ở chùa Phước Điền lên học có hai chú là Đạo và Cứu. Chùa Tịnh hội qua học có chú Thân và chú Tùng.

Phòng học của viện không có giờ trống cho lớp chúng tôi sử dụng vì vậy thầy quản chúng đã huy động bọn tiểu chúng tôi dẹp cái nhà tôn (vốn

là nhà kho, chứa những vật linh tinh để trang hoàng cho các đại lễ) ở gần tháp chuông cũ mà làm phòng học. Nhờ có nhiều cửa sổ, và cũng nhờ nằm ở chỗ thoáng trên núi, phòng học được mát mẻ chứ không nóng bức như những nhà lợp tôn thường.

Tôi hằng say tham dự lớp học, càng học càng thấy hứng thú. Lại có sự hướng dẫn tận tình của thầy Thông Chánh, tôi học vượt hơn và đi trước chương trình của lớp học. Vì vậy mà tháng nào tôi cũng đứng đầu lớp. Thầy tôi biết được thì hài lòng lắm.

Nhưng có người không thích, hay có thể nói là người ấy ganh tỵ đối với việc tu học của tôi. Ông ấy tên là Túy, làm việc trong văn phòng giám học của trường Võ Tánh, thường có mặt mỗi tuần một ngày để phụ giúp thầy tôi làm sổ sách cho viện Hải Đức; nghe thầy nói về tôi cũng như khen tôi có chí xuất gia, dám trốn nhà để đi tu, ông nói:

“A, thì ra chú ấy là con của ông bà Đoàn sao?” vừa nói ông vừa cười mỉa mai.

Ở đời ông không dám tranh giành hay ganh tỵ gì với địa vị của ba tôi, nhưng đối với việc đạo, ông muốn ông và gia đình phải vượt trội hơn những phật-tử khác thì phải.

Ông không có đứa con nào xin đi tu cả, mà có bắt buộc chúng đi tu chúng cũng không chịu. Ba mẹ tôi vừa có địa vị ngoài xã hội, trong đạo lại được nhiều Tăng Ni quý mến, đã vậy còn có một đứa con đi tu được thầy khen ngợi, ông không kèm được chút tị hiềm nhỏ mọn của một người đàn ông công chức cấp thấp vốn có cái miệng nhỏ và đôi môi thật mỏng, khi nói thì vụng vạo như cố gắng phân trần về cuộc đời khổ lụy của mình. Ông nói:

“Chú ấy đi tu đâu có gì hay đâu thầy. Con biết chú ấy rành lắm. Hồ sơ, học bạ của chú con nắm hết mà thầy. Ồi chao, chú này hoang nghịch lắm thầy ơi. Cứ trốn học rồi đội sổ hoài, học đâu có nổi. Con nghĩ chú ấy chán học quá nên đòi đi tu chứ có phải là có chí hướng xuất gia gì đâu!”

Thầy tôi cười nói:



“Đừng có lo. Đâu phải không thích học thì vào chùa để rồi khỏi học. Ở chùa còn học nhiều hơn gấp bội mà học suốt cả đời nữa kia. Chương trình học của các chú, các thầy trẻ, lúc nào cũng gấp đôi những người ngoài xã hội. Ai nghĩ rằng vào chùa để khỏi đi học là lầm to đó bác. Sau này khi hoàn tất khóa Sơ đẳng Phật học rồi, chú ấy sẽ vào Phật học viện Trung đẳng, ở đó chú sẽ vừa đi học văn hóa ở ngoài như bao học sinh khác mà cũng vừa học chương trình Phật học trong viện nữa. Sáng thì học trường đời, chiều thì học trường đạo. Có khỏi học được đâu! Nhưng tôi nghe các thầy báo cáo là chú ấy học giỏi lắm mà, tháng nào cũng đứng đầu lớp. Mới đi tu mà vậy là sáng lắm.”

“Nhưng... ai đi tu con còn thấy quý chứ chú ấy đi tu con thấy nghi nghi cái gì đó. Hình như là học dở quá, chán quá mới đòi đi tu cho thoát nợ vậy thôi.”

Thầy bật cười nói:

“Những người có duyên với đạo thì thường khi không có duyên với đời. Cũng trường học, cũng giáo sư, cũng bạn bè, nhưng khung cảnh học đường ở đời có thể không làm cho chú ấy thích. Nếu thực sự chú ấy là một đứa bé không có tâm hiếu học thì vào đây chú ấy sẽ không muốn học, có học cũng học dở chứ không giỏi được. Đàng này, thực tế cho thấy trái ngược. Bác đừng có lo mà, chú ấy không những có khả năng tu tập hạnh kiểm rất tốt mà còn siêng năng thích thú việc học hành nữa là khác.”

Thầy tôi đã nói vậy mà ông Túy vẫn chưa vừa lòng, cứ đinh ninh một giọng là tôi chỉ muốn trốn học nên vào chùa. Thấy vậy, thầy Tín, một thầy học tăng của viện cũng ngồi trực tại phòng khách, đảm bực, bèn mạn phép lên tiếng:

“Cái vòng lẩn quẩn của thế gian không phải ai cũng thích đi vào đâu bác ạ. Cho dù nó là đũa lười biếng, lêu lổng ngoài đời, nhưng khi nó quyết tâm chọn con đường xuất gia



rồi thì có thể coi như nó đã có chí hướng, có cách chọn lựa khác thường của nó. Cách chọn lựa đó là cách chọn lựa khôn ngoan, hợp với đạo mà không phải rằng ai cũng có thể có được đâu. Nếu bác học đạo lâu năm, bác sẽ thấy rằng thực ra cả thế gian này cũng cần phải bỏ quách cho xong chứ nói chi chuyện bỏ học, bỏ trường!”

Bấy giờ ông Túy mới cười bẽn lễn mà im luôn. Thầy Tín đã kể lại cho tôi nghe cuộc nói chuyện tại phòng khách hôm đó. Thầy ấy khuyên tôi đừng để ý chi chuyện ganh tị nhỏ nhen của người đời, cứ hết lòng tu học là được rồi. Thực ra tôi cũng chẳng có thì giờ và tâm trí để quan tâm chuyện đó. Tôi có nhiều bài vở để học lúc ấy. Nhất là những bài mà thầy Thông Chánh kèm dạy thêm cho tôi ngoài chương trình lớp học.

Tháng sau, thầy tôi cho cả lớp học biết trước rằng theo chương trình giáo dục của Giáo hội trung ương đề ra, sẽ có nhiều Phật học viện Trung đẳng của các tỉnh đồng loạt khai giảng vào tháng chín năm nay, tức là còn khoảng bảy tháng nữa. Điều kiện nhập học là trình độ trung học đệ nhất cấp, học xong hai thời kinh công phu, giáo lý phổ thông cơ bản và ít nhất là hai cuốn luật tiểu. Các chú tiểu tốt nghiệp Phật học viện

Sơ đẳng thì được chuyển thẳng lên Phật học viện Trung đẳng, không cần phải qua kỳ thi khảo hạch. Nghe vậy, lớp học chúng tôi mừng khắp khởi, chú nào chú nấy hăng say lo học để được thầy tôi lập danh sách chuyển trường. Có thể nói rằng lớp tôi là một lớp học “cấp tốc.” Chương trình Sơ đẳng Phật học nếu học kỹ thì phải hết bốn năm, còn rút ngắn thì cũng phải hai năm; đàng này, lớp chúng tôi chỉ rút gọn trong vòng nửa năm là lấy chúng chỉ tốt nghiệp Sơ đẳng của Phật học viện Linh Sơn để được chuyển đi.

Chương trình học như vậy đã bao hết thì giờ của tôi trong ngày khiến tôi và thầy Thông Chánh chỉ rảnh có giờ phóng tham để thầy dạy tôi học thêm chữ Hán và các giáo lý phổ thông ngoài chương trình của lớp. Chuyện đưa tôi đi chơi cuối tuần hay đi phố mua sách đã phải giảm xuống, lâu lắm mới có một dịp.

Loay hoay bận rộn với chuyện học hành, tôi gần như quên mất ngày tháng trôi qua rất nhanh. Đến khi mẹ tôi mang đến cho tôi một gói quà nhỏ, một tấm thiệp và một bài thơ, tôi mới giật mình biết rằng tôi đã xuất gia được một năm.

Mẹ tôi đem quà cho tôi mà không có thời giờ nói được gì với tôi cả. Hình như mẹ lên viện từ sáng sớm nhưng không gặp tôi được; mẹ thăm quý thầy, rồi xuống bếp phụ giúp các dì vải, ở lại chơi suốt ngày để chờ có dịp gặp tôi. Ban ngày tôi bận học bài, coi nhà, rồi xế chiều tôi lại có giờ học trong lớp. Khi tôi tan lớp thì mẹ sắp phải sửa rời viện để về, chỉ nói một câu ngắn gọn:

“Con xuất gia được một năm rồi đó. Mẹ mua quà cho con để kỷ niệm.”

Tôi cầm gói quà nhỏ của mẹ, chẳng biết nói gì. Tôi chỉ cười rồi ngồi yên đó. Mẹ tôi cũng ngồi yên một lúc rồi cáo từ mà về. Tôi không dám đưa mẹ tôi đi ra xa khỏi khu vực phòng khách vì có thầy tôi ngồi ở đó. Chờ mẹ đi khuất sau dãy Tổ đường, tôi mới đem

cất tạm gói quà vào va-li rồi đi quanh đường khác, xuống dãy nhà bếp, nhìn qua con đường Hoàng hôn: dáng mẹ tôi với chiếc áo dài lam ẩn hiện giữa những hàng cây rợp bóng.

Từ ngày tôi xuất gia, mẹ tôi đã cất hết những chiếc áo dài với hàng lụa tốt và màu sắc rực rỡ. Bà còn ăn chay, tụng niệm nhiều, sống đơn giản hơn, để âm thầm chia sẻ với những khổ nhọc của đứa con trai nhỏ ở chùa. Ba tôi trong một lúc xúc cảm ngồi bên tôi, đã cho tôi biết như vậy.

Mẹ tôi bước từng bước chậm trên con đường ngập nắng hoàng hôn. Xưa nay bà vốn vậy, đi đứng lúc nào cũng chậm rãi, thong thả, như một kẻ suốt đời nhàn du qua cuộc đời bể của trần gian. Tôi nhìn theo dáng mẹ mà thấy băng khuâng trong lòng. Tại sao tôi lại không nói được với mẹ lời nào nhỉ? Phải chăng tôi đã trở thành một chú tiểu và không còn là đứa con của mẹ nữa sao? Lâu lâu mẹ mới lên viện một lần, vậy mà lần gặp gỡ chiều nay, chỉ là để nhìn tôi, trao cho tôi món quà nhỏ ấy thôi. Tôi thấy tội nghiệp cho mẹ quá. Dù rằng mẹ còn có mười ba đứa con khác để biểu lộ thương yêu, nhưng thiếu sự biểu lộ thương yêu một cách bình thường đối với tôi, chắc mẹ cũng buồn, cũng khó chịu trong lòng.

Chờ mẹ khuất hẳn ở cuối con đường đời, tôi mới xoay qua lo việc dọn cháo chiều cho thầy. Sau đó thì đến giờ ăn cơm của bọn tiểu chúng tôi. Không có thời gian rảnh nào để tôi mở gói quà của mẹ. Sau giờ ăn là giờ phóng tham, tôi phải đến phòng thầy Thông Chánh để lo trả bài và nghe giảng bài mới. Xong giờ học này, tôi lại có lớp tối gần hai tiếng đồng hồ. Tan lớp, tôi trở về phòng mới nhớ sức lại gói quà chưa mở ra của mẹ. Không có phòng riêng, tôi mang gói quà ra cột cờ trước chánh điện, nơi có hai ngọn đèn vàng rất sáng từ hai bên lối đi rọi đến. Tôi run run mở gói quà được gói rất đẹp và cẩn thận do chính tay mẹ. Dưới lớp giấy bao là một cái bì thư

nhỏ, bên trong là một tấm thiệp nhỏ không hình ảnh, mà là một bài thơ, phía dưới ghi rõ ngày xuất gia của tôi cũng như ngày kỷ niệm của năm nay. Món còn lại là cái hộp giấy mà tôi đoán là bánh hay kẹo gì đó. Tôi mở ra xem. Tôi đoán không sai. Bánh dẻo. Một hộp bánh dẻo, loại bánh mà người ta thường bày bán vào dịp Tết Trung Thu. Chắc mẹ tôi cũng đắn đo suy nghĩ trước khi chọn quà cho tôi. Mua quà cho thầy tu rất khó, ngoài chuyện mua trà, sách vở, tranh, bút... chẳng biết mua gì khác hơn. Thầy tu là kẻ từ bỏ thế gian mà, vậy thì có món quà nào của thế gian làm cho họ vui đâu! Huống chi ở Phật học viện này mỗi người đều có tiêu chuẩn cơm ăn, áo mặc, phòng ở, v.v... hàng tháng, hàng năm rất đầy đủ, biết biểu tặng cái gì cho vừa lòng họ! Cũng may tôi là ông thầy tu rất nhỏ nên việc mua quà của mẹ không đến nỗi quá khó. Mẹ mua cho tôi hộp bánh dẻo. Thực tế vậy thôi! Con nít mà, tu rất quý, nhưng ăn cũng quan trọng lắm! Hộp bánh dẻo *Bảo Hiên Rồng Vàng* rất thơm. Người cũng đã thấy thèm rồi nói chỉ cần từng miếng nhỏ mà nhai, dẻo ơi là dẻo!

Nhưng tôi không ăn vội, tôi đọc tấm thiệp có chép bài thơ của mẹ cái đã. Mẹ tôi là thi sĩ mà. Bà làm thơ từ năm mười bốn tuổi, đã cùng dì Mộng Tuyết, dì Thụy An kết nghĩa chị em thành ba nữ sĩ của ba miền (nữ sĩ Thụy An miền Bắc, nữ sĩ Mộng Tuyết miền Nam, mẹ tôi, Trinh Tiên, miền Trung). Thơ bà đã in thành tập, phát hành rộng rãi, nhất là tập thơ đạo có tên *Hương Đạo Hạnh* đã được giới tu sĩ và cư sĩ đón nhận nồng nhiệt. Bà làm thơ tặng các chùa, các thầy, các sư cô, tặng những dì vải, tặng chú Đổng làm công quả, tặng con mèo ăn chay, tặng những cánh phong lan của viện. Nơi nào có người tu, nơi đó có mặt mẹ, nơi nào có mặt mẹ, nơi đó có thơ. Vậy thì làm sao

bà có thể thiếu được một bài thơ cho đứa con trai nhỏ nhân ngày kỷ niệm một năm xuất gia của nó chứ! Bài thơ có tựa đề "**Chiều Thu Thăm Con Ở Chùa**":

*"Đôi mùa thu trái lá
Non tây hút mặt trời
Sương lành thấu nắng ngả
Chuông chùa ngân chơi với..."*

*"Dưới thấp bước lên cao
Mẹ để thành phố lại
Bỏ sắc đời hư hao
Quên chuyện đời khôn dại..."*

*"Bằng hai bàn tay không
Mẹ ôm đầy tâm niệm
Khuyên con luyện chí đồng
Mẹ quý dâng mặt nguyệt..."*

*"Trở về cao xuống thấp
Sương sớm lá thu vàng
Áo nhạt bình màu lam..."*

Dù tôi có mặc đồ tây hay khoác áo nhạt bình màu lam, trong mắt mẹ, tôi vẫn là một con nai nhỏ, đứng trên đôi dãi mắt nhìn theo dáng mẹ khuất dần ở xa.

Ngày hôm sau, trong bồn cái bánh dẻo, tôi đem biểu thầy Thông Chánh một cái, chia cho các chú tiểu hai cái, và ich kỷ giữ lại một cái cho riêng mình để ít nhất cũng ăn một cách trân trọng mà đáp lại tấm lòng của mẹ. Mẹ tôi thường thi vị hóa cả những cái rất tầm thường hàng ngày. Tôi nghĩ chắc bà cũng muốn tôi ăn cái bánh dẻo để tự nhắc mình trau luyện ý chí cho bền dẻo mà tu học. Chỉ trong ngày ấy thì bánh hết. Nhưng bài thơ và sự khích lệ ý vị của mẹ thì còn mãi.

*(mời đọc tiếp chương 9)
Vĩnh Hào*

